Thư Viện Hán Nôm Sưu Tầm Kỳ (67-74) tặng Huỳnh Chiêu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đô

友聲雜誌

HỮU THANH

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
Nº 1872

RÉSIDENCE SUPÉRIEURE AU TONK
DEPOT-LEGAL

Mỗi tháng xuất bản hai kỳ — mồng một và rằm

CƠ QUAN CỦA HỘI TRUNG-BẮC NÔNG-CÔNG-THƯƠNG TƯƠNG-TẾ

DIRECTION - RÉDACTION - ADMINISTRATION

HANOI — 59, Rue du Chanvre, 59 — HANOI

SÁNG-LẬP
NGUYỄN-HUY-HỢI

CHỦ-NHIỆM
NGUYỄN-DUY-NHO

MỤC LỤC

Khảo về lịch-sử việc kinh-tế.... 287
Vấn-đề đàn bà con gái..... 292
Chuyện một người nghĩa-sĩ nước Nhật-bản..... 299
Sự phát-minh trong khoa-học. 302
Cuộc đi chơi sơn-thủy nước thụy-sĩ..... 303
Nghiên cứu nghề huyền-thuật. 306
Tiểu thuyết (Một đóa hoa lạ) . 313
Hai người nghĩa-biệp..... 320
Văn nữ giới..... 326
Văn-thơ..... 328
Thời-sự..... 332
Công-việc Hội Nông-Công-Thương-Tương-Tế..... 338

IN TẠI CHẤN-PHƯƠNG ẤN-QUÁN
30, Phố hàng Mành, 30
HANOI

Mỗi số 0$25

Hữu Thanh Tạp Chí

REVUE BI-MENSUELLE

Organe de l'Association Mutuelle des Employés Indigènes de Commerce d'Industrie et d'Agriculture de l'Annam et du Tonkin

Chủ-nghĩa và mục-đích Hữu-Thanh

Hữu-Thanh tạp-chí này lấy « Hữu-ái » làm chủ-nghĩa, mục-đích để cổ-động cái tinh-thần tương-ái trong đồng-bào, mong người trong nước cùng yêu-mến nhau như ruột thịt, để nương-tựa nước Đại-Pháp mà lên con đường văn-minh.

GIÁ MUA HỮU-THANH TẠP-CHÍ

Mỗi số... 0p.25, sáu tháng... 2p.50, một năm.. 5p.00.

Ngoại-quốc một năm... 6p.00.

Các ngài hội-viên Hội Nông-Công-Thương Tương-Tế được trừ 10 o/o

MUA HỮU-THANH TẠP-CHÍ XIN GIẢ TIỀN TRƯỚC

NHỜI GIAO.—không ai được đăng lại những bài trong báo này

MUA HỮU-THANH TẠP-CHÍ, ĐĂNG CÁO-BẠCH VÀ GỬI BÀI LAI-CẢO

Các ngài mua Hữu-Thanh đăng cáo-bạch và gửi bài lai-cảo hay gửi mandat gửi tiền về cho, xin đề phong-bì rõ ràng:

M. NGUYỄN-DUY-NHO

Directeur de la Revue HỮU-THANH

59[illegible] Rue du Chanvre, Hanoi

Quang Tin Ky Đại Dược Phong

60, Rue de Canton, 60 — CHOLON

安南堤岸廣信大記藥房各項應驗丹九散藥水藥油發客

CÁO BẠCH

Bản hiệu có bán đủ các thứ thuốc cao, đơn, hườn tán, dược dẫu, dược thủy, thiệt là thượng hạng, khắp nơi xa gần đều biết danh, những thuốc của bản hiệu chế luyện ra thì có dùng cái nhãn **(Tôn chơn-nhơn)** *làm tinh, xin các ngài có mua thuốc của Bản hiệu, thì gửi thư lại cho Bản hiệu hay. Đề-phong bì như vậy, Monsieur* **Quảng-Tín-Ký** *đại dược phòng Rue Canton 60 Cho-lon thì Bản hiệu sẵng lòng gửi thuốc lập tức gửi cách Contre Remboursement, nghĩa là đem tiền đồng nhà thư mà nhận thuốc.*

Như các ngài có muốn xin Catalogue của bản hiệu xin các ngài viết thư cho bản hiệu hay. Thì bản hiệu sẵng lòng gửi cho liền..

搜毒靈藥

SƯU ĐỘC LINH DƯỢC

(Thuốc trị bệnh tim la)

Thuốc nầy chuyên trị các chứng bịnh hoa liễu như sau đây, dương mai, thiên phấn, tiêm la lở lói, ung thư nhọt ghẻ, đau nhức xương cốt vô danh thũng độc, tiêm la lấy lụa bịnh nổi hột xoài, rút gân bại xụi, lác vói, lác ước, bán thân bất toại, nổi mục đầy mình như ai có nuôi mà bị nhằm chứng ngặt nầy, dùng đến thuốc nầy, phải chắc ứng nghiệm như thần.

GIÁ TIỀN

Mỗi 1 ve thuốc nước và thuốc hườn..... 2$80

Cách dùng có chỉ rõ trong toa

烏雞參茸白鳳丸

Ô KÊ SÂM NHUNG BẠCH PHỤNG HOÀN

(Thuốc điều kinh chưởng tử)

Thuốc nầy chuyên trị những chứng đường kinh khi trồi, khi sụt không chừng, huyết kinh ra nhiều, huyết bằng ra xối xả, bạch đái, bạch dâm, huyết bạch dâm dề, nhơn khí huyết hư lạo đường kinh làm đau bụng, đau ruột, kinh nghịch hành thổ huyết, bí đái, bí ỉa, phát nóng lạnh, xương cốt mỏi tê, huyết kinh hoặc đợt, hoặc bằm đều nhờn hoành sanh nghịch sẵng, thai y nhau chưa ra ngồi nhau, sẵng hậu huyết ứ đóng cục trùng lên làm đau bụng, hoặc thai bịnh chẳng an, các chứng ấy đều dùng thuốc nầy uống với rượu như đờn bà chưa con thì sẽ có thai, như có thai thì an thai, còn như người ốm yếu dùng đến thuốc nầy thì trở nên mập mạp.

GIÁ TIỀN

Hộp kiễn mỗi hộp 1 hoàn lớn.....	1p.00	Hộp cây mun mỗi hộp 2 hoàn.....	0p.60
» 2 hoàn nhỏ.....	1.00	Hộp cây mun mỗi hộp 4 hoàn.....	1.20
» 4 hoàn nhỏ.....	1.20		

Cách dùng có chỉ rõ trong toa

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

ĐỒNG-PHÁP YÊN-THUỐC CÔNG-TY

SOCIÉTÉ DES TABACS DE L'INDOCHINE

SOCIÉTÉ ANONYME AU CAPITAL DE 6.000.000 FRANCS

Administration et Manufacture à Hanoi

Sản xuất những thứ THUỐC-LÁ sau này:

(PRODUITS RECOMMANDÉS)



BÁN HẠ GIÁ

Thuốc **Stic "Parfaites"**	*Mỗi gói*	0$08
Thuốc **Stic "Havane"**	*Mỗi gói*	0 10
Thuốc **Stic "Anglaises"**	(*Thanh-hương*) *bọc vào hộp kín, mỗi hộp 20 điếu*	0 20

Annam: nên hút thuốc lá **STIC**

祥和裕
YU-WO-TSÉONG

SOIERIES CHINOISES ET ANNAMITES EN TOUS GENRES

VENTE EN GROS

Rue des Cantonnais — Hanoi

Téléphone n° 266

Từ khi đăng báo đến nay, đã được nhiều các ngài chiếu-cố. Nay lại mới có hàng kỳ-cựu đầu tiệm Dụ-wng sang và các thứ hàng khác sang nhiều lắm. Vậy có lời loan báo để các ngài biết. Hàng bán buôn, không bán lẻ và không có mẫu gửi đi các nơi.

Hàng tốt mà giá lại rẻ, vì rằng bản-hiệu có xưởng tự chế ở bên Trung-Hoa cho nên qui-khách nào buôn của bản-hiệu cũng được hàng thật tốt và giá thật rẻ hơn các hiệu khác, vì rằng các hiệu đó còn buôn lại của bản-hiệu.

Nếu qui-khách nào ở xa hoặc gần mà buôn hàng của bản-hiệu, thật là buôn tại gốc bán tại ngọn đó.

Bản-hiệu có trữ nhiều các thứ hàng Bắc-kỳ nữa, hàng đen và các mũ có đủ cả, qui-khách ở Nam-kỳ có muốn buôn để bán thì cứ gửi thơ mà mua của bản hiệu, lúc nào trong hiệu cũng có vài ngàn cây, tha hồ mà chọn, chẳng hề thiếu-thốn.

Vậy các quý-khách chiếu-cố cho.

VU-WO-TSÉONG.



AU BONHEUR DES TONKINOIS

HAI-CHINH

53, 74 et 76 rue du Pont-en-Bois

HANOI



Nhà chế-tạo ra các kiểu mũ và các thứ khăn sếp sẵn, xuất-hiện đã 10 năm nay được nhiều cái quang-cảnh hân-hạnh như sau này:

Hoàng-Thượng ban kim-tiền.

Nhà-nước thưởng médaille chương-mỹ bội-tinh.

Hội Ái-mỹ tặng những bằng khen ngoại hạng (Hors concours).

Nghề làm mũ và khăn của bản-hiệu cũng suy xét được nhiều, dùng toàn thợ khéo làm rất kỹ lưỡng mà hợp-thời-trang; giá bán phải chăng, qui-khách mua buôn hay mua lẻ xin cứ gửi thơ cho bản-hiệu và gửi cho một phần tiền đặt trước; tiếp được thơ xin gửi ngay theo cách lĩnh-hóa giao-ngân đi tỉnh nào cũng được.

Nay kính: HAI-CHINH

NGUYỄN-HUY-HỢI Công-ty

HANOI — số 73, Phố Mới, số 73 — HANOI

HỮU-HẠN TẬP-CỔ CÔNG-TY

Vốn 42.500$00

Đóng, chữa, sơn lại các thứ xe ta, xe ngựa.

Xe nhà cao-su kiểu mới, thực đẹp, thực nhã; các qui-khách muốn đặt kiểu nào cũng được.

Có nhiều kiểu xe đã bầy tại Hội-chợ mới rồi và có nhiều xe chạy trong thành-phố Hà-nội.

Giá tính phải chăng. Làm cẩn thận và thật mau.

Các ngài ở nơi xa muốn đóng xe, bản hiệu xin đóng cẩn-thận mà gửi đi.

Đã có nhiều ngài trong Nam-kỳ nhận được xe của bản-hiệu đóng gửi thơ ra khen bản-hiệu.

Xin các qui-khách chiếu-cố, bản-hiệu hết lòng hoan-nghênh.

NGUYỄN-HUY-HỢI Công-ty.

GRANDS MAGASINS RÉUNIS

ĐÔNG-PHÁP ĐẠI-THƯƠNG-CỤC

NHÀ GÔ-ĐA HÀ-NỘI

HÃNG BUÔN RỘNG NHẤT Ở ĐÔNG-PHÁP

Nhiều thứ hàng nhất

NÀY THỬ XEM KHU HÀNG MỚI SANG :

NÀO HÀNG PHA-LÊ, ĐỒ DÙNG TRONG NHÀ, ĐỒ BẰY TRONG NHÀ, ĐỒ ĐIỆN, HÀNG GIẤY

HÀNG THỢ MAY

MỘT NGƯỜI CAI CẮT ÁO VÀ MỘT NGƯỜI CAI THỢ GIẦY NGƯỜI PHÁP CHUYÊN MÔN LÀM CHO HIỆU

CÓ MỘT KHU RIÊNG BÁN CÁC THỰC VẬT

Nên đến lấy quyển mẫu hàng về mà xem.

潘 德 成

河內行鼎庸数第二號

PHAN-DUC-THANH

MAISON DE NOUVEAUTÉS SOIERIES

CHINOISES, FRANÇAISES, TONKINOISES, DIVERSES, ETOFFES, LAINAGES, DRAPERIES.

Bản hiệu bán đủ các thứ hàng Tàu, hàng Tây, hàng ngoài Bắc-Kỳ, các thứ vải, láng, len, giạ, đủ các thứ.

May quần áo Annam và quần áo Tây đủ các lối.

Bản hiệu có bán vàng diệp Vĩnh-thịnh-Long chính hiệu 永盛正號金葉

GROS ET DÉTAIL

VENTE DANS TOUTE L'INDOCHINE

HANOI — 2, *Rue des Cantonnais*, 2 — HANOI

潘 泰 成

PHAN-THAI-THANH

NOUVEAUTÉS EN SOIERIES DE TOUS GENRES

4, Rue des Cantonnais — HANOI

Cửa hàng lớn bán đủ các thứ hàng tơ lụa ở đầu phố hàng-ngang số nhà 4 đầu phố hàng buồm trông sang, bán buôn và bán lẻ.

Bản hiệu chuyên nghề bán các thứ hàng tơ lụa như sau này: Hàng tàu hàng tây hàng Bắc-kỳ hàng Saigon các thứ hàng kiểu mới văn văn, vân, hàng thời thực tốt, giá bán thực hạ, các ngài ở xa viết thơ về lấy cũng một giá như đến cửa hàng.

NĂM THỨ TƯ. — Số 6 — 15 JANVIER 1924

HỮU-THANH

KHẢO VỀ LỊCH-SỬ VIỆC KINH-TẾ TRONG THẾ-GIỚI

Kinh-tế là nói về việc sinh-kế, việc lý-tài, nói về hóa-vật trời sinh và hóa-vật người làm, nói về tiền-tệ là cái thay mặt cho hóa-vật. Những kẻ học về khoa kinh-tế, thì cốt xét cái tài-nguyên trong nước dồi dào hay là khan khó, mà tính cái đường sinh-hoạt của quốc-dân. Trong học kinh-tế, chú-trọng hai đường này: một là xuất-sản, hai là phân-phối. Xuất-sản là làm ra, làm sao cho của cải làm ra thật nhiều; phân-phối là sau đi, làm sao cho bậc giàu nghèo vừa phải. Bên Âu-châu đời xưa, học kinh-tế chưa có chuyên-môn, từ khi nước Pháp có cái phái trọng-nông (Phisiocrates) nước Anh có Á-đơn-tư-Mật, (Adamsmith) rồi cái học kinh-tế mới sáng láng rực rỡ. Nhưng buổi ấy các nhà học kinh-tế chỉ chú-trọng về xuất-sản, cốt làm sao cho trong nước hóa-vật chế-tạo thật nhiều. Mãi sau đến đầu thế-kỷ này, máy móc càng ngày càng tinh, càng ngày càng nhiều, đồ làm ra chóng mà giá rẻ, những nhà Si-nghiệp (là người xuất của thuê người ta làm cho mà bắn lấy lợi) bỗng chốc thành nhà Đại-phú, tiền của dư dào, ăn tiêu xa xỉ; mà những kẻ công-nhân thì tiền công được bao nhiêu chẳng vừa nuôi miệng, chỉ ra sức làm cho người tế mà bản-thân thì khổ một đời. Những nhà học kinh-tế thấy thế, lại xoay chú-trọng về phân-phối. Từ lúc đại chiến-tranh đến nay, nước nào cũng tàn-tệ điêu hao, vật-sản làm ra sút hơn ngày trước. Những kẻ học kinh-kế thấy tình-trạng ngày nay, lại xoay ra chú-trọng về xuất-sản, cầu cho xuất-sản tăng lên, cho cải đường sinh-hoạt quốc-dân lại hồi-phục như trước. Nay chúng ta hãi đem cái lịch-sử kinh-tế bên Âu-châu lược kể ra sau này :

Việc kinh-tế đời cổ-sơ

Việc kinh-tế đời cổ-sơ, vì lâu năm lâu đời, sách vở không đủ, khảo-cứu khó lòng, cho nên học-giả nói phân-vân chẳng nhất-định gì. Có ba nhà : Bị-yết (Bücher), Mã-viêm (Mayer) và Cát-nhĩ-Duy-hạ-Lợi (Salvioli).

Ông Bi-yết chia làm ba thời-kỳ : Đầu là « gia-đình kinh-tế » nhà nào làm lấy đồ ăn dùng nhà ấy, chẳng đổi chác cùng ai ; kế đến « thành-thị kinh-tế » nhân-dân nhóm nhau ở thành-thị, kẻ làm được đồ cùng kẻ có lúa gạo vật ăn đem ra đổi cho nhau, trực-tiếp đổi chác ; sau là « quốc-gia kinh-tế » sửa sang đường sá, sông bến, cầu, đò, cho tiện đường tải-vận, cho người buôn mua đồ ở người tay làm mà đem đi bán cho người có của, gián-tiếp đổi chác.

Đời thượng-cổ, loài người còn xuân-xuân, khác các thứ động-vật chẳng bao nhiêu, đói thì tìm mà ăn, ăn thừa thì bỏ, buổi ấy chưa có gia-

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

đình, chẳng có gì là kinh-tế, đến sau con giai lấy con gái về nhà làm của mình, cái chế-độ gia-đình mới phôi-thai từ đó. Đàn ông thì săn bắn, đàn bà thì cày bừa, nói rõ lại, những việc thuộc về động-vật thì phần đàn ông, việc thuộc về thực-vật thì phần đàn bà; đồ ăn dùng trong nhà thì phải kiếm lấy làm lấy, việc kinh-tế gia-đình là từ đó. Song buổi ấy trong một gia-đình chỉ là người có huyết-thống (dòng giọt máu) mà thôi. Sau dần dần, nhiều nhà làm ăn giỏi hơn người, có của thừa hơn người, mới thu dụng những người không huyết-thống (là đầy tớ) vào trong gia-đình. Những nhà giàu nước La-mã nuôi đầy tớ thật nhiều, đầy tớ phải làm ruộng, phải hầu hạ chủ nhà. Tuy lúc ấy quy-mô đã rộng, nhưng vẫn chưa thoát khỏi vòng gia-đình kinh-tế, của trong nhà làm ra chỉ cấu đủ trong nhà dùng, mà cũng chỉ đủ dùng trong nhà, nhà nào cũng thế, ít cùng nhau đổi chác.

Bởi cái thời-kỳ gia-đình kinh-tế ấy mà xoay vào thời-kỳ thành-thị kinh-tế, là vì những lẽ sau này: Các nhà nông dân, đầy tớ đông, ruộng đất nhiều, nhưng vật xuất-sản dùng trong một nhà không hết, mới đem vật-sản của mình mà đổi cho người ta lấy đồ khác, hoặc là đồ cần dùng, hoặc là đồ đẹp ý, từ đó thói đổi chác mới thịnh.

Đời xưa các dân-tộc hay đánh nhau, cho nên xây thành để giữ giặc, khi có giặc giã thì dân hương-thôn xúm vào trong thành, dân ở thành càng lâu càng nhiều, thì vật ăn xuất-sản không đủ dùng trong một thành, bấy giờ mới có người chuyên-tâm làm công-nghệ, đem đồ mình làm đổi cho những dân ở hương-thôn mà lấy thóc lúa, từ đó thói đổi chác lại càng nhiều. Thành đã đông người, kẻ gần người xa, kẻ cái này, người vật khác, đâu cùng về đó đổi chác, cho nên dần dần rồi thành chợ. Song chỉ kẻ xuất-sản cùng kẻ tiêu dụng hai bên đổi cho nhau, chứ không có người ở giữa mà làm môi-giới, tức là người buôn.

Do cái thời-kỳ thành-thị kinh-tế mà xoay vào thời kỳ quốc-gia kinh-tế, thì cái nguyên nhân ấy cũng nhiều: Vì cái thói lấy vật-sản mà đổi vật sản, thì nhỏ lớn, nặng nhẹ, ít nhiều, nhiều sự bất tiện cho đường đổi chác; vì thế mà cái chế-độ tiền-tệ mới lập ra; lấy một cái mà thay mặt cho sản-vật, kẻ có sản-vật thừa thì đổi lấy tiền bạc tùy theo cái sản-vật quí hay là ít quí, mà cái số tiền bạc ít hay là nhiều tức là vật-giá, rồi lại lấy cái tiền bạc thay mặt ấy mà đổi lấy vật-sản khác cần dùng. Từ khi có tiền bạc thay mặt cho sản-vật, thì có người dùng tiền bạc đi đổi lấy sản-vật ở thành kia, mang sang thành nọ, tính thêm cái công mình vào đó nữa, mà đổi cho người ta lấy tiền bạc, vậy gọi là mua bán, gọi là người buôn; đó là một cái nguyên-nhân. Song xét cái nguyên-nhân trọng-yếu nhất là, trong nước yên lặng không trộm cướp đón đường, đường sá sửa sang không nơi nào nghẹn-tắc, thì thương khách mới nhiều, thương-khách đã nhiều thì đường vận-tải càng phải khai-thông, thị-trường càng phải rộng rãi.

Buổi đó kẻ xuất-sản và kẻ tiêu dụng hai bên không cần phải trực-tiếp với nhau nữa, không những thành này với thành kia, đâu nước này với nước kia, mà vật-sản cũng lưu-thông cả, đó là thời-kỳ quốc-gia kinh-tế

Cái thuyết ông Bì-Yết như thế, không phải bảo rằng đương buổi gia-đình kinh-tế tuyệt không ai đổi chác gì với nhau, mà đương buổi thành-thị kinh-tế thì không ai gián-tiếp đổi chác với nhau, đó là cứ cái đại-khái mà nói vậy.

Ông Mã-Viêm thì nói khác; cho cái gia-đình kinh-tế, thành-thị kinh-tế và cái chế-độ tư-bản ngày nay, đều là người xưa đã từng trải qua cả. Đời thượng-cổ thì chẳng nói gì, chứ đến đời nước La-Mã, những nhà phú-hậu, ruộng đất mênh mông, tiền bạc chan chứa, cái tư-bản to lớn chẳng kém gì nhà tư-bản ngày nay, mà hóa-vật xuất-sản so với ngày nay cũng thường xấp-xỉ. Song đạo trời sây vần, thịnh cực thì suy, qua đời La-Mã đến đời trung-cổ, nghề công-thương sa sút hết, đến đôi ba trăm năm về sau, công-thương mới có khởi sắc, cho đến ngày nay lại giở lại vào thời-kỳ tư-bản chế-độ.

Ông Tát-nhĩ-duy-hạ-Lợi thì nói cũng gần như ông Bì-Yết: Bảo rằng đời xưa người Hy-Lạp buôn bán giỏi hơn người La-Mã; về miền Địa-Trung-hải, thương-nghiệp người Hi-Lạp rất là phồn-thịnh, chỉ có công-nghệ người Hy-Lạp lúc ấy hãi còn ấu-trĩ; các công-xưởng lớn nhất không có chỗ nào hơn trăm người. La-Mã cũng thế: Những nhà nông-dân, thì vật-sản làm ra chỉ cấu cho đủ dùng trong nhà, không có nhiều mà đổi chác; nhà công-nghệ thì phạm-vi chật hẹp, trong nước đều là những công-xưởng nhỏ, vật-sản làm ra chẳng được bao nhiêu. Xét buổi ấy nghề công-thương không phát-đạt được, vì có 3 nguyên-nhân: 1· tiêu-trường không rộng, vì đường giao-thông chưa tiện lợi. 2· đồ chế-tạo vụng-về, làm cho thành một cái đồ, hết nhiều công buổi. 3· vì chế-độ nô-bộc, (esclavage) nô-bộc làm cho chủ-nhân, của là của chủ, tiền công cũng không, ai chịu hết lòng hết sức, căm cúi mà làm ra cho nhiều.

Xem học-thuyết ba nhà ấy, thì cái thuyết ông Mã-Viêm e không phải lẽ, việc kinh-tế đời xưa dẫu thế nào quyết không bằng ngày nay được.

Việc kinh-tế đời trung-cổ

Việc kinh-tế đời trung-cổ bên Âu-châu, cũng chẳng khác gì hiện-thời ở Âu-châu. Đất thì nhiều, người thì ít, thôn-dân cày ruộng cũng đủ nuôi mình, cho nên người ta chuộng nghề nông, mà ít nghề công. Vả học làm thợ phải tìm thầy, tốn tiền, mà phải lâu ngày mới thành được, cha mẹ vì thế, ít hay cho con học nghề. Vả lại đường sá chưa sửa sang, người ở tỉnh gần nước gần, ít hay qua lại, sự cạnh-tranh không mấy, cho nên các công-nhân chẳng lo mở mang việc làm, chẳng chăm cải-lương đồ chế-tạo. Công-nghệ không thịnh là vì cớ thế.

Chế-độ kinh-tế đời ấy có một sự đủ cho chúng ta chú-ý, là phép-luật rườm quá. Đặt ra phép-luật ấy bởi hội «Công-liêu» (Corporation) hay là bởi quan địa phương. (Municipalité). Những phép-luật ấy thiệt là nhặt như lược, bị người đời sau chê bàn. Nhưng mà xét lại, thì lúc ấy cũng là tùy theo thời-thế mà định. Vậy chúng ta trước phải xem xét cái thời-thế đời trung-cổ thế nào. Đời trung-cổ, đường giao-thông chưa

ệ n, việc buôn bán đổi chác chỉ loanh quanh trong vùng con con, nhiều khi chỗ Giáp nhiều lúa thóc mà chỗ Ất mất mùa, chở lúa thóc chỗ Giáp mà sang chỗ Ất thì ắt phải được lợi to, song hữu thời tiền chở nhiều hơn tiền thóc, hữu-thời chở cho đến nơi thì sự kiết-cứ đã thư rồi. Thương-nghiệp đời ấy, cái phạm-vi hẹp nhỏ, cho nên ít cạnh-tranh, ít cạnh-tranh thì hữu thời để lũng-đoạn (là độc chiếm mối lợi). Khi đã có lũng-đoạn, thì vật giá phải nhảy lên, vật giá lên thì nhân-dân đều bị thiệt hại. Vậy cho nên người ta đặt phép luật để phòng cái tệ ấy lúc chưa sinh và để giữ tệ lúc đã sinh rồi.

Như trong luật, định cái số người làm công cho một chủ, cấm các chú không được bắt thợ làm ban đêm, vậy là không muốn cho ai dùng nhiều người, làm dài giờ, để chực ăn hơn các nhà đồng-nghiệp, luật ấy chính để phòng cái tệ lũng-đoạn lúc chưa sinh, nhưng vì đời ấy không có thế-giới cạnh-tranh, cái phạm-vi nghề công-thương rất là chật hẹp, tuy rằng đã dự-phòng cái tệ lũng-đoạn nhưng có lúc cũng không giữ khỏi. Nhà lũng-đoạn khi đã được thế rồi, thì mặc ý tăng thêm vật giá, ăn lãi cho nhiều; hoặc là lẫn vật xấu vào để cho nhẹ vốn, vì thế luật phải qui-định các vật giá cho có chừng, cấm không được bán quá cái giá đã định. Luật ấy chẳng những thi-hành những năm mất mùa mà thôi, từ thế-kỷ 14, mãi đến lúc nước Pháp cách-mạnh mà luật ấy vẫn còn. Không những thế, luật lại qui-định cả đến cái tính-chất của hóa-vật, như tấm vải rộng hẹp dài ngắn thế nào, sắc nhuộm đậm lạt đẹp xấu thế nào, trong luật cũng nói tinh-tế rõ ràng, không được làm sai chút nào; như thế để phòng hóa-vật xấu-xí. Luật ấy là để trị cái tệ lũng-đoạn lúc đã sinh rồi.

Những phép-luật ấy đối với mọi phương diện trong xã-hội đều có phần lợi ích. Giờ làm không được kéo dài, nhân-công không được dùng nhiều, vậy thì những tay khôn quỉ không có thể cậy cái tài riêng mà choán lấy lợi quyền làm cho những kẻ đồng-nghiệp sa sút; thế thì cả toàn-thể công-thương đều được hưởng phần lợi ích. Còn như chất hóa-vật không cho quá xấu, giá hóa vật không cho quá cao, thế lại làm lợi-ích cho hết thảy những người tiêu dụng nữa.

Xem thế thì biết cái phép-luật đời ấy lặt ra thiệt đã hợp với thời thế lắm, đến đời sau thì lại thời khác thế khác. Cái phạm-vi công-thương mở rộng ra khắp toàn-quốc, không phải chỉ quanh quẩn trong vùng nhỏ hẹp như ngày xưa. Và người buôn bán lúc ấy cũng nhiều, thành-thị đâu đâu hóa-vật cũng thường lưu-thông cả, ai muốn lũng đoạn, thế cũng không làm nổi. Thế thì cái phép dự phòng lũng-đoạn thành ra vô ích. Người cạnh tranh đã nhiều, tệ lũng đoạn không có, ai có hàng tốt giá phải, thì hàng chạy khách đông, vậy ai ai cũng phải lo chăm hàng cho tốt bán cho mau, nếu không thế thì vào vòng liệt bại. Thế thì cái phép hạn định hóa chất hóa giá cũng không cần dùng nữa.

Ưu thắng liệt bại là cái lẽ chung muôn vật, cái gì hợp với thời thế thì còn, cái gì không hợp với thời thế thì dẫu sống hoi hóp được bao lâu rồi cũng phải tiêu diệt, sau lúc ấy phải học « tự nhiên » (naturalities) và phải học « trọng-nông » (Phisiocrates) hai phái ấy ra, phái « tự-nhiên » thì Lô-Soa (Rouseau) làm thủ-lĩnh, phái « trọng-nông » thì Cam-ti-Nam (Quesnay) làm thủ-lĩnh, đều đề-xướng cái chủ-nghĩa Công-thương tự-do, mà hết sức phản-đối cái phép-luật hội « Công-liên » cho là bó buộc kẻ tài năng, không cho nghề-nghiệp phát-đạt.

Năm 1776, ông Cư-nhĩ-Cốc (Turgot) làm quan độ-chi nước Pháp, hạ lịnh bỏ hết cái phép-luật « công-liên, » mà thực-hành cái chính-sách công-thương tự-do. Song lúc ấy nhân-tâm còn quen thói cũ, xa gần xôn-xao, kẻ phản-đối, người công-kích, chẳng khác gì Vương-yên-Thạch đời Tống-Thần-Tông, đến nỗi Cư-nhĩ-Cốc phải từ-chức. Người nối sau lại phục lại phép cũ, rồi dư-luận mới yên. Đến sau lúc nước Pháp cách-mệnh rồi phép-luật « công-liên » mới thực-hành bỏ hẳn.

Về thời Quá-độ và ngày nay

Từ cuối đời Trung-cổ mà đến ngày nay, cái hiện-tượng kinh-tế bên Âu-châu so đời xưa cách nhau chẳng những nghìn vạn, ở chỗ nào cũng có các nhà đại tư-bản, nhà đại công-xưởng. Hóa-vật xuất-sản càng ngày càng nhiều, nhưng chủ-yếu có ba điều: 1• thị-trường mở mang; 2• nhân-công sẵn nhiều; 3• máy móc tinh xảo.

Thế nào là thị-trường mở mang? Đương buổi đầu thế-kỷ 18, ở nước Anh, đường sá cầu cống chưa sửa sang, hành-nhân rất khổ. Vua Tra-Li thứ hai (Charles II) mới sửa đường quan, thu thuế hành-khách để sung vào khoản tiền tu-bổ. Còn đường thủy sửa soạn là vì chở than đá, năm 1750, nước Anh đào hai kênh « Worthley » và « Mercey » để tiện đường chở than. Từ hai kênh ấy đào rồi, trong nước Anh mấy chỗ mỏ than thì kênh đào nhặt như lưới, chẳng khác gì đường xe lửa trong nước Anh ngày nay. Trong lúc ấy nước Anh lại mở mang thuộc-địa để tiêu-lưu hóa-vật.

Thế nào là nhân-công sẵn nhiều? Nước Anh từ thế-kỷ 16 các nhà đại-nông muốn nuốt hết các nhà tiểu-nông, hoặc lấy oai hiếp, hoặc lấy lợi dỗ, bao nhiêu ruộng đất nhà tiểu-nông đều vào trong tay nhà đại-nông cả. Sau nhân lúc ấy giá lông cừu đắt lắm, các nhà đại-nông so tính công việc tỉa đậu gieo mì thì lợi nhỏ, cắt cỏ nuôi cừu thì lợi to, mới bỏ đàng kia mà xoay ra đàng này. Song công việc chăn cừu cắt cỏ thì không phải dùng nhiều người như làm ruộng. Lúc ấy những nhà tiểu-nông, ruộng đất đã không còn, làm thuê cũng không đắt, vừa lúc ấy có những nhà đại tư-bản ra lập công-xưởng mà chiêu-mộ người làm, những bọn tiểu-nông đương lúc khốn cùng, mà được có chỗ làm, tự-nhiên chẳng đợi tìm tòi, đua nhau mà đến.

Thế nào là máy móc tinh xảo? Âu-châu từ thế-kỷ 19 đến giờ, các nghề nông công chế tạo cơ-hồ cái gì cũng làm bằng máy; song người ta chỉ thấy công thương phát-đạt thì ai cũng qui-công cho máy, mà không biết việc đời, có tạo-nhân mới có kết-quả. Máy móc mà thịnh là bởi vì thị-trường mở mang, hàng hóa tiêu lưu bao nhiêu cũng hết, cho nên người ta mới chịu mệt lòng mỏi trí mà tạo những cái máy cho rất tinh, hòng làm ra hóa-vật cho rất nhiều. Việc đời thường hay dập đổi nhân nhau mà sinh, vì thị-trường rộng cho nên máy móc mới nhiều, vì máy móc càng ngày càng cải-lương, cho nên thị-trường càng ngày càng phải suy-quảng, vì mấy nguyên-nhân ấy mà sự kinh-tế Âu-châu thành ra cái chế-độ tư-bản ngày nay.

TẬP-XUYÊN

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

VẤN-ĐỀ ĐÀN BÀ CON GÁI NƯỚC TA NGÀY NAY

Đem cái học-thức, cái ngôn-luận của một nhà tân-học, có thể bổ-ích được xã-hội, song vẫn khó lòng mà dạy được bà vợ cho có nết-na; lấy cái đạo-học, cái kiến-văn của một nhà lão-thành có thể bổ-cứu được phong-hóa song vẫn khó lòng mà dạy được cô con cho có nề-nếp. Sự đó luận-giả đã từng được mục-kích mà chắc trong xã-hội ta ngày nay cũng nhiều người đã từng mục-kích vậy. Ôi! Xã-hội ngày nay đã thấy văn-minh hơn xưa, nữ-giới ngày nay đã thấy khai-hoá hơn trước, mà sao những bậc hiền-phụ, đức-phụ lại thấy mỗi ngày một mòn, những người thục-nữ, trinh-nữ lại thấy càng ngày càng ít? Há tại rằng: cái óc khôn lên thời cái đức tốt lại suy dần đi chăng?

Tình nọ thành kia trong mấy năm nay, hết tân bi-kịch này lại tấn hài-kịch khác, những vai đào trong các tấn kịch đó thuộc về hạng giang-hồ giảng-hoa thời không kể chi, chính phần nhiều những cô ở trong khuê-các, những cô từng có giáo-dục cũng là những bà ở trong các nhà nề-nếp mà phần nhiều cũng có dự vào các vai đào đó cả! Than ôi, như vậy thật đủ khiến cho những người có tâm-huyết, hàng ngày giở đến tờ báo, xem đến việc vặt mà cái lòng bi-thời mẫn-tộc lại càng thêm chan-chứa chứa-chan!..... Lo là phải, mà than cũng là phải!

Thế như mà, cứ lo hão, than hão thời cũng vô-bổ; cứ chê-bai, công-kích mà chẳng thấy ai nghe ai chừa thì cũng lại vô-bổ! Chi bằng ta cứ đem những vấn-đề thuộc về đàn-bà, con-gái ngày nay mà bàn đi bàn lại để tìm lấy phương-pháp bổ-cứu, cho nữ-giới thêm được điều hay, bớt được điều giở thì mới là hơn.

Luận-giả thực đã nhiều lần định bàn về vấn-đề này, song mỗi khi cầm bút lại ngại-ngùng mà không muốn viết; không phải ngại rằng: Cái vấn-đề giáo-dục phụ-nhụ đã có nhà bàn đến, cũng không phải ngại rằng: nói ra lắm kẻ mất lòng. Chỉ tự nghĩ cái phong trào thuộc về nữ-giới bây giờ đang bốc lên mạnh, hầu đã tràn khắp mà thành ra những lớp đồi ba, dẫu cho có bao nhiêu cột đá xây lên cũng khó lòng ngăn-ngừa, huống nữa là lời bàn ở trên báo-chương thì có công-hiệu chi được! Vì thế nên không muốn nói. Nói ra bây giờ thật cũng vì thấy lắm người lo nghĩ không song, công-ích không nổi; nên mới phải nói để gợi mối dư-luận mà tìm lấy phương-pháp hay vậy.

Cái phương-pháp ấy tuy còn phải đợi có nhiều nhà tư-tưởng bàn đi bàn lại, song luận-giả trước khi mong có người bàn, thì hãy dám xin bàn trước. Mà trước hết hãy xin nói qua về tính-nết, học-thức, công-việc cùng là sự tình-dục của đàn-bà con-gái ngày nay.

Nói về tính nết.

Phương-ngôn ta có câu. « Cái nết đánh chết một trăm cái đẹp » nói cái đẹp tức là kiêm nói cả cái khôn, cái khéo ở đó. Đẹp đến đâu, khôn khéo đến đâu mà tính-nết không ra gì thì cũng là người hỏng; vì đàn bà con gái cần phải lấy đức-hạnh làm trọng nhất. Ta thử nghĩ xem; nghiêng nước nghiêng thành như Dương-quí-phi, tài-học văn-chương như George-sand mà nết tốt không có cũng còn chưa

lắm đã là đáng trọng, huống nữa là các bà các cô ở nước ta ngày nay phần nhiều tài-sắc sàn-sàn như nhau, mà nết tốt thường thường lại không đủ thì còn ra sao?

Nay thử nói cho rõ: Đàn bà đã về nhà chồng, thì trọng nhất là ở điều gì? Trọng nhất là có phụ-hạnh. Con gái chưa về nhà chồng thì trọng nhất là điều gì? Trọng nhất là có nữ-hạnh. Phụ-hạnh là thế nào? là phải ăn ở cho có nết-na, cho đủ cái tư-cách làm vợ; đối với người chồng thời biết hòa-thuận, êm-ái, cho chồng được vui lòng mà ra làm việc với đời, đối với nhà chồng thời trên biết hiếu kính với mẹ cha, dưới biết nuôi dạy các con trẻ, lại nhất là coi sóc các công việc trong nhà cho có trật-tự, không nên hoang-toàng, phông-túng, để cho ở ngoài có điều nọ tiếng kia, ấy tức là phụ-hạnh đó. — Nữ-hạnh là thế nào? là phải giữ-gìn cho thành một người con gái có nết-na đứng-mực, không những là đối với gia-tộc phải biết mọi đường cư-sử, phàm đã gọi là con gái thời nói một câu, đi một bước, hay làm một việc gì cũng phải giữ-gìn cho cẩn-thận, để cho không ai chê cười được vào đâu, nhất là những cách ăn chơi, những đường tình-dục thời không hề nghĩ tới, ấy tức là nữ-hạnh đó.

Phụ-hạnh và nữ-hạnh mà tóm-tắt vài câu sơ-lược như thế, kể cũng chưa là đủ, song ta hãy cứ đem ngay những câu sơ-lược ấy mà xét về các bà, các cô ngày nay, thời cách ăn ở, cách giữ-gìn của các bà các cô phần nhiều đã thấy không hợp như thế. Vậy thời dám xin lấy sự công-bằng mà trộm bảo: Cái tính-nết của nữ-giới ta ngày nay thật là ít người được tốt; mà tính-nết không tốt, ta cứ xét qua như thế là đủ, không cần phải chỉ-trích nhiều, mới là rõ vậy. Ôi! hỏi ít nết tốt cho nên mới có nhiều điều tệ!

Nói về học-thức

Đàn bà con gái học để làm gì? Câu hỏi ấy chắc có nhiều ông giả lời rằng: đàn bà con gái ở trong xã-hội cũng có phần hệ trọng như đàn ông, vậy cũng cần phải cho học để mở-mang kiến-thức mà sau này có thể đảm-nhiệm được công việc ích chung cho xã-hội, xem như đàn bà các nước văn-minh, sự học có kém gì đàn ông đâu. Vậy thời nữ-giới nước ta ngày nay cũng cần phải mong có nhiều người học-thức mới được. — Phải, đã hay rằng thế, song tôi thiết-tưởng phàm người con gái đi học là học để luyện lấy tính-nết, học để biết đường cư-sử thời trọng hơn để sau này ra làm mọi việc. (1) Các nước đã văn-minh thời đàn bà văn-minh như thế nào chưa dám bàn đến, nhưng cứ như cái trình-độ nước ta ngày nay: nữ-giới đang lúc mới mở-mang, nếu người con gái không đủ tư-cách thời kiến-thức dù có mở-mang cũng vị-tất đã là sự hay được. Vả, không có nết-na, không biết đường ăn-ở, thời dẫu có đi học, có biết chữ, cũng chưa gọi được là người học-thức, đã chưa gọi được là học-thức, thời mong gì giúp được việc ích chung cho xã-hội về sau. Huống cái trách-nhiệm của người con gái sau này lại trọng nhất là ở sự giúp đỡ người chồng, thời cách cư-sử lại cần phải học lắm.

(1) Luận-giả năm ngoái lược-thuật về kinh-tế-học ở bản-chí, đã nói; đàn bà ra làm việc chỉ có lợi mà không có lợi, vậy cái phạm-vi chỉ ở trong gia-đình là hơn.

Nay xét về việc nữ-học ở nước ta tuy đã mỗi ngày một thêm mở-mang, song cầu lấy những người đàn bà con gái đáng gọi là có học-thức ra, thời vẫn là có ít. Nói thế tất có nhiều người lại cãi : Nước ta trong mấy năm nay số nữ-học-sinh ở các trường mỗi ngày mỗi nhiều, mà các cô nữ-sinh mỗi năm trúng sơ-học tối-nghiệp ra làm cô giáo kể cũng không ít, và mấy năm nay các kỳ thi trung-học, nữ-sinh cũng có ít nhiều người đỗ-trúng. Sao bảo là nữ-giới ít người học-thức được? — Luận-giả xin đáp : Các cô nữ-sinh dẫu có ít nhiều người trúng đến bằng trung-học, bất quá cái kết-quả của các cô đi học đó mà thôi, còn như cái đạo cư-xử cùng cái phẩm-giá của các cô, ta cũng chưa có thể nhân đó mà vội định-bình ngay được. Đến như các cô nữ-sinh ở các trường sơ-đẳng, dẫu thi trúng tốt-nghiệp ra làm cô-giáo, rút lại cái công-phu đi học cũng chỉ vào độ 4, 5 năm, trong cái khoảng 4, 5 năm ở trường học ấy, phần thì phải chuyên học chữ Pháp, phần thì phải tham học các khoa, để được thiệp-liệp mà ra ứng-dụng cho kịp thời ; chứ cái tinh-thần của Pháp-học thời đâu đã hiểu-thấu! Khoa luân-lý trong mỗi tuần-lễ giảng-cứu không được là bao, mà cô nào có chịu để tâm suy nghĩ ra mới là hiểu rõ. Như vậy thời đến trường-học cũng không phải cốt mong luyện-tập nết-na ở đó ; mà thường lại lắm người không biết chí-thú, chuộng lắm về mọi cách mới-mẻ, hiểu lắm về những điều tự-do, sinh ra cái thói tà-dục cũng nên. Ta thường thấy những chuyện thuộc về các cô nữ-sinh sảy ra ở các nơi, thời ta đủ biết! Luận-giả thật không phải thấy một vài người hư mà vội vơ đũa cả nắm, song nói cho phải ra thời các cô nữ-sinh dù có cô nào tránh khỏi được vòng tà-dục ra nữa, cũng cần phải luyện lấy tinh nết cho hoàn-toàn, thời mới gọi là người có học-thức được.

Ấy là nói ngay về cái học-thức của các cô đương thời đi học mà như thế, nay nói đến cái học-thức của các bà thời lại càng dễ biết lắm :

Các bà ngày nay (nói các bà vào bậc trung-lưu trở lên) phần thì đều không kịp thời đi học, hay không tiện sự đi học, thời đương học-vấn khuyết-lược đã có-nhiên vậy. Hán-học và Pháp-học đối với các bà, cái ảnh-hưởng không có, hoặc có không được mấy, thời không cần phải nói, hãy nói ngay đến chữ quốc-ngữ là thứ chữ ngày nay đã phổ-thông, nhiều bà đã am hiểu ; nếu biết nhân chữ quốc-ngữ mà xem lấy những sách, những chuyện có ích cho cương-thường luân-lý thời tưởng cũng bổ ích ít nhiều ; song mười bà biết quốc-ngữ thời đến chín bà ưa đọc những chuyện tình, chuyện nhảm. Như vậy thời học-thức bởi đâu mà có ?

Nói tóm lại đàn bà con gái nước ta ngày nay : người thất-học thời không hiểu-thấu đạo-lý cũ, mà cũng lại nghe lắm về nghĩa tự-do ; kẻ đi học thời chưa học được đến nơi, mà lại chỉ chuộng về những sự mới mẻ. Bởi thế nên sinh ra lắm điều lắm lỗi !

Nói về công việc

Phàm người ta sinh ra ở đời đã không phải là chỉ cốt sống mà ăn, thời ai ai cũng phải có làm-lụng, có công-việc cả. Những việc làm-lụng lặt-vặt trong hàng ngày cho chí những công-việc gánh vác cùng xã-hội thời giầu đàn ông hay là đàn bà đều cần nên có, không thể nói rằng : chỉ đàn ông mới có công-việc còn đàn bà không cần phải làm-lụng mà được đâu ; vì có ăn thời phải có làm, lẽ đó là lẽ tự-nhiên vậy. Tuy thế nhưng công việc của đàn ông với công việc của đàn bà lại tùy theo cái tính-chất bẩm-thụ mà khác nhau. Xét trong « sinh-lý-học » : sức-vóc của người đàn ông thường khỏe mạnh, nên đảm-nhận những công việc nặng-nề, còn sức-vóc người đàn bà thường yếu-ớt không nên đương những công việc nặng nhọc cho lắm, ấy là sự làm bằng sức mạnh đó. Còn làm việc bằng trí-khôn thời phần đàn bà cũng không nên dùng trí cho quá, nghĩa là cái chất óc của đàn bà cũng yếu hơn cái chất óc của đàn ông vậy. Lại xét trong « Kinh-tế-học » nói : đàn bà không nên ra làm việc ở các chốn công-trường, cũng không nên ra đời mà đương lấy những việc phải dùng óc suy nghĩ, chỉ cốt nhất là tập quen lấy những công việc trong gia-đình, để coi sóc lấy, đảm-nhiệm lấy, mà ngoài cái chức-vụ coi việc nhà ra, thời tập những công việc nhẹ nhàng, như là thêu dệt cũng là coi việc buôn bán v. v... xét mấy lẽ đó thời biết : đàn bà con gái tuy cần phải có làm lụng, song làm lụng lại không lấy gì làm khó-nhọc vất-vả như đàn ông, miễn là phải có công việc là đủ.

Công việc của đàn bà con gái khi còn ở nhà thời giúp đỡ cha mẹ, coi sóc mọi việc làm ăn, khi về nhà chồng thời giúp đỡ người chồng, coi sóc mọi việc kinh-tế, lại tập lấy những việc nữ-công cho thành nghề trong tay. Ấy là công việc trong bổn-phận đó.

Đại-ước công-việc cần có như thế thời thiết-tưởng làm cho đầy đủ cái bổn-phận cũng không lấy gì làm khó, thế mà xét ra các bà các cô ngày nay phần nhiều đã sai hẳn cái bổn-phận đó rồi vậy.

Các cô ngày nay phần nhiều sinh-trưởng trong nhà phong-phú, phàm việc làm ăn cha mẹ không bắt phải coi sóc, cái thời giờ học-tập nữ-công đổi ra làm cái thời giờ điểm-phấn tô son ; các bà ngày nay phần nhiều hưởng-thụ những thú phong-lưu, quanh năm sinh-lý phó mặc người chồng đảm đang, cái thời giờ coi việc gia-đình đổi ra cái thời giờ ăn chơi cờ bạc !.... Vậy xét kỹ ra thời trong mười cô khó được một cô là có chức nghiệp, trong mười bà khó được một bà là biết chi-gia : Cái cách làm-lụng của đàn bà con gái ngày nay so với khi xưa thật đã kém xa lắm ! Ôi ! ăn không ngồi rồi, dễ sinh ra thói dâm-đãng. Tây-nho cũng có nói : « Le mal c'est l'oisiveté » coi đó đủ biết : đàn bà nước ta bây giờ lắm điều không hay, cũng là bởi không biết chăm về công việc vậy.

Nói về tình-dục

Người ta đã không phải là gỗ đá, thời không ai là khỏi có tình, tuổi mỗi ngày một lớn, sự cảm-giác mỗi ngày một tăng, thì cái tình cũng theo đó mà sinh ra. Một nhà tiểu-thuyết nước Anh đã nói : « Nam nữ ái-tình dẫu đến người rất ngu cũng là phải có » coi đó thì biết : đàn ông đàn bà chữ tình ai cũng như ai !

Thế nhưng mà « tình » với « dục » hai đằng thật khác nhau xa lắm, có tình thời lại phải nghĩ sao cho ra chính-tình, chứ không thời là tà-dục

mất! Nay riêng nói về phần đàn bà, thế nào là tình? từ thuở hãy còn ngây-thơ chưa biết đến tình (inhocence) thời không kể. Còn như khi tuổi xuân đã tới, lòng xuân dù có phơi phới nhưng cũng phải riêng để lấy một cặp mắt tình đời mà chọn người tri-kỷ làm người tình chung; khi đã chọn được người tình-chung thì trăm năm tạc một chữ đồng cùng ai, không hề lại sẻ gánh chung-tình cho người khác; ấy thế là chính-tình đó. Còn như những kẻ tuổi mới đến thì xuân, đã nghĩ ngay đến tình trước, ong qua bướm lại lòng dễ siêu-động mà sinh ra thói chẻo tường cậy vách, hẹn nguyệt chờ hoa, cùng là những kẻ giây duyên đã se chặt cùng chồng mà tình nghĩa không thiết, muốn đem duyên mình buộc chẳng cho kẻ thầm yêu trộm nhớ, ấy thì sao gọi là tình? thật là tà-dục cả đó.

Xét ra nữ-giới ta ngày nay chính-tình thì ít, mà tà-dục thì nhiều; nói thế tưởng cũng không phải là câu quá khắc, vì cái chữ « ái-tình » đã là thời-thượng thì những người hiểu lầm về sự ái-tình tất cũng không ít, cả cái phong-trào « nam-nữ tự-do » một ngày một lan mãi ra thì cái ngọn lửa tà-dục của nữ-lưu há lại không càng ngày càng bốc lên nhiều ru?

Cái phần tà-dục của nữ-giới ngày nay không thể nói cho được hết, mà cũng không nỡ nói hết. Ta hãy cứ nói ngay những điều trông thấy, nghe thấy ở những nơi sầy ra; bao nhiêu là chuyện tư-hôn, bao nhiêu là chuyện ngoại-tình, ở các chốn thành-thị, những tuồng giâu bộc, những án ly-hôn cũng thấy không biết bao nhiêu mà kể!.... phong-hóa suy đồi do ở đó, cương-thường bại-hoại cũng do ở đó! Ôi xã-hội ở vào buổi văn-minh mà lưu-phong lại hầu như là Trịnh, Vệ sao?

Nói rút lại thì nữ-lưu ngày nay phần nhiều không hiểu thấu chữ tình, mà ở vào buổi vật-chất này lại dễ sinh dục-động. Lòng dục đã động thì sinh ra đủ mọi nết xấu, đủ trăm điều tệ.

Vậy muốn bổ-cứu nữ-giới thời cần phải tìm phương ngăn giữ cái lòng tà-dục. Ngăn giữ lòng tà-dục của nữ-lưu, tức là chú-ý trong bài nghị-luận này vậy.

* * *

Nay ta cần phải biết: cái tà-dục của nữ-lưu sinh ra, nguyên-nhân tuy có nhiều, song thật cũng do ở tính nết không dèn tập, học-thức không chánh đáng, cùng là công việc không đủ bắt buộc mà sinh ra vậy.

Trên kia đã nói qua về tính nết, học-thức công việc của đàn bà con gái ngày nay đều có khuyết-điểm cả. Vậy thời cần phải làm thế nào cho người con gái có phẩm-hạnh, có học-thức, có công việc, để cho thêm được điều hay, bớt được điều dở, ấy tức là một cách phòng giữ chính-đáng đó, chứ muốn dùng cách phòng giữ cấp-thiết, tưởng cũng khó lòng mà làm cho có công-hiệu ngay được.

Vậy thời cái trách-nhiệm phòng-giữ cho đàn bà con gái được chánh-đáng, ta nên chuyên chách ở ai? Luận-giả trộm nghĩ: nên chuyên-chách ở những nhà có nuôi con, dạy con trước nhất.

Nói thế tất lại có ông hỏi: nước ta ngày nay nhiều kẻ đương thời con gái mà lắm nết hư đã đành, song nhiều

kẻ đã về nhà chồng mà ăn ở lỗi đạo kẻ cũng không ít. Vậy cách phòng-giữ sao lại không chách ở người chồng mà cứ chuyên chách ở cha mẹ được? — xin đáp: trong xã-hội ta nhiều ông nể vợ, chiều vợ, không biết khuyên bảo, không biết ngăn-ngừa, mà làm cho vợ hư thời cũng có thật. Song những vợ hư đó, tất cũng là hạng người hư từ thuở lấy còn thời con gái, vì cái nết-na khi trước cha mẹ không biết dèn tập, cách cư-sử khi xưa cha mẹ không chịu dạy bảo, thời sau này người chồng giẫu săn-sóc thế nào tưởng cũng khó lòng mà uốn lại được nữa. « Dạy vợ từ thuở bơ-vơ mới về » vẫn là lẽ thường, song trước đã không dạy cho đến nơi thời nay dạy sao cho được kịp! Huống nữa, ở vào buổi này các bà lại hay hiểu lầm về lẽ bình-đẳng, thi-hành được quyền tự-do thời người chồng lại không đủ quyền mà ngăn ngừa được nữa. Thế thời chách ở người chồng được ru? Ôi! cái giáo-dục ở chốn gia-đình nếu có đủ, thời người con gái mới có nữ-hạnh, có nữ-hạnh thời sau này về nhà chồng mới khỏi lỗi đạo làm vợ được.

Đàn bà ngày nay lắm người hư, cũng là bởi cái gia-đình giáo dục không tốt, vì lúc trước cha mẹ quá chiều, cho nên về sau người chồng khó sử. Lẽ đó thật có như thế. Thường thấy nhiều nhà có con chái đạo thờ chồng, mà cha mẹ cũng không biết đường khuyên bảo. Như vậy thời người chồng có thể tự dạy được chăng?

Thế nhưng mà nói cho hết lẽ đó mà thôi, chứ những người đàn bà đã hư, chồng không giữ nổi thời nay cha mẹ dù có khuyên bảo cũng không lại mà cũng vô bổ. « Vãng giả bất khả giám » nghĩa là việc đã qua thời không thể nói lại được nữa. Nay chỉ nên nói rõ về những cách gìn-giữ và dạy bảo cả con gái của những nhà có trách-nhiệm làm cha mẹ bây giờ là một sự rất quan-hệ cho nữ-giới sau này đó.

Xã-hội ta bây giờ — nhất là vào hạng người trung-lưu trở lên — cái thói yêu con chiều con tựa như mỗi ngày một thịnh. Vậy những nhà có con gái cần phải biết: yêu con đã đành, nhưng có con thời phải dạy. Nhất là con gái, yêu quá chiều quá thời dễ sinh hư; để cho con hư, sao gọi được là yêu con? mà con hư tức là cha mẹ nhục vậy. Muốn cho con khỏi hư thời cần phải chăm-chút dạy bảo, ấy tức là cách giữ gìn cho con khỏi hư đó!

Cách giữ gìn ấy như thế nào?

Thuộc về sự dèn tập tính nết thì cha mẹ nên biết người con gái có những nết gì không tốt, giảng-dụ cho biết rõ mà bắt phải sửa đổi ngay đi, để cho biết noi theo những điều thế nào là thuộc về nữ-hạnh. Phàm người con gái ngôn-ngữ cử-chỉ, cha mẹ cần phải xem xét từng tí, để giữ-gìn cho khỏi sai lầm. Lại nhất là không nên chiều con mà cho ăn chơi tự-do quá, ăn mặc xa-hoa quá, miễn là cho người con gái ăn chơi có chừng, ăn mặc vừa phải là được. Ấy giữ được như thế, thời tất là con gái phải có nết tốt. Đã có nết tốt thì tất là biết lấy phẩm-hạnh làm trọng.

Thuộc về sự mở-mang học-thức thời thiết tưởng nên lấy gia-đình giáo-dục làm trọng. Cha mẹ cần phải dạy cho người con gái biết mọi cách cư-sử, mọi đường lễ-nghĩa là hơn.

Trường học ngày nay là nơi mở-mang trí-khôn, con gái đến nhà trường học không phải là sự không hay, song nếu có thể cho con theo học đến nơi đến chốn để cho sau này đủ cái tư-cách cô-giáo thời hãi nên cho theo học; chứ nếu chỉ biết cho con cắp sách đến trường, mà học-thức của con thế nào, tư-cách của con thế nào, cha mẹ toàn-nhiên không biết đến; sao nên? và cái sự dạy cho người con gái biết cách cư-xử, biết đường lễ nghĩa, thời người có chách-nhiệm làm cha mẹ, nhận lấy chách-nhiệm làm thầy, tưởng cũng không khó. Song nếu muốn cho sự học-thức của con gái rộng thêm được đôi chút nữa thời ngày nay chỉ nên cho con gái am-hiểu chữ quốc-ngữ, biết đủ bốn phép tính, để sau này dễ về sự biên-chép tính-toán mà tiện về sự buôn bán làm ăn là hơn. Sau nữa là khi người con gái đã am hiểu quốc-ngữ thời chọn lấy những sách hay, chuyện hay cho đọc, thời thiết tưởng cũng là có ích lắm. Ấy, lựa cách cho con gái học, như tuy học ít nhưng ít cái hiểu lắm, thời người con gái cũng có thể trở nên người có học-thức được. Đã có học-thức thời tất là biết lấy danh-dự làm trọng.

Con về công việc thì những việc vặt trong nhà như là may, vá, nấu nướng v...v... cha mẹ cần phải cho con gái thường coi sóc đến, đó không những là bắt-buộc vào sự làm-lụng mà lại là một sự tập làm để sau này giúp đỡ cho nhà chồng vậy. Cho được có chức-nghiệp nữa thì lại phải tùy theo cái khôn khéo của người con gái; hoặc cho tập nghề thêu dệt, hoặc cho coi việc buôn bán vân... v... Phàm những việc người con gái làm-lụng đó, không cần phải bắt buộc cho nặng nhọc, vất-vả, cốt là để cho người con gái phải có việc làm, để lúc nào cũng vui về công việc mà không nghĩ đến sự ăn chơi, không tìm đến cách vui khác.

Phàm đã khiến được một người con gái biết trọng phẩm-hạnh, biết trọng danh-dự, biết vui về công việc làm ăn, thì các lòng tà-dục còn bởi đâu mà có? Cái thói dâm-đãng còn bởi đâu mà sinh? Vậy thì cái phương-pháp phòng giữ như thế há chẳng chánh-lắng mà dễ có công-hiệu ru? Còn ngoại-giả muốn tìm cái phương-pháp cho nghiêm-ngặt mà phòng-giữ, thì luận-giả trộm tưởng cũng khó lòng mà phòng giữ cho hoàn-toàn được vậy.

Than ôi! nữ-giới ngày nay tệ-phong đã nhiều, tuồi nữ-lưu sau này tệ-tục tất lại càng lắm! Lớp-lớp đồi-bại ngăn sao cho cùng giữ sao cho xiết!. Những nhà có tư-tưởng tất cũng phải phí bao nhiêu tâm-huyết mới tìm cách ngăn giữ được vậy. Nay cách phòng giữ chuyên nói về trách-nhiệm người làm cha mẹ, há chẳng là lời nói rất hẹp ru?

Thế nhưng mà muốn tìm lấy một cái phương-pháp để ngăn-cấm toàn-thể nữ-lưu ngày nay bớt cả cái đở ngay một lúc, thời thật là một sự tuyệt khó. Vậy thời luận-giả hãy xin gác cái lời bàn phòng-giữ những người đàn bà hiện-tại, mà chuyên nói cái phương-pháp phòng giữ những người đàn bà tương-lai, để cho sau này được nhiều người dứng-dắn nết-na; tức là cách bổ-cứu cho nữ-giới đó.

Những người đàn bà tương-lai, tức là những người con gái hiện-tại, cái trách-nhiệm gìn-giữ, há lại không cốt ở những người có trách-nhiệm làm cha mẹ ru?

Cử-nhân TRỊNH-ĐÌNH-RỰ

CHUYỆN MỘT NGƯỜI NGHĨA SĨ NƯỚC NHẬT-BẢN

HUẤN-THANH

Ông Tôn-ngũ-Lang là người thôn Nham-Kiều quận An-Phau nước Nhật-Bản, vốn người tính thông mạnh khỏe, và có cao-đảm mưu kế. Trong đời vua Chính-Bảo, quan chủ-tỉnh, quanh-sự không ra sao, chỉ tin dùng những kẻ tham-tàn bạo-ngược, nào là ăn dút ăn xén, bắt dân đóng góp nặng nề, nhân-dân phải lầm than đói rét. Bởi vậy nên có một bọn nông-phu hơn hai trăm người rủ nhau đến quan Quận-tể, (1) kêu xin giảm đỡ tô-thuế cho. Song quan Quận-tể không nghe, bọn ấy lại toan đến thành Giang-hộ, kêu với quan chủ-tỉnh. Ông Tôn-Ngũ thấy thế, bảo bọn nông-phu ấy rằng; nếu các ngươi làm việc này không được, người đời chê cười thì sao? Dù thế nào mặc lòng, cũng nên liều sống mà kêu nài mới được: Kêu quan chủ-tỉnh không nghe, thì kêu đến quan Các-lão, quan Các-lão không nghe, thì kêu đến quan Tướng-quân, thế mà việc cũng không song, thì chỉ nên liều một chết, chứ mặt mũi nào còn nên trông thấy người làng nữa. Còn về phần ta đây, thì ta đã sẵn một lòng quyết-tử rồi. Các ngươi nghĩ sao?

Bọn nông-phu nghe nói, đều hăm hở mà rằng:

— Lời nói tiên-sinh phải lắm, chúng tôi xin theo. Thế rồi ai ai cũng về từ giã cha mẹ vợ con, giữa hôm 13 tháng 11 năm Chính-Bảo nguyên-niên tự trong làng kéo nhau đi cả.

Khi đi đến nhà trạm Châu-kiều, mà vẫn không thấy Tôn-Ngũ đến, chúng lấy làm lạ mà rằng:

— Quái, ông Tôn-Ngũ sai họn chăng? sao chậm chạp đến thế! liền bảo Lục-lang-bình-vệ và Trọng-hữu-vệ-môn hai người ấy đi giục.

Tôn-Ngũ nói rằng:

— Lúc ta đã sắp đi thì lại mắc bệnh, nhưng bây giờ đã bớt, trong vài ba hôm nữa mà khỏi, thì ta đi ngay; các ngươi về mau đi, bảo mọi người cứ đến nhà trọ tỉnh Giang-hộ, phục ở ngoài cửa mà kêu, chứ dùng vào mé trong cửa.

Bọn nông-phu nghe nói, liền từ nhà trạm Châu-kiều ra đi vào tỉnh Giang-hộ, phục ở mé ngoài thành mà kêu. Bọn canh gác la mắng xua đuổi, chúng không chịu lui mà rằng: « dân-tình đói rét, chết sắp đến nơi, xin giảm bớt thuế thì dân mới có thể sinh-hoạt được. » Một chốc, có một người nhà trọ ra bảo rằng: « hôm nay không nhận giấy má gì cả, các anh đi ngay đến sớm mai cứ lại chỗ biệt-thự ở phố Thanh-sơn-bách-nhẫn mà khiếu. » Bọn nông-phu, vâng lời mà đi.

Đến sớm hôm sau, bọn nông-phu đều đến chỗ biệt-thự, lại thấy một người lại-dịch ra bảo rằng: « việc tô-thuế ở các địa-phương, thuộc về quan Quận-tể coi, chứ quan lớn ở tỉnh Giang-hộ này không dự chi đến. » Nói đoạn liền đóng cửa lại. Bọn nông-phu ngơ ngẩn nhìn nhau, rồi kéo về nhà trọ.

Sớm hôm sau chúng hội ở hàng cà-phê, một người trong bọn là Đinh-trọng-Lang nói rằng: « việc này phải đợi ông Tôn-Ngũ đến đây, mới có thể quyết-nghị được. » Liền sai Lục-Lang và Trọng-Hữu đi mời Tôn-Ngũ.

(1) Tức là quan Tri-phủ.

Tôn-Ngũ nói :

— Đáng lẽ sớm mai ta mới đi, song các ngươi đã tự xa đến đây, để ta cùng đi một thể. Nói đoạn từ-biệt cha mẹ vợ con mà đi.

Khi đi đường, Tôn-Ngũ bảo hai người rằng :

— Giả lại tờ khiếu mà không nhận, đó là quan quận-tể cùng quan chủ-tỉnh thông mưu với nhau đấy thôi, dẫu kêu cũng là vô-ích.

Lúc đã đi đến tỉnh Giang-hộ, Tôn-Ngũ lại cùng các bạn đồng-chí hội họp cùng bàn. Bấy giờ mỗi người một điều, rất là nhộn nhịp. Tôn-Ngũ khẽ bảo chúng rằng :

— Thôi các ngươi đừng huyên-náo nữa, hẵng nghe ta nói đây : Đến sớm mai quan các-lão là ông Cửu-thế-hòa-châu lên tỉnh, cứ đón đường mà kêu, thì có khó gì. Chúng nghe đều lấy làm phải.

Sáng sớm hôm sau, chúng kéo nhau ra, phủ phục hai bên cạnh đường, nhân khi quan Các-lão đi qua, Tôn-Ngũ thẳng đến trước mặt, ném tờ khiếu vào trong xe, chúng đều hớn hở lấy làm xong việc. Tôn-Ngũ nói :

— Tờ khiếu dẫu đã nhận rồi, song còn sự được hay không, chậm hay chóng, chưa thể biết trước được. Hiện nay bọn ta thì đông, chi phí ở chỗ nhà trọ thì tốn, nếu cứ ở cả đây mà đợi, hết thì lấy dâu. Thôi để ta cùng lũ Lục-laug-binh-Vệ cả thảy sáu người ở lại, còn thì về cả. Sáu người chúng ta đây xin nhận cái trách-nhiệm thủ-mưu, việc này có song chăng nữa, cũng không sao khỏi tội « kháng ngôn cưỡng tố » được. Nếu ta có chết, thì nhờ các ngươi chôn giúp cho ! Nói xong bèn sai làm rượu cùng uống, gạt nước mắt mà từ giã nhau.

Cách mấy hôm, ông Hòa-châu sai gọi lũ Tôn-Ngũ sáu người đến mà quở rằng :

— Chúng mày không sợ lịnh tôn-nghiêm, dám ném giấy khiếu vào xe quan các-lão thực tội đáng chết lắm. Nhưng mà thôi, lần này hẵng đặc-cách tha cho, lần sau không được thế nữa.

Tôn-Ngũ lại kêu nài rằng :

— Chúng tôi đã thường kêu chủ tỉnh chúng tôi, nhưng không thu nhận, bởi vậy dám đánh bạo đến kêu ở đây, xin người dung-nạp cho, để cứu tính-mệnh cho dân trăm họ.

Hòa-châu nhất-lịnh cự-tuyệt không nghe.

Tôn-Ngũ thở dài bảo năm người rằng :

— Việc đã đến thế này, còn mặt mũi nào trông thấy người làng nước nữa ! Ta nghe nhân-nhân chí-sĩ, thường liều chết để trọn vẹn điều nhân ; và lại thấy điều nghĩa mà không dám làm, thì không phải là người dũng-cảm. Vậy nên ta, thà hy-sinh cái tính-mệnh ta, để làm nên việc này cho dân-chúng. Vừa rồi ta nghe nói nay mai quan Tướng-quân sẽ đến miếu Đông-đài, ta nên phục ở cạnh đường để dâng tờ khiếu tố, mới có thể mong cho thành sự được.

Đến hôm ấy, Tôn-Ngũ buộc tờ khiếu ở đầu cái cần-trúc, ngồi nấp xuống dưới cái cầu Hạ-cốc-tam-mai. Lúc quan Tướng-quân đi xe qua, quân lính uy-nghiêm, tiền hô hậu ủng, Tôn-Ngũ ở dưới gầm cầu nhảy ra, ném tờ khiếu vào trong xe, dập đầu vừa kêu vừa lạy. Bọn lính hầu vội vàng chạy đến trói Tôn-Ngũ lại, rồi đem về thành.

Tờ khiếu lược như sau này :

« Quan chủ-tỉnh Tả-Thương trước « là ông Thổ-Tinh và ông Tùng-Binh « coi dân như là con đẻ, thuế-sưu « nhẹ hình phạt khoan, kẻ lẻ-dân « không đến nỗi đói rét. Đến quan « chủ-tỉnh ngày nay, coi dân như bùn « đất, chánh dữ như hổ, đóng góp « nặng nề, nhân-dân phải sợ lắm « than, không khác đắm đuối ở nơi « bể khổ ! Thế mà quan sở-tại cũng « bỏ lờ không xét đến, hễ có đến kêu « thì lại đánh trói gông cùm !

« Nay chúng tôi, mạo-muội, không « quản búa riu, dám xin Tướng-« quân lấy uy hổ thiêng liêng, sức « quan chủ tỉnh chúng tôi giảm nhẹ « thuế sưu, để cứu sống cho dân « trăm họ... »

Quan Tướng-quân là ông Gia-Quang xem xong tờ khiếu ấy, sai đòi quan chủ tỉnh Tả-Thương là Quật-Điển mà bảo rằng :

— Nhà ngươi sao làm ngược dân đến thế, phải lập tức giảm thuế cho kẻ cùng-dân.

Quật-Điển sợ hãi, vâng mệnh vái tạ lui ra,

Lúc về đến tỉnh, sai gọi kẻ lão-thân là Tiêu-đào-thức-bộ mà bảo rằng :

— Dân trong tỉnh này, trước có đơn kêu giảm thuế mà ta không nhận. Nay sự đã thế này, còn hỏi lại được sao ! Nhà ngươi phải mau mau hạ lịnh, giảm chính-thuế và trừ tạp-thuế cho dân, cũng như ông Thổ-Tinh ông Tùng-Binh đã làm ngày trước, để cho lòng dân yên ổn làm ăn. Còn như Tôn-Ngũ khinh miệt quan tỉnh, kêu với quan Tướng-quân rất là đáng ghét, thì sai bắt cả vợ chồng nó mà xẻ nhỏ ra, và chém cả con nó để răn kẻ khác,

Thức-Bộ vâng lời lui ra.

Cách mấy hôm ở Mạc-phủ sai giải Tôn-Ngũ đến tỉnh Tả-Thương. Thức-Bộ sai gọi vợ chồng Tôn-Ngũ và mấy người đảng Tôn-Ngũ đến bảo rằng :

— Chúng mày muốn nhẹ thuế cho dân, cũng như đòi ông chủ tỉnh khi trước, liều sống chết mà kêu, quan Tướng-quân cũng đã cho đấy. Còn như Tôn-Ngũ kia mày là đứa thủ-mưu, kêu đến quan Tướng-quân, đó là một tội ; khinh-miệt quan chủ tỉnh, đó là hai tội ; ném tờ khiếu vào xe quan Các-lão, đó là ba tội ; xui dục lòng dân mưu việc này, đó là bốn tội. Mày đã mắc bốn tội ấy, phép nhà nước không thể tha được. Vậy nay xử tội xẻ nhỏ vợ chồng mày, và con mày cũng phải chém nữa. Nói đoạn liền sai hành hình.

Người vợ Tôn-Ngũ trừng mắt nhìn lên phụ-đạo quan tỉnh Tả-Thương mà rằng :

— Vợ chồng ta vì dân mà được chết, thực lòng ta mong mỏi hấy nay, chỉ giận rằng đứa con trẻ vô-tội kia nỡ nào mà quan tỉnh tàn-sát. Vậy thì cái hờn phách ta không thể nào không oán họ Quật-Điển được !

Tôn-Ngũ nghe lời vợ nói, vui vẻ cười rằng :

— Hiền-khanh nói phải lắm, thực hợp lòng ta.

Thế là vợ chồng con cái Tôn-Ngũ bị xử hình cả !

Than ôi ! những người nhiệt-tâm về đường danh-lợi cầm quyền trong nước Nhật-bản bấy giờ, bạo-ngược tham-tàn, làm cho sinh-linh đắm đuối trong vòng bùn than vất-vả ! Thế mà có một người hiệp-sĩ là Tôn-Ngũ kháng-khái không sợ chết, hết sức khiêu-tố, để cầu cứu-tế cho dân. Dẫu sự hành-vi có can phạm luật-điều, nhưng cái khí nghĩa-hiệp ngàn thu, thì thực đáng kính, đáng trọng, đáng sùng-bái lắm vậy. Bởi vậy mới có chuyện Tả-Thương Tôn-ngũ-Lang.

NGHIÊM-XUÂN-LÂM

SỰ PHÁT-MINH TRONG KHOA-HỌC

Bụi ở giữa giời

Ở giữa không khí, vô luận trong sáng thế nào, cũng có nhiều bụi lộn lẫn ở trong ấy, cứ theo gần đây ở đài thiên-văn nước Mỹ đã nghiên-cứu, thì biết rằng bình-thường một tấc vuông-dừng không-khí có lẫn vào từ 5000 hột cho đến 48000 hột bụi. Trong không-khí có nhiều bụi mà chiếu lại cái ánh sáng mặt trời, cho nên lúc mặt trời mọc và lúc mặt trời lặn, thì có ráng đẹp, nên như giữa giời không bụi, thì có lẽ mây cũng không có, vì mây ở trên không, là hột bụi ở giữa mà hơi nước bá vào ngoài, thành ra mây.

Song bụi ở đâu mà sinh ra thì cũng phải biết. Phần nhiều là vì gió đưa lên : năm 1920, bên nước Mỹ ở về châu nọ có trận gió lớn thổi bay mất bao nhiêu đất bột, sau lại rơi xuống một cái hồ lớn kia, đến hai ngày mới hết, người ta phải dùng thứ xe lớn chở nặng 50 tấn mà chở đi, chở đến mấy vạn xe mới hết. Xem thế thì biết đất cát rơi xuống nhiều chừng nào.

Trừ gió ngoại, còn có các nguyên-nhân khác nữa, như núi phun lửa cũng đem đất cát lên giời, người ta đốt cháy các vật gì cũng làm cho lên được, tựu-trung những bụi nào nhẹ, thì thường bay nổi giữa giời.

Ai cũng đã biết rằng cái bụi bay giữa giời có quan-hệ đến bệnh phổi người ta. Song cứ một ông y-sĩ nước Mỹ đã nghiên-cứu rồi mà nói rằng bụi không phải làm mối dẫn cho bệnh phổi đâu, không những là không hại mà lại có ích nữa. Vì trong bụi có chất « lân » và chất « thạch-thảo » các chất ấy đều giết được vi-trùng, cho nên người hút bụi vào mình là có ích lắm. Ông lại nói rằng xem các người thợ làm ở mỏ than đá, không ai mắc bệnh phổi bao giờ, đó là một một chứng-nghiệm rõ ràng vậy.

CÂU CHUYỆN ĐI CHƠI SƠN-THỦY NƯỚC THỤY-SỸ (SUISSE)

Loài người sinh ở thế-gian, cái xác có thể chịu khổ được, cái sức có thể chịu nhọc được, chỉ có tấm lòng nếu không được vui-vẻ, thì không thế nào mà sống ở với đời được.

Vậy cho nên phải thưởng hoa, phải ngoạn nguyệt phải đi tìm mà đến mấy chỗ phong-cảnh đẹp-đẽ cho khỏe lỗ tai, cho xướng con mắt, cho được tiêu-khiển cái tấm lòng mình.

Cái sự chơi-nhởn cho được vui-vẻ ấy, chính là một thứ thuốc vệ-sinh tốt nhất của loài người vậy.

Cứ lấy cái lẽ ấy mà xét ra, thì trong thế-giới có nhiều chỗ cảnh-trí đẹp-tốt, để cho hoan-hỷ loài người, tưởng cũng là đấng thiên-thần có ý tạo ra, để giúp cho người, người nhờ đấy mà mới sinh-trưởng trong bầu trời này, tương yên vô sự được.

Ta đi mạn-du Âu-châu, đến nay đã năm năm, mà cái thì giờ đi chơi ở nước Thụy-sĩ, ước có được hai năm, trong hai năm ấy, nào là chỗ nước tốt non xinh, nào là chỗ cây xanh tuyết trắng, không chỗ nào ta đi không đến, cảnh-sắc sao đẹp lạ lùng thay! ngao-du thì thích-khoái lắm thay!

Ở miền Âu-Châu nước Thụy-sĩ chính là một nước cảnh-sắc đẹp thứ nhất, quả cũng là đấng thiên-thần có ý xây tạo ra, để cho người các nước Thái-tây, có nơi mà hưu-tức cái tinh-thần trong lúc mệt nhọc vậy.

Nước Thụy-sĩ phương bắc gần Đức, phương nam gần Ý, tây gần nước Pháp, đông gần nước Úc, diện-tích, chỉ có 2600 phương-lý, toàn nước phân ra làm 22 châu. Đô-phủ trọng yếu nhất là Bern, Zurich, Geneva, các chỗ nhân-dân cũng tranh đua về đường thực-nghiệp, công thương phát-đạt, không kém gì các nước cả.

Nước Thụy-sĩ cũng như là cái vườn hoa công-cộng của các nước Âu-châu, non sông cấu-tạo, xem có một cách tân-kỳ và phong-nhã, không có nước nào bằng được.

Hòn núi Alps cùng hòn Juva là hai hòn núi có tiếng ở Âu-châu, chạy bao khắp cả nước, cho nên kể theo diện-tích độ ba phần hai là núi cao, độ ba phần một là gò cao, đến như chỗ đất bằng thì có ít lắm, hòn núi Alps chỗ cao thứ nhất có đến 15732 thước. Lại các sông lớn có tiếng ở Âu-châu, như sông Rhône, sông Rhine, sông Ticino, đều là phát-nguyên từ hòn núi Alps ở nước Thụy-Sĩ, mà chỗ hồn Constand chính là chỗ phân thủy điểm của các sông. Các hồ cũng nhiều chỗ đẹp, mà hồ Constance, (35 phương-lý) hồ Geneva (37 phương-lý) là chỗ đẹp nhất mà có tiếng. Địa-thế toàn-quốc đều là cao cả, cho nên khí lạnh cũng ghê-gớm, trong hòn núi Alps có một đoạn sông, cả năm nước thường đông thành đá, tục gọi là sông Băng-hà.

Tuy vậy, địa-thế cao mà cũng có chỗ thấp lắm, cho nên trong diện-tích 2600 lý, cũng có chỗ khí-hậu ấm, nhân đấy các loài động-vật thực-vật khác nhau, như là ở hàn-đới cùng ôn-đới, khác nhau vậy.

Đến các cái cơ-quan giao-thông, thực chính-tế lắm, đường-xá chỗ nào cũng tử tế như ở trên núi Alps là chỗ cao lắm mà đã có đến hơn 40 con đường, ở trong núi ấy có chỗ đường đi thông qua nước Y-ta-lý, phải làm đường hang mới qua được, cái đường hang ấy dài hơn 9 lý, thực là một cái đường hang lớn nhất trong thế-giới, công phu đào thông được đường ấy, phải phí hơn 10 năm mới rồi, lớn lao ra thế nào cũng đủ

biết được, xưa vua Nã-phá-luân là một bậc đại hào-kiệt, mà đi qua đường núi Alps ấy cũng chán ngán lấy làm khó, nay thì cứ nằm ngủ ở trên xe-hỏa vậy mà cũng đi đến Y-ta-ly được.

Ưa cảnh sắc đẹp, mến phong thú vui, là chỗ nhân-tình thường như thế, cho nên cả thế-giới ai ai cũng muốn đi đến dấy mà xem, mà nhất là người Âu-châu mỗi năm đến mùa hạ, rủ nhau đi đến chơi xem không khác gì người Nhật-Bản mỗi năm đến mùa hạ đi nghỉ mát nơi Nhật-Quang, Sương-Căn vậy.

Những người phú thương muốn được tiếp rước các quí-khách ngoại-quốc đến chơi, mà lấy cái lợi ích to, cho nên làm những nhà lữ-quán to tát đẹp đẽ, thôi không thể nào mà mô tả ra cho hết được.

Những nhà Lữ-quán ấy, không những là các nơi đô-phủ được như thế, mà những chỗ góc núi thôn quê, cũng đều có cả, thậm chí trên trót núi Nhật-quang, núi Sương-căn nước Nhật-Bản, tuy cũng đều có nhà Lữ-quán; mà cao lớn đẹp tốt như các nước Thụy-sĩ, thì không thế nào mà tỉ được.

Lại chỗ núi cao, chỗ dốc hiểm thế nào đều có xe điện lấy máy mà kéo lên kéo xuống, lợi dụng cái cơ-quan ấy, mà chỗ núi hiểm nào, hang sâu nào, cũng đến được mà thưởng ngoạn những cảnh-sắc đẹp.

Ta lữ-cư thành Bern thường khi đi tuần-chơi phong-cảnh, có một bữa vừa gặp ngày trùng-cửu, lên đứng trên chót hòn núi Alps, trong lòng thư-khoái không biết chừng nào, không khác gì có cánh bay lên từng không mà thưởng-ngoạn cả cảnh-sắc thế-giới vậy.

Đứng đấy mà trông các hồ, thấy những thuyền-con chở khách đi chơi, xem như một cái lá cây, có lửa sáng chớp-choáu, có nhạc gầy xôn-xao, có tiếng hát vang-vẳng bay ngang qua lỗ tai, thú thực là thú, vui thực là vui, nghĩ mình là một người khách ở nơi xa lắc xa lơ kia mà đến đây, trước ta chẳng có ai từng đến qua, mà sau ta cũng không biết bao giờ mới có người nước ta lại đến mà đứng chỗ này nữa, thì chút cảm-tưởng ở trong óc ta lại ào-ào mà ra, thôi vui chăng buồn chăng, ta không thể nào lấy ngòi bút mà tả được cái cảm-tưởng của ta trong lúc ấy.

Còn các bờ hồ thì những quán bán rượu, bán cà-phê, xem cũng nhăn-nhít không biết bao nhiêu người mà kể, giữa cái lưng ghế mà trông xa, nào là nước nào là non, thấy tuyết trắng trên chót non kia, mây xanh phủ ngang đèo nọ, hai sắc hỗn-hợp với nhau, đẹp một cách rất lạ, như là xem một bức họa sơn-thủy của tay danh-họa mới vẽ ra.

Đi xuống núi mà vào các thôn-lạc, thì thấy lâu-dài đều nương theo núi mà làm, cửa với ngõ, đá với cây, xen-xít nhau từng thôn từng ấp, tiếng chim kêu, tiếng gà gáy, xao-xác bên tai, tuy gọi là thôn-lạc, mà chỗ chỗ cây xanh đá trắng, chót núi xông lên, vừa gặp tiết thu, nào lá cỏ, nào là hoa, đều ra một sắc vàng cả, tấm lòng thưởng-ngoạn không thể nào mà mãn-túc được.

Những các cụ già lụm cụm, rủ nhau lên ngồi mấy chỗ hòn đá lát-léo, buông cần-câu mà câu cá, cái phong-cảnh ấy, cái nhã-thú ấy, nghĩ cũng đủ làm một cái mô-phạm cho các nhà danh-họa.

Cách ăn-mặc của thổ-dân nhà quê, xem thực cũng ngộ lắm, nhất là đồ

mặc của đàn bà con gái, có một vẻ rất tân-kỳ, mái tóc thì đều rẽ ra làm hai, dùng hai sợi kim-tuyến mà buộc ngang qua trước trán, cái phong-dạng hoạt-bát, khiến người trông thấy sinh ra cái lòng yêu-mến vô cùng.

Lấy cái cảnh các đô-thị nước này mà tỉ với thành Ba-lê thành Luân-đôn, thành Bá-lâm, thì cái không-khí cũng sạch-sẽ hơn, khí-hậu cũng ôn-hòa hơn, non-sông lại đẹp nhất thiên-hạ, mà lại có những phong-tục mới-mẻ, khác với các nơi, thực là một chỗ vui ít có, người các nước rủ nhau mà đến chơi ở đây, cũng có nhẽ lắm.

Các nhà kiến-trúc lớn, phần nhiều là nhà lữ-quán, du-khách thường thường đông luôn, nghe mỗi năm thu được lợi-ích ước đến bốn năm mươi triệu bạc.

Ôi! Âu-châu là một xứ sinh-hoạt nhọc nhằn, nếu không có được một chỗ phong-cảnh thích-thú như nước Thụy-sĩ, để cho thảnh-thơi vui-vẻ trong lòng người, thì cũng không thể nào mà sinh-tồn với đời này được. Mới biết đấng thiên-thần có ý an-ủi loài người, mà tạo ra cái cảnh-trí ưu-mỹ dấy, thực không khác gì một cái vườn hoa chung của người Thái-tây.

Ta lưu-lạc góc bể chân trời, thú-vị phong-trần, thôi cũng đã nếm đủ, chỗ cảm-tưởng chứa-chan một dạ, chán-ngán chẳng biết nói cùng ai, may mà được bước chân đến phong-cảnh vui này, lẽ cũng là đấng thiên-thần sui-khiến đâu đây, để cho khuây giải bớt chỗ lòng nhất-huất của một người khách phương Đông đấy thôi.

NAM-CHI

Thơ Cụ Nguyễn-công-Trứ

Khen cho thiên-hạ khéo xem gương,
Hễ khó thời thôi mấy kẻ màng.
Miệng nói đã đành mua truyện ghét,
Tay không chưa dễ ép người thương.
Khéo khôn ai nấy đành phần được,
Trong sạch ta thì giữ mực thường.
Giàu bể cơ giời còn đó mãi,
Cũng đừng thắc mắc chớ lo lường.

CHUYỆN VUI

Nghiên-cứu nghề huyễn-thuật (trò-xiếc)

Hoắc-Địch-Nạp là một nhà huyễn-thuật có danh tiếng trong đời nay, vốn người nước Mĩ; từ thuở bé, hay tập nghề huyễn-thuật, lúc lớn đem nghề đi khắp bốn phương, mỗi khi diễn trò, thì thường làm những trò mới mẻ, cho nên người ta ham xem. Năm 1900, sang chơi Âu-châu, đi đâu người ta hoan-nghênh đó; ở ít năm, nghề càng ngày càng tinh, người Âu, Mĩ, nói đến nghề huyễn-thuật thì ai cũng khen Hoắc-Địch-Nạp, vì cái nghề anh ta tinh-diệu hơn người, mỗi khi diễn một trò, thì làm cho kẻ xem phải kinh-hồn động-phách. Bài sau này là lời của Hoắc-Địch-Nạp tự-thuật, kể sự binh-sinh đã kinh-nghiệm, lời nói có thú-vị sâu xa. Vả anh ta thường nói với người ta rằng: « thành công cốt tại chuyên-nhất, ngoài cái nghề nghiệp của mình, đừng mảng sự gì ». Lời nói ấy có ích cho mọi sự. Vậy dịch-giả dịch ra đây để xem cho vui.

« Các ông muốn biết nghề huyễn-thuật không? Tôi xin lấy việc trộm cắp làm thí dụ, các ông lúc đi đường lúc lên tầu, hoặc gặp những đứa diện-mạo khả nghi, chực lấy của mình, nếu mình hơi biết, thì hẳn phải dự-phòng, không cho nó lén lấy được; đứa gian thấy như thế, thì dù muốn lấy cũng không dám lấy ngay, vì sao thế? Nó thấy các ông con mắt chăm chăm không lúc nào hở, nếu nó rờ tay vào, thì nghề nó phải bại-lộ ngay. Chúng tôi lên đàn diễn nghề, cái tình-thế cũng giống như vậy. Trong lúc chúng tôi diễn nghề, thì bao nhiêu con mắt người xem đều nhóm vào nơi mình, ai cũng chăm chăm rình xét, hòng bắt được chỗ giả dối, cái thế lại hơn giữ ăn cắp, mà chúng tôi chính đứng giữa ngàn muôn con mắt người ta nhìn vào, nếu không dự bị, thì sao khỏi hỏng việc. Cho nên tôi nói rằng: cái học-vấn nhà huyễn-thuật không chuyên trọng về học nghề, mà cũng cốt xem xét cái tâm-lý người xem, để biết mà phòng bị, nếu không thế, thì dẫu nghề giỏi thế nào cũng khó khỏi sự thất-bại.

Cái tâm-lý người thường, ai cũng có một chỗ rất yếu đuối; là trong lúc thình lình, nghe người ta hô một tiếng to, thì phải xiêu lòng mà theo cái mệnh-lịnh người ta. Trong lúc chúng tôi đương diễn trò, vội hô một tiếng lớn rằng: này! xem! cái hộp này không có vật gì cả, hoặc là hô rằng: này! xem! hai tay không, không có gì cả, chúng tôi hô những tiếng ấy, là cốt làm cho bao nhiêu con mắt người ta xem nhóm lại nơi cái hộp, cái bàn tay, để cho tiện mình thi thuật; mà những kẻ xem vẫn ngơ ngẩn biết đâu, cứ phải tuân theo mệnh-lịnh; nhờ cái cơ-hội ấy thì chúng tôi đã làm được việc rồi, nếu như người xem nghe tiếng hô mặc lòng, mà con mắt cứ nhìn vào mình người diễn trò, chứ đừng nhìn ở hộp và tay, thế thì cái địa-vị người diễn trò rất là nguy hiểm, làm mười trò thì bị bại-lộ đến bảy tám, thế không thoát khỏi con mắt người ta được. Song vì cái tâm-lý người ta, ai cũng như ai, hễ nghe cái mệnh-lịnh, thì trong khi bất-tri bất-giác không kịp suy nghĩ, mà cái con mắt đã chuyển đi rồi, dẫu muốn không thể cũng không được.

Chúng tôi làm nghề này đã đến 30 năm, nhiều lúc xem anh em đồng-bạn diễn nghề, đến lúc nghe tiếng hô, thì con mắt cũng chuyển đi, chứ không tự-chủ được. Cái phép ấy đã nghiệm nhiều lần, không sai chút nào, thật là một sự giúp đỡ cho nhà diễn nghề nhờ đó mà làm cái huyễn-thuật vậy.

Cái đàn chúng tôi đứng mà làm trò, và cái bực thang lên đàn, nếu khi không ý để dụng việc gì, thì thường không giải nệm, vì sao thế? vì lúc chúng tôi làm cái thuật gì, hoặc là cất cái đồng hồ đi, hoặc lấy cái trứng ra, thì lấy chân giẫm cho mạnh cho nổi tiếng, làm cho con mắt người xem đổi phương-hướng mà nhìn vào chân mình. Lúc nào mà chúng tôi biết con mắt người xem đương xem xét nghiêm nhặt, không lấy giẫm chân mà thư hiệu được, thì tôi phải lấy mắt tỏ ý cho người giúp việc; khiến người ấy cố-ý đánh rơi một cái gì, hay là giật mình nhảy nhót vội vàng, để cho người xem xây mắt về người kia, thì tự-khắc tôi làm được việc. Có lúc tôi muốn bảo người giúp việc lén lấy cái bàn hay là cái ghế hay là cái rương cái hộp đem để lên trên đàn, mà không cho kẻ xem được thấy, thì tôi chỉ đi quoanh cái đàn mà đứng ra chỗ khác, thế là được việc. Đó là vì con mắt người xem thường thường chăm vào mình kẻ làm trò, cho nên các cái mẹo ấy đều là làm để chia cái tinh-thần người xem, cái mẹo giản-dị mà công-hiệu thì lớn. Nếu các ông mà lĩnh-lược được cái nguyên-lý nghề huyễn-thuật, thì hẳn phải khen lời nói tôi.

Kẻ diễn trò cùng tay giúp việc thật có quan-hệ rất mật-thiết, trò làm nên hay là hỏng, thường tại tay giúp việc nhanh khéo hay là chậm vụng. Song vì sợ người xem sinh nghi, thì thường bảo người giúp việc giả làm bộ thô-suất vụng về, lúc ra giữa trò, thì cứ làm nghiêng bàn ngã ghế, rơi cái nọ, đổ cái kia, cử-động chậm trễ, khiến người xem bị lừa, không chú ý gì tưởng người vụng như thế chắc không dự gì vào việc làm thuật. Mà kỳ-thực là người làm trò mà không có tay ấy giúp việc, thì không làm được, quan-hệ mật-thiết đến thế. Tôi nhớ có một lần, tôi vào một chỗ kịch-trường, xem một người diễn trò, mà cái người giúp việc thật là tay nhanh như chớp, không ai bằng được, mà bề ngoài thì ra lù khù, xem dễ tức cười. Lúc ấy có một bà qui-phụ ngồi bên cạnh tôi, cứ một mực chê cái tay giúp việc ấy là thô vụng. Lúc làm trò đã xong, bà ta nói một lời nghi-hoặc rằng: « tay diễn trò giỏi thật, tài thật! mà tôi không hiểu tại làm sao mà dùng gì một người lù khù như thế làm tay giúp-việc? » lời nói bà ấy tựa như phàn nàn cho kẻ diễn trò, mà tôi thì lại phàn nàn cho bà ấy chưa biết cái chân-tướng nghề này. Vì tôi xem cái nghề của người diễn trò ấy cũng là tầm thường, không có gì hơn người. Bình-tâm mà nói, cái thuật mà thành được, mười phần nhờ tay giúp đến chín, nếu không tay giúp thì người diễn trò quyết không dám bước lên đàn một bước.

Chúng tôi nhân kinh-nghiệm mà biết được con mắt người ta chỉ hay trông bằng ngang, vậy cho nên lúc chúng tôi ra chào, có đặt cái bàn cái trác, thường cho cao hơn cái đường

bằng ngang con mắt người xem, vậy thì đồ bày trên bàn tuy vẫn trông thấy, song đã mất cái sức nhìn cho thật tinh. Người ta vẫn cũng nhìn ngược lên được, song nhìn ngược lâu thì mỏi mắt, không có cái sức xem xét rõ ràng nữa.

Cái lẽ con mắt người ta trông ngang, không những nhà huyễn-thuật biết mà thôi, những người buôn bán ở chợ quán đều biết lẽ ấy, lợi dụng lẽ ấy mà làm cho đắt hàng. Loại như : cái giấy biên giá bán, cái giấy quảng-cáo chiêu khách, cái giấy yết bán rẻ, và bày đặt hàng hóa, đều chọn chỗ không cao không thấp, chỉ vừa ngang con mắt người ta mà dán lên và bày sắp ra, thế mới có công hiệu. Độ nọ, có hai nhà bán quả tươi, ở kề nhau, một hôm hai nhà đều có thứ quả mới, yết quảng-cáo ra trước cửa để chiêu-khách, hai cái quảng-cáo ấy, một nhà để chỗ cao, quá cái độ con mắt người đi đường, một nhà để chỗ thấp, vừa ngang cái độ con mắt người đi đường ai cũng trông thấy. Sau rồi cái nhà dán quảng-cáo thấp, trong một ngày bán hết hàng, mà nhà kia thì ít kẻ hỏi đến, hàng phải đọng lại đến đôi ba ngày, việc ấy đủ làm chứng cái lẽ con mắt người ta trông ngang vậy.

Đã vậy, mà còn một sự nữa cũng quan-hệ cái thị-tuyến (đường con mắt trông) người ta, chỉ nhà diễn nghề biết, mà nhà buôn bất-tất biết : là cái thị-tuyến người ta không những hay trông ngang, mà lại hay chệch về bên hữu, chúng tôi biết được cái lẽ bí-mật ấy, cho nên những lúc diễn những thuật khó khăn, thì thường làm ở bên tả dân diễn, trái cái thị-tuyến người xem, để giảm bớt cái sức xem của họ.

Tôi thường nói : nếu tôi làm kẻ buôn, thì tôi bày hàng chỉ thiên trọng bên phải, nếu lúc có vật gì cần bán cho chạy, thì phải bày ở trong cửa sổ bên phải, mà tu-sức cho đẹp đẽ, hoặc là trong cửa hàng đặt cái tủ về bên phải, để khách vào hàng thì trông thấy liền, còn những đồ gì tốt hơn, thì lại để vào cái tủ bên trái, cho khách muốn so sánh chọn lựa thì lại chuyển sang bên trái, đó cũng là lẽ tự-nhiên.

Có kẻ bảo tôi rằng : « anh muốn tránh con mắt người ta xem xét thì nên tắt đèn đi để che đậy cái thuật mình, chứ sao mỗi lúc lên đàn làm trò thì đèn cứ thắp sáng chói lòe là cớ gì ? » những lời hỏi ấy, tôi chỉ đáp một câu giản-dị rằng : « tôi thắp đèn cho sáng chói, chính là cái thuật che đậy của tôi. Cái thuật ấy vì gián tiếp cho nên người xem không biết. Con mắt người ta gặp cái sáng chói lắm, thì sinh nhóa, việc ấy rất minh-bạch. Như ông ngồi đọc sách dưới ngọn đèn sáng, một chốc lâu thì con mắt ông phải nhoáng, rồi ông mới đi xem kịch, ngồi một hai giờ, cứ trông ra giữa ngọn đèn sáng chói, thì đã mỏi mắt rồi, đến trò huyễn-thuật lên đàn, thì lúc bấy giờ con mắt ông trông không được rõ ràng tinh-tế như lúc ban đầu mới đến. Mà ở trong kịch-trường thì trò huyễn-thuật thường để sau hết mới diễn, ban đầu thì cứ diễn trò vui trò cười đã, chính là vì thế.

Người ta, cái quan nghe, quan dòm đều là thuộc về não-hệ (óc) chỉ độc dùng một quan, thì cái thần chuyên tinh, chứ lúc kiêm dùng cả hai quan, thì cái thần tan tác mà không tinh, lẽ ấy ai cũng biết. Chúng tôi biết thế, nên lúc lên đàn diễn thuật, thì miệng nói như nước rót, không lúc nào ngớt ; không phải có chính-ngôn cao-luận gì đem cống-hiến cho khách xem đâu, chẳng qua chỉ là câu nói thú, chuyện khôi-hài, để dẫn động cái thần các ông, khiến cho quan nghe quan dòm các ông đồng-thời phải kiêm-dụng, cái thần cái chí chia san ra, không chuyên về một quan dòm được nữa. Phàm dụng thuật mà làm mờ cái quan nghe quan dòm người ta, thì quan dòm vẫn dễ mờ hơn quan nghe, ấy cũng một sự chúng tôi đã kinh-nghiệm.

Đã gọi là huyễn-thuật, thì biết là không phải sự thật, song trong lúc diễn thuật thì lại không muốn cho người ta biết rằng không thật, thế phải dùng cách giả dối để lừa người ta ; cách giả dối có nhiều chước, song vẫn có chỗ dễ chỗ khó.

Tôi thường nói : « dối lừa một người thông sáng có học-vấn thì dễ, mà dối lừa một người tầm thường tư-tưởng đơn giản thì khó, câu nói ấy giống như kỳ lạ, mà vốn là đúng nơi sự-thực. Vì những người tư-tưởng giản có, hễ gặp việc nghi ngại, thì dụng tâm đoán xét, trong một dây phút mà đã vội để cái trí nghĩ đến chỗ màu nhiệm sâu xa, mà bỏ mất chỗ giản-dị trước mắt, không tưởng đến xét đến. Còn người tầm thường thì không thế, cái trí nghĩ đã mỏng mảnh, chỉ biết suy nghĩ chỗ thiển-cận ; mà nghề huyễn-thuật vẫn không có gì cho kín nhiệm, nên cứ thường bị bọn ấy bắt được chỗ giả dối.

Bởi vậy trong lúc nghề diễn thuật, mà gặp nhiều trẻ con thì phải e sợ. Vì trẻ con cái trí nghĩ còn ngắn ngủi, không hiểu sự-lý gì, bao nhiêu mẹo mực đã nói trên kia, làm để dối kẻ lớn thì dễ như chơi, mà dối trẻ con thì khó lắm. Cái tinh-thần trẻ con không chăm chỉ một chỗ, cho nên khó lòng dẫn-động được. Có một bận, ở viện nuôi con mồ côi mở tiệc diễn trò, có vài người đồng bạn tôi đi vào đám ấy, tôi cũng đi theo. Đương lúc làm trò bao nhiêu trẻ con đều ra xem cả, có đứa trẻ ở một tiếng to rằng : « ấy tôi thấy một cái trứng đã lẫn vào trong ống áo rồi ». Vì đứa trẻ ấy ở lên thế, rồi chúng nhân đều làm ồn lên, mà người diễn-thuật phải thất-bại, sự thất-bại đó vẫn không phải tại người diễn-thuật, người ấy tay phải thì lên lấy cái trứng mà tay trái thì giơ cái khăn vuông hoa lên, để dẫn cái thị-tuyến của khách xem nhóm vào đó, như thế là phải phép lắm rồi, không ngờ đứa trẻ ấy không theo cái mệnh-lịnh hô-gọi, không nhìn nơi cái khăn mà lại nhìn nơi tay phải, bèn bắt được chỗ bí-mật.

Những điều nói trước ấy, tôi đã kinh-nghiệm, có một việc sau này rất thú-vị, đủ làm chứng rằng người có trí càng dễ phải lừa. Năm nọ, tôi ở Luân-Đôn giờ về nước Mĩ, vừa gặp ông La-ti-Phúc là nguyên Đại-tổng-thống nước Mĩ ; lúc ấy ông đi thám-hiểm ở Nam-Mĩ về, nghe nói ông đi chuyến ấy có thành hiệu tốt, về cái vấn-đề « sông nghi-hà » cũng có phát-kiến nhiều, nên đã vẽ thành bản-đồ, định rằng sau ba ngày ông đã giã từ nước Anh rồi thì sẽ đăng vào một tờ báo nọ ở Luân-Đôn ; cái bản-đồ ấy bây giờ còn giữ bí-mật, trừ ra người chủ-bút báo nọ thì chưa ai được biết.

Lúc ấy tôi hốt-nhiên sinh cái lòng muốn bỡn chơi, vì tôi nghĩ tôi được đi đồng thuyền với ông cũng là sự ngẫu nhiên. Song ông định về ngày

nào, thì trước khi ấy còn chưa nói rõ, đến lúc tôi xuống tầu lấy vé, người phát vé nói cùng tôi, mới biết ông cũng đồng về chiếc tầu này, tôi nghĩ rằng chuyến này vượt bể lâu ngày, thì chúng bạn đồng thuyền chắc có bảo mình diễn-thuật để mà tiêu khiển, nếu mình dụng kế thăm được cái bản-đồ của ông La-ti-Phúc mà vẽ ra cho chúng xem, thì chắc ai cũng phải kinh lạ. Chủ-ý đã định, bèn dụng kế thăm dò, xem được bản-đồ của ông ; cái kế làm thế nào thì đây bất tất nói kỹ, chỉ vì chúng tôi là bọn làm trò, thì thường được chúng nhân vui lòng thân-cận với mình, muốn câu sự gì vẫn dễ hơn kẻ khác.

Đến hôm sau, tầu ra khỏi Luân-đôn, sóng im gió lặng, khí trời đẹp đẽ, chúng khách đều ra nhóm trên sân tầu, bảo tôi diễn trò; ông La-ti-Phúc cũng có đó, ông vẫn nghe tiếng tôi, bèn lại chỗ tôi bàn hỏi những thuật hay giỏi, ông bị tôi mấy câu khêu chọc, sau ông đố tôi đem bản đồ bí-mật của ông mà vẽ ra được, thì ông mới phục là nghề tinh quái. Ý ông vẫn chắc rằng tôi không thể nào làm được, tôi vâng lời lập tức vẽ ra vẫn in hệt như của ông, đương thời ai cũng lấy làm kinh lạ làm như điên cuồng vậy, ông La-ti-Phúc vẫn tin rằng tôi có thần-thuật, chứ biết đâu tôi dùng kế khác.

Chỗ này nguyên có để bản-đồ chụp ảnh Hoắc-địch-Nạp bị trói cả tay chân treo ngược trên chỗ cao 150 thước, mà chỉ trong một phút, Hoắc-địch-Nạp đã gỡ ra mà xuống như không vậy. Người xem kể hàng vạn, ai cũng vỗ tay.

(Còn nữa) NAM-QUAN

CÁI TƯ-TƯỞNG CỦA CON CHÓ

(A France người Pháp làm)

1· Loài người, loài động-vật, loài đá, càng gần liền thì càng to lớn, đến lúc gần sát lại mình, thì to lớn vô cùng.

Mình thì không thế, dù đến đâu cũng chỉ bằng chừng này.

2· Mình ngồi dưới cái bàn, chủ mình đem miếng đồ ăn của chủ sắp ăn giả đò bỏ xuống, nếu mình mà mắc mẹo đỗ lừa ấy, thì rồi mình sẽ phải phạt ngay. Vị mình không tin chủ mình có lòng bớt miếng ngon của chủ mà cho mình đâu.

3· Vì thịt chó thật là một vị rất ngon.

4· Mình ngồi sau lưng ghế chủ mình thì được ấm nóng, đó là vì chủ mình là ông trời. Trong lò lửa than đỏ rừng rực, cái than ấy thật là của thần thánh.

5· Lúc mình muốn nói thì mình nói ngay. Trong miệng chủ mình thường phát ra những tiếng có ý-tứ. Song tiếng nói chủ mình không được rõ ràng phân-minh như tiếng mình. Mình nói ra tiếng nào cũng có ý-tứ, chủ mình nói nhiều những tiếng vô nghĩa. Cái tư-tưởng của chủ mình thiệt khó lòng đoán-lường, song mình cũng phải đoán-lường ý chủ.

6· Ăn là một sự rất thích, lúc ăn rồi lại càng vui thích lắm. Vì những đứa rình dòm miếng ăn của mình vẫn thường có, mà lại là khôn quỉ lắm.

7· Muôn vật đều đi đi lại lại, chỉ có mình đứng yên một chỗ bất-động.

8· Mình ở giữa đám muôn vật, có loài người, loài động-vật, các đồ vật, bao bọc chung quanh mình, có cái thì bày đặt không động cựa, có cái thì hại đến mình, có cái thì đáng yêu lắm.

9· Trong giấc mộng, thường thấy người, chó, nhà cửa, cây cỏi, cái thì ra hình đáng yêu, cái thì ra dạng đáng sợ. Đến lúc ngủ dậy, thì không thấy cảnh-tượng ấy nữa.

10· *Nghĩ thầm* — Mình yêu chủ mình, vì chủ mình có quyền-lực mà bộ dễ sợ lắm.

11· Phàm làm sự gì, nhân đó mà phải phạt, thì sự ấy là sự xấu. Làm sự gì, nhân đó mà được vỗ về hay là được thưởng miếng ăn, thì sự ấy là sự tốt.

12· Tối rồi có đứa trộm sức bạo mạnh lén vào nấp chung quanh nhà, mình thấy thế thì phải sủa cắn rộn ràng cho chủ mình biết mà đuổi bắt nó.

13· *Lời cầu nguyện* — Chủ-nhân ôi! chủ là ông Thượng-đế hay chém giết, tôi sùng bái chủ, chủ mà dữ ác hết mực, tôi tán-tụng chủ, chủ mà hiền lành hết mực, tôi cũng tán-tụng chủ. Tôi lòn dưới chân chủ, tôi liếm tay chủ, lúc chủ ngồi ăn uống trước cái bàn rượu thịt bày đầy, lớn lao biết bao! đẹp đẽ biết bao! Chủ chỉ lấy chút vụn cây làm ra lửa sáng ban đêm thành ban ngày, lớn lao biết bao! đẹp đẽ biết bao! Tôi cầu-nguyện chủ cứ nuôi tôi ở nhà này bao nhiêu chó khác thì đuổi hết đi À! cô nhà bếp, cô là vị thần trời, tôi mến cô, tôi sợ cô, vì cô thường cho tôi ăn món nọ món kia.

14. Phàm loài chó đối với loài người, nếu không có lòng kính sợ đối với mọi người trong nhà chủ, mà có ý khinh dể, thì hẳn phải đến cái cảnh xiêu-lưu thảm khổ.

15. Một hôm có cái bình dài đựng đầy nước lã, đi qua phòng khách bình vỡ nước ra, làm lầm cả mặt ván lát mới đánh bóng, tôi tưởng cái bình ấy đáng chịu đòn mới phải.

16. Loài người biết đem bao nhiêu của đóng kín cả lại, thật là có cả tài-năng thần thánh. Mình chỉ mở được một hai thứ cửa, còn hạng cửa ấy đều là của thần, không chịu phục-tòng loài chó.

17. Cái sinh-hoạt loài chó thường ở vào trong cảnh nguy-hiểm, muốn cho tránh khỏi hết sự đau đớn, thì lúc nào cũng phải lưu-tâm. Không những lúc ăn, dù lúc ngủ cũng phải lưu-ý phòng-bị.

18· Loài chó mình đối với loài người vẫn giữ một mực nhu-thuận, không biết như thế được hay là không được? Bọn mình chỉ nên kính mến bọn người, chứ không cần thăm tìm cái ý-tứ bọn người. Cái trí-năng của bọn người thần thánh kín nghiệm lắm.

20· (*Thiếu số 19*). Ngoài đường có những cái xe ngựa kéo, cái ấy thật là dễ sợ. Có thứ xe không có gì kéo mà tự chạy lấy, cứ nghe tiếng ù ù, cái ấy thật là dễ ghét.

Những người mặc đồ rách, bọn ấy mình xem như thù-địch. Người mang cái thúng cái giỏ trên vai trên đầu, người gánh thùng nước đẩy xe nước, bọn ấy thật đáng giận. Mình rất không ưa bọn trẻ con nhẩy nhót đuổi nhau, la lớn la nhỏ ở ngoài đường. Trong thế-giới sự gì vật gì nhiều cái đáng sợ và đáng giận...

NGU-CÔNG

Thơ cụ Nguyễn-công-Trứ

Chớ thấy ai thương bụng khỉnh-khảm,
Phải xem cho kỹ kẻo mà nhầm.
Chẳng ưa thoạt chốc ra hèn mạt,
Không lụy càng nhiều tiếng nói xàm.
Nghĩ nỗi ở ăn mà ghét độc,
Thấy trong thói-tục những cười thầm.
Ai ơi phải nghĩ nơi mình với,
Vòn hễ ăn thâm oán cũng thâm.

TIỂU-THUYẾT

MỘT ĐÓA HOA LAN

(HOA-BÍCH-LAN kỳ-nữ)

Nàng Hoa-bích-Lan là người kỳ-nữ ở đảo Bích-Lan, (vì nàng sinh ở đảo Bích-lan, nên lấy hai chữ Bích-Lan đặt tên) lúc nàng mới lên bảy tuổi, cha nàng có hứa gả cho con giai người họ Nhiếp, song chưa được một năm, thì cha mẹ nàng đều mất cả, nàng phải nương nhờ một người cô ruột, nuôi nấng dạy bảo cho, mà từ đó về sau, nhà họ Nhiếp cũng không có tin tức đi lại gì nữa.

Ngày tháng thoi đưa, không bao lâu nàng Bích-Lan đã mười bốn tuổi. Có một hôm ra đồng du-ngoạn, bấy giờ đương cuối mùa xuân, cỏ cây tươi tốt, khí giời mát mẻ, khoan khoái trong mình. Bỗng thấy một bà cụ già, một tay chống gậy, một tay xách dỏ, lom-khom tự trong rừng đi ra, mặt võ mình gầy, đi mãi không được một quãng, dần dần đến trước mặt nàng Bích-Lan xin tiền. Nàng trông thấy, trong lòng cảm-động, thương sót bội phần, bao nhiêu tiền ở trong bao, đem cho hết cả. Bà cụ nhận lấy, từ tạ rồi đi.

Một chốc lại quanh giở lại, nhìn Bích-Lan mà rằng:

— Tôi xem cô-nương sẵn có tiên-cốt, có thể học được kỳ-thuật của già này, nếu có đi theo, già này sẽ dạy.

Nàng Bích-Lan nghe nói, lấy làm lạ, liền đi theo ngay. Song bấy giờ bà cụ đi rất chóng, không lừng thừng như trước nữa. Nàng cố hết sức chạy theo, mãi mãi mới kịp. Không bao lâu đi đến một chỗ, thấy bóng cây rợp đất, không ánh nắng mặt giời, trận gió thoảng qua, dạ người mát mẻ. Chỗ ấy có một cái nệm cỏ, bà cụ liền ngồi lên trên, nhắm mắt chắp tay, lầm rầm tụng kinh nhà Phật, không nhìn đến nàng nữa. Nàng thấy thế, càng lấy làm lạ, vội vàng quỳ xuống, xin bà cụ dạy cho. Bà cụ đương bừng hai mắt, lấy 30 viên thuốc đưa cho nàng và dặn rằng:

— Mỗi ngày chỉ uống một viên, hết lại đến lấy.

Nàng Bích-Lan vâng lĩnh, lạy tạ ra về, mỗi ngày đem uống một viên, lúc uống hết, người rất mạnh khỏe, tay cầm vật nặng hàng tạ, mà vẫn coi nhẹ như một cái lông hồng. Thế mà tự mình ngẫm mình, thì vẫn là một người mềm mại nõn nà, tự-hồ đi không lướt ngọn cỏ.

Một hôm nàng lại vào rừng, đến bà cụ xin thêm thuốc.

Bà cụ nói: Sức vóc cô-nương bây giờ đã khá, có thể dạy được rồi. Nói đoạn liền bẻ cái gậy đương chống ra làm đôi, một thanh kiếm ở trong tụt xuống, lưỡi sắc sáng choang như tuyết đóng, lúc múa khí lạnh thấu cung giăng, coi rất lạ lùng, không thanh kiếm nào sánh kịp. Nhân bảo nàng rằng: đây là một thanh bảo-kiếm, không phải là vật của phàm-gian, cô-nương học nghề này, càng tấn tới bao nhiêu, thì thanh kiếm càng thu nhỏ lại, đến lúc nhỏ như lá lan mới thôi, coi sự chém lấy đầu người, dễ dàng như lấy vật trong túi. Nói xong cầm kiếm đứng dậy, phi múa bàn-hoàn, chỉ thấy một chòm bóng sáng, khí

lạnh thấu xương, không thấy hình người đâu cả. Lại bảo nàng Bích-Lan lấy nước té vào, mà trong mình bà cụ không hề có một giọt nước. Lúc múa xong, cầm thanh kiếm đưa cho nàng Bích-Lan, và truyền dạy những điều bí-thuật, giờ lâu mới xong. Bà cụ lại dặn nàng Bích-Lan rằng :

— Phàm tập nghề kiếm, trước hết phải có sức khỏe lắm mới được. Hôm trước đưa cho 30 viên thuốc, tức là thuốc luyện gân-cốt cho khỏe đó. Từ đây cô-nương phải luyện tập chuyên cần, ba năm về sau, chắc có công-hiệu. Nói đoạn, đưa thanh kiếm cho nàng, và đưa nàng ra cửa rừng, dặn dò rồi đi.

Nàng Bích-Lan muốn dò xem bà cụ đi lối nào, song đã không thấy tông-tích bà cụ đâu cả. Đứng lóng tai nghe, chỉ thấy một giải rừng xanh, lặng im phăng phắc, gió thổi cành cây lay động, không khác bóng nàng tiên tha-thướt chút nào.

Nàng Bích-Lan về nhà, chuyên tâm học nghề kiếm-thuật, càng tập lâu ngày, nghề kiếm lại càng tinh thạo, trong lòng vui vẻ bội phần. Mà nghề kiếm tinh thạo bao nhiêu, thì thanh kiếm lại càng thu nhỏ dần lại, đến ba năm thanh kiếm quả nhiên thu nhỏ như lá lan thực. Bấy giờ sắc kiếm trong xanh, mỏng như mảnh giấy, uốn tròn vuốt thẳng, coi rất dễ dàng, cài lên mái tóc, hình như một cái trâm vậy, cứ đêm đến thì khí xanh bốc lên, tỏa ra đến vài mươi trượng, không khác làn mây chút nào.

Bấy giờ nàng Bích-Lan đã mười bảy tuổi, mặt hoa da tuyết, sinh đẹp tuyệt-trần, không khác một vị thiên-tiên mới đáng-hạ trần-thế.

Một hôm nàng Bích-Lan cùng một người nhà, đủ nhau đi lên một cái tàu bể, sang du-lịch bên nước Thụy-Sĩ. Người cô ruột không biết, quanh quẩn tìm nàng, song tìm đâu cũng không thấy, ngờ nàng chết về nghề kiếm rồi, nên cũng không tìm chi nữa.

Khi nàng đã đến nước Thụy-Sĩ, thì tiền hành-lý vừa hết, phải đem đồ nữ-trang ra bán, lấy tiền làm vốn buôn hoa lan. Từ đó về sau, giéo giắt tiếng oanh ở các chỗ đường ngang phố hẻm, đều là tiếng nàng giao bán hoa lan vậy, mà trong những bó hoa lan ấy, thường thường có khí xanh bốc lên ngùn ngụt, hòa lẫn với luồng không-khí lúc mây tỉnh giời trong.

Kể những người phú-thương đại-cổ công-tử vương-tôn trong nước Thụy-sĩ, nhà nào cũng có trại riêng rộng rãi, vườn cảnh tốt tươi, mỗi nhà riêng chiếm mỗi nơi, trông chẳng khác cờ bày sao mọc. Bấy giờ có một cái biệt-thự nhà họ Lê, ở về bên chân núi trong nước Thụy-Sĩ, nào mái hiên ngoạn-nguyệt : nào thềm đá nghinh-phong, người phú-quí, cảnh thanh-u, rất là thú-vị. Bởi thế mà cái gót ngọc nàng Bích-Lan cũng thường thường đi lại ở đó. Vả người con gái người chủ cái biệt-thự ấy, cũng yêu Bích-Lan là một người tuyệt-sắc, nên thường gọi vào mua hoa luôn.

Người chủ-nhân cái nhà ấy, đã ngoài năm mươi tuổi, vốn là một người lái buôn. Lúc còn trai trẻ, cùng anh em buôn chung ở đảo Bích-Lan, vài năm buôn bán nên giầu, giở về Thụy-Sĩ. Bấy giờ mới xây dựng cửa nhà, mở mang vườn

được, để làm chỗ an-hưởng về sau. Người ấy hiếm hoi, chỉ sinh được có một con gái, yêu đương quí báu, coi như hòn ngọc trên tay, phàm người con gái muốn gì, người ấy cũng chiều lòng cả.

Vì cái nhan-sắc sinh đẹp, mà người con gái ấy, đem lòng yêu mến nàng Bích-Lan, thỉnh thoảng lại mời lên chơi trên gác. Cũng vì thế mà người chủ nhà (cha người con gái) ấy đắm say cái đẹp của nàng, mong sao cho được sánh vai, tấm lòng mới thỏa.

Một hôm nàng Bích-Lan vào chơi, lúc sắp ra về, người chủ nhà ấy muốn cố lưu lại. Nàng nói :

— Nếu quả có lòng yêu thiếp, xin cùng nhau đính-ước ở trong nhà thờ, bằng không thì thiếp dẫu là một đứa bán hoa lan, cũng không thể nào dám làm sự cẩu-thả được. Nói đoạn liền lấy một bó hoa lan đưa tặng, và nói rằng : hương thơm mấy đóa, gọi tỏ lòng yêu mến cùng nhau.

Người chủ nhà ấy tay cầm bó hoa, rồi tiễn nàng Bích-Lan ra cửa, nàng đã đi xa một quãng, mà người ấy còn đứng trơ đó nhìn theo.

Ngại ngùng kẻ ở người đi,
Hoa thì vẫn đó, người thì đâu xa !
Bao giờ sum họp một nhà,
Mặt hoa sẽ đến vườn hoa vui vầy.

Hồi lâu người chủ nhà ấy giở về phòng ngủ, cầm bó hoa lan ngắm nghía mãi không thôi, vừa ngắm hoa vừa nói lẩm nhẩm một mình rằng : « đã hai mươi năm giời nay, mỹ-nhân xa cách, chưa được thưởng-thức cùng ai cả. Chỉ có hồi trước ta cướp được một người gái đẹp là vợ yêu của người bạn, người bạn đã phải ta giết, mà gái đẹp ấy cũng về tay ta. Nay hài cốt người bạn đã khô, mà người đẹp ấy cũng đã dặm nghìn xa cách, may sao lại được một vị tiên-nương xuất-hiện, không khác một đóa hoa lan đẹp đẽ, nảy mọc trong chỗ bụi gai. Nếu ta quả có lòng kết nghĩa vợ chồng, tưởng cũng không khó. Chỉ hiềm nỗi luật pháp cấm ngăn không được tục-thú mà thôi ! ». Vừa nói dứt lời, bỗng thấy một làn khí xanh tự trong bó hoa lan bốc lên, phút chốc người chủ ấy hồn về chín suối !

Ngày hôm sau nhật-báo nước Thụy-Sĩ đăng lên báo-trương mấy ròng chữ lớn rằng :

« Người phú-hộ là Lê-lực-Đắc,
« đêm qua phải người ám-sát, đầu
« một nơi, mình một nẻo ; dò la khám
« nã, chưa bắt được ai là kẻ nguyên-
« hung, và cũng chưa hiểu đầu mối
« sao cả. Vả lại thi-thể Lê-lực-Đắc
« vẫn ở trong buồng, cửa trong cửa
« ngoài còn đóng nguyên cả, không
« biết kẻ hung-thủ ở đâu mà đến, đi ra
« đường nào, mà trong tay Lê-lực-Đắc
« vẫn còn nắm chặt một bó hoa lan,
« hình như lúc y sắp chết, vẫn còn
« mơ màng không biết, mà có ý vui
« vẻ lắm vậy. Xem thế đủ biết cái
« tuyệt-kỹ của kẻ hung-thủ, thực là
« xuất-quỉ nhập-thần, muốn dò la
« bắt được đích-danh, tưởng cũng
« không dễ.... ».

Tờ báo-cáo ấy truyền đi các nơi, cả nước kinh hãi. Ai cũng nói : giết người sao lại chộng quá như thế, cổ-lai chưa từng thấy bao giờ.

Lại nói đến nàng Bích-Lan, bấy giờ vẫn tay sách bó hoa lan, đi các nơi, ngõ hẻm phố sâu, rao bán như trước, nghe người ta nói chuyện Lê-lực-Đắc bị hại, ai cũng than thở phàn nàn, về phần nàng thì nghiễm-nhiên như người không có can-thiệp gì đến.

Có một người học-sinh ở trường Đại-học tên là La-quán-Thế, bị nghi-tình về việc ấy, là vì khám thấy trong túi áo Lê-lực-Đắc có một bức thư của La-quán-Thế đưa cho Lê-lực-Đắc khi xưa.

Thư rằng:

« Khi ngươi ở đảo Bích-Lan, « ngươi giết anh em bạn, và cướp vợ « đẹp của bạn, cùng là các thứ của « cải nữa, tội thực đáng chết, không « thể tha được. Thế mà nay ngươi « lọt qua lưới pháp, yên-hưởng thanh « nhàn, chẳng hóa ra trái ngược lắm « ru! Nếu ngươi biết hối-tâm sám-« hối, thì phải kíp đem tiền của giúp « đỡ những người thân-thích bạn « ngươi; bằng không thì ta sẽ chiều « như cách ngươi đãi bạn khi xưa, « đối-phó với ngươi cho sứng đáng. »

Người khám-xét bắt được thư ấy, coi như của báu, đem trình ngay sở Cảnh-sát; sở Cảnh-sát lập tức bắt La-quán-Thế, lấy thư ấy làm tang-chứng hiển-nhiên, khép tội tử-hình, định ngày đem đến đoạn-đầu-đài để chém. La-quán-Thế biết không sao cãi được, đành ngồi trong ngục, đợi chết mà thôi.

Trước khi hành-hình một đêm, đêm đã khuya khuya, giăng mờ sương lạnh, có một luồng khí vừa xanh vừa sáng, luồn vào trong ngục, đến chỗ Quán-Thế bị giam.

Bấy giờ Quán-Thế đã biết không bao lâu đến lúc hành-hình, cho nên thần-chí hôn-mê, không còn sinh-thú nữa! Bỗng thấy sáng rực trước mắt, khí lạnh thấu xương, bừng mở mắt nhìn, thấy một người lạ mặt đứng đàng trước. Quán-Thế sợ hãi hỏi rằng:

— Ông ở đâu đến đây, có phải đến đòi mạng không?

Người ấy vừa cười vừa nói:

— Phải, phải, song anh trông tôi, những đồ phục-sức có giống anh không?

Quán-Thế nhìn ngắm mà rằng:

— Giống lắm, giả-trang như tôi, ý để làm gì?

Người ấy nói:

— Giờ hành-hình sắp đến nơi rồi, đi mau, đi mau, đừng nên dùng dằng nữa, vừa nói vừa kéo Quán-Thế ra ngoài cửa ngục, nói nhỏ với Quán-Thế rằng:

— Tôi đến đây thay anh, anh kíp chạy sang nước khác, có vật gì làm kỷ-niệm đưa đây, sau này còn có ngày hội-ngộ.

Quán-Thế không hiểu ra sao, trong khi sợ hãi, cũng lấy một vật đưa cho người ấy, rồi vội vàng chạy đi ngay. Còn người ấy thì giở vào trong ngục, ngồi để đợi chết.

Mờ sáng hôm sau, quân cảnh-binh kéo đến, vây bọc ba vòng, rồi kéo người ấy lên đoạn-đầu-đài để chém.

Lúc đao chém vào cổ người ấy, bỗng thấy một luồng khí xanh, bốc lên sáng rực, đao gãy làm đôi, bọn cảnh-binh sợ hãi ồn-ào, mà kẻ phạm đã biến đi đâu mất, chỉ thấy mấy đóa hoa lan ở dưới đất, sắc hãy còn tươi mà thôi.

Người giả-trang làm La-Quán-Thế, và chịu tội thay cho La-quán-Thế ấy là ai? Tức là nàng Bích-Lan đã nói ở trên kia vậy.

Nàng Bích-Lan đã trốn thoát, đem tặng vật của La-quán-Thế ra xem, kinh-dị mà rằng: « ô hay! đây là

của báu nhà ta ngày trước đây mà, cớ sao lại lọt vào tay Quán-Thế? ta phải đi theo để đòi lại tung-tích mới được ». Nói đoạn liền từ đã nước Thụy-sĩ ra đi, chèo núi vượt sông, để tìm Quán-Thế. Sau lại vượt bể đi đến một chỗ, thấy người chỗ ấy: đầu ai cũng hủi tóc cả, mà tay áo thì rộng, khỏe mạnh và chạy tài. Về phần con gái, thì mầu da trắng trẻo, đôi mắt tinh khôn; chỉ vì hay điểm phấn tô son, nên cái phong-vận tự-nhiên giảm kém mất cả. Vậy thì chỗ ấy là chỗ nào? Chính là nước Nhật Bản ở châu Á vậy.

Lúc bấy giờ trong nước Nhật-Bản có một đám đương đấu võ, những người đứng xem chung quanh đông lắm, Bích-Lan vừa đi đến đây, cũng chạy lại xem. Thấy một người đàn ông vạm vỡ, ngang-nhiên đứng ở giữa vòng, gầm đỏ đội đầu, áo ngắn và tay áo cũng hẹp; trên cổ áo đính ngọc bảo-thạch lấp-lánh tưng bừng, trông rõ choáng cả con mắt. Và lại mặt sắt đen sì, râu ria chỉnh chện, coi cũng có vẻ uy-nghiêm lắm. Người ấy là ai? chính là người đại-lực-sĩ châu Phi, đấu võ luôn mấy ngày, nhưng chưa ai đánh đổ được, hôm ấy là hôm cuối cùng, nếu có ai đánh được người ấy, thì người ấy xin đem tất cả vàng bạc được giải mấy hôm trước nhường cả lại cho.

Lại nói: trước ấy mấy hôm, có một người nước Nga, thân-thể vạm vỡ, trạng-mạo anh-hùng, thế mà mới vào giao-đấu một lần, đã bị người ấy đá ngã xa ngoài mấy trượng. Sau lại có một người nước Anh vào đấu, song cũng không dám đối-địch mà phải lui.

Ngày hôm ấy lại có một người, hình-dong nhỏ nhắn, nhảy vọt vào vòng đấu với người lực-sĩ ấy, cách cử-động rất mau, lúc tiến lên như con hầu, lúc phục xuống như con chuột, bay nhảy múa lộn, đúng như khuôn phép nghề võ, chẳng sai chút nào. Nàng Bích-Lan tấm tắc khen thầm rằng: « đây là người Nhật-Bản đây, nước họ sùng-thượng nghề võ, sự kết-quả thực đã đáng khen ».

Hai bên tranh đấu hồi lâu, bỗng-nhiên người lực-sĩ ấy nhảy lên rình đá vào trán người Nhật, té ra trúng ngay vào sau gáy người Nhật, người Nhật đổ nhào thua chạy. Bấy giờ những người đứng xem, ồn-ào nhộn nhịp, ai cũng cho là cái tuyệt-kỹ của người lực-sĩ ấy, không ai địch nổi được nữa. Người lực-sĩ ấy lấy làm hớn hở, sắp sửa khải-hoàn. Bỗng đâu có một người con gái rất đẹp, nhảy thẳng vào giữa vòng đấu võ mà rằng:

— Người lực-sĩ kia, không nên đi vội, còn có người nước Trung-hoa nữa đây.

Người lực-sĩ ấy giận lắm, quay lại đánh người Trung-hoa. Người Trung-hoa né mình tránh khỏi, liền dơ hai tay đánh vào trán người lực-sĩ. Người lực-sĩ cũng dơ tay cự lại, song chân người Trung-hoa đã đá tin vào bụng người lực-sĩ rồi. Người lực-sĩ đau đến gan phổi, phục xuống dưới đất không thể dậy được. Người Trung-hoa thấy thế, tưởng là người lực-sĩ sắp chết, đến gần trông xem, không ngờ người lực-sĩ chú-mục nhìn vào chỗ hiểm, nắm tay chừng mắt, hết sức đánh lên một cái, tay người lực-sĩ sắp đưa đến mình người Trung-hoa, bỗng thấy máu me lai láng, năm ngón tay người lực-sĩ, đã dụng xuống đất rồi. Người lực-sĩ giận lắm, mắng ngườ

Trung-hoa có phép yêu. Người Trung-hoa cũng mơ hồ không hiểu tại sao, mà người lực-sĩ mất năm ngón tay như thế.

Bấy giờ mọi người kéo ra phân-giải, bảo người Trung-hoa đừng lấy vàng bạc của người lực-sĩ, để làm tiền phí-tổn cho người lực-sĩ chữa thuốc. Người Trung-hoa cũng bằng lòng, người lực-sĩ vui vẻ đi ra, những người đứng xem, cũng đều giải-tán cả.

Người Trung-Hoa ấy sắp sửa đi ra, bỗng gặp một người con gái đẹp vừa nhìn vừa cười; người Trung-Hoa ấy cả thẹn, cúi đầu không nói chi cả, rồi tránh đi đường khác, quay đầu lại nhìn, vẫn thấy người con gái theo sau, trong lòng lấy làm kinh lạ, đã toan hỏi xem, thì thấy người con gái nói rằng :

— Kẻ phạm tội giết người phải giam trong ngục nước Thụy-sĩ, mà bỏ đi trốn, có phải là ngươi không ?

Người Trung-hoa ấy nghe nói, sợ hãi thất-sắc người, đã toan chạy lại chối cãi. Người con gái ấy lại yên ủy mà rằng :

— Anh La-quán-Thế ơi ? anh đừng sợ, thiếp đã thay anh mà chịu tội cho anh rồi đó, nếu anh không tin, thì vật kỷ-niệm hãy còn đây. Nói đoạn liền lấy một vật ra đưa cho Quán-Thế.

Quán-Thế nhìn xem, thì thấy là một thanh kiếm bằng ngọc, dài hơn hai tấc, thực là vật của mình khi xưa, trong lòng mừng rỡ, khấu đầu cảm tạ ân-nhân, và xin hỏi họ tên người con gái dẹp ấy. Người con gái đẹp ấy cũng nói thực rằng : thiếp tôi là Hoa-bịch-Lan.

Quán-Thế nghi-hoặc mà rằng :

— Ô hay ! Nữ-sĩ đã chết thay tôi rồi, sao lại còn được ở đây ? Hay là ngày nay nữ-sĩ không phải là người nữa chăng ?

Nàng Bích-Lan sẽ dịu dàng mà rằng :

— Sao anh không nghĩ kỹ, thiếp đã có thuật cứu anh ra khỏi ngục, há không có cách gì để thoát-thân hay sao ? Nói đoạn liền đem tình-hình lúc lên đoạn-đầu-đài trước sau thế nào, nói cả với Quán-Thế một lượt, và nói rằng : nếu hôm nay thiếp không chém năm ngón tay người lực sĩ ấy, có lẽ anh đã nguy rồi.

Quán-Thế nghe nói, bấy giờ mới tỉnh-ngộ, luống cuống cả người, không biết cảm tạ thế nào cho được.

Nàng Bích-Lan hỏi rằng :

— Thanh kiếm ngọc của anh, bởi đâu mà có ?

Quán-Thế nói rằng :

— Tôi xin thưa thực cùng nữ-sĩ, tôi đây chính là người Chương-Châu ở nước Trung-hoa, tôi có người bạn là Nhiếp-hoành-Trường, cùng học ở nước Thụy-sĩ, khi nước Pháp với nước Trung-hoa có việc tranh-chiến, Hoành-Trường thân trong nước không kẻ nhân-tài, tức giận đến nỗi thành bệnh. Lúc lâm-chung đem thanh kiếm ngọc này trao cho tôi, dặn tôi phải giữ, và nói sự lai-lịch cái thanh kiếm này; còn những lời tôi thuật trong thư đưa cho Lê-lực-Đắc, cũng là lời Hoành-Trường nói lúc lâm-chung vậy. Bây giờ kiếm này đã về tay nữ-sĩ, xin nữ-sĩ đừng khinh bỏ mới được.

Bích-Lan nghe nói, cúi đầu nghĩ ngợi, hình như đã tỉnh-ngộ, song nét mặt thì vẫn thẹn thò lắm, bảo Quán-Thế rằng :

— Khi anh về nước, anh làm việc cho khéo, phải có làm nên công-nghiệp gì mới phải, đừng để phụ cái thân ngang-tàng bấy thuở ấy. Còn về phần tôi thì hồ phận liễu-bồ, sẽ vào núi sâu, túp cái nhà cỏ gianh để ở. Nói đoạn rồi biến đi không thấy Bích-Lan đâu nữa.

Quán-Thế bồi-hồi trông ra bốn phía, chỉ thấy một luồng khí xanh, rực rỡ trước mắt, càng xa bao nhiêu, càng thấy nhạt dần bấy nhiêu. Cúi trông dưới đất, nhặt được một đóa hoa lan, hãy còn thoang thoảng cái hương thừa của một người mỹ-nhân vậy.

THẦN-DUYỆT

Thơ cụ Nguyễn-công-Trứ

Đéo mẹ nhân-tình đã chán rồi,
Đen như chó mực, bạc như vôi.
Tiền-tài hai chữ son khuyên ngược,
Nhân-nghĩa đôi đường nước chảy xuôi.
Khi mới chẹo chân thời há miệng,
Vòng chưa thoát khỏi đã cong đuôi.
Hãy xin các bác vài phen nữa,
Nàu xáo xin đừng nàu xáo vơi.

N° 6

HAI NGƯỜI NGHĨA-HIỆP

Trinh-thám tiểu-thuyết

(NGHIÊM-XUÂN-LÃM dịch-thuật)

Từ khi Chí-Thành phải sự lôi thôi về việc thưa kiện, vẫn biết Mã-Thị và Tú-Cao đều không phải là người có thể trông cạy được. Chỉ vì nặng lòng về hai chữ « kim-tiền » quá, nên không dám trái ý bao giờ.

Có một hôm trời đã sáng rõ, Chí-Thành đánh thức vợ dậy, nhưng gọi mãi không thấy thưa, lay mãi không thấy động, lúc mó đến thịt, thì đã thay lạnh như băng. Chí-Thành cả sợ, vội vàng mở cửa ra nhà ngoài, thấy các cửa đã mở toang cả; quanh nhìn đến buồng ngủ của học trò, thì buồng không lạnh ngắt như tờ, các đồ chăn nệm cũng mất. Bấy giờ đi xét đến các vật trong cửa hàng, thấy mất đến quá nửa, biết Tú-Cao đã đi trốn mất rồi, trong lòng thương sót, loanh quanh không biết tính sao. Nghĩ thầm rằng : « những người lân-cận quanh đây, không có ai thân-hợp với mình cả, chỉ có một cách đi báo với mẹ vợ mà thôi. »

Chú-ý đã định, Chí-Thành vội vàng đóng cửa ra đi, chạy tắt đến nhà mẹ vợ.

Bấy giờ mẹ vợ là Trầm-thị đương cầm ấm tích đi lấy nước, thấy Chí-Thành lật đật chạy đến, chắc là có sự biến-cố chi đây, liền gọi vào trong nhà hỏi chuyện. Chí-Thành chạy vội quá, thở mãi không nói ra hơi, một chốc nói rằng :

— Lịnh-ái chết mất rồi mẹ ạ !

Trầm-thị nghe nói, cả kinh mà rằng:

— Thật không, hay mày nói nhảm ?

— Thật ạ, vợ tôi quả chết mất rồi !

— Bệnh gì mà chết ?

— Không có bệnh gì cả.

Trầm-thị nghe nói, vừa khóc vừa mắng Chí-Thành rằng :

— Lời nói của mày, ta không tin được, có khi nào không bệnh mà chết bao giờ ! chắc là tự mày mưu-sát đó thôi. Ta đãi mày không bạc, mày có oan-nghiệp gì với con ta ! Thôi ta đã biết mày rồi, ta biết mày là đồ bất-lương rồi : hôm nọ mày đã mưu giết công-tử Quyên-Phu, bây giờ lại mưu giết con gái ta nữa, ta thì mày thế nào được.

Chí-Thành nghe lời Trầm-thị, lòng đương thương sót, bỗng đổi ra mặt giận mà rằng :

Những lời mẹ nói, lòng tôi không thỏa chút nào. Tôi có phải là chuyên nghề giết người đâu ! sao nỡ đem cái án giết công-tử và lịnh-ái đổ cả cho tôi ! Không kể tôi với lịnh-ái không nói nặng đến nhau bao giờ, nếu quả có sự bất-hòa với nhau chăng nữa, nhưng giết vợ đi để thỏa lòng tức giận, tôi có ích gì, sao mẹ không minh đến thế !

Trầm-thị không nói gì, chỉ khóc lóc thương sót mà thôi.

Chí-Thành đứng ở bên cạnh, đã thương vợ chết, lại bực nỗi oan-vu, lòng như dao cắt, không thể nào đứng mãi đấy được, liền đi thuê xe, nói với Trầm-thị rằng :

– Lúc này không phải là lúc thương khóc, phải trái thế nào sẽ có công-luận. Hiện nay người chết còn nằm trên giường, phải tìm cách xử-trí ngay

mới được. Sao mẹ không đến xét nghiệm xem sao ?

Trầm-thị cũng không nói gì, liền lên xe đến chợ Tây, vào nhà Chí-Thành, ôm thây Mã-thị mà khóc, vừa khóc vừa mắng Chí-Thành. Những người hàng xóm nghe tiếng, chạy đến hỏi thăm mới biết căn-nguyên, ai cũng nói rằng : nay người học trò đã trốn, việc ấy tất người học trò làm ra. Nghe đâu hôm nay Hạ-công đến khám ở Dương-thôn, sao không đợi lúc người về, đón đường mà khiếu. Trầm-thị lấy làm phải, vội vàng đi. Ấy sự đón kiệu kêu oan trước sau là thế.

Lại nói đến Hạ-công thấy bà già ấy vừa kêu oan vừa khóc, liền hỏi họ tên là chi ?

Bà già ấy thưa rằng :

— Tôi là Trầm-thị.

Hạ-công hỏi kêu oan việc gì ? thì Trầm-thị đem việc Mã-thị chết tường-thuật một lượt.

Hạ-công nghe nói cả kinh, nghĩ thầm rằng : vẫn mình tưởng Chí-Thành là người như thế, quyết không có gan giết người. Thế mà nay lại sảy ra sự thế, thế mới biết lòng người cũng khó lượng lắm thay ! Liền đem nha-dịch và Trầm-thị về nhà Chí-Thành khám nghiệm.

Khi đã đến nơi, sai người vào khám tử-thi Mã-thị, còn Hạ-công thì đi xem xét khắp trong nhà, thấy tình-hình bấy giờ, không khác với lần khám trước. Bỗng thấy người ngỗ-tác đem tờ biên-khám đến trình và bẩm rằng :

— Tôi đã hai ba lần xem nghiệm, thấy thi-thể Mã-thị cũng giống thi-thể Dương công-tử hôm trước, trong mình cũng nhiều chỗ thâm tím lổ đổ, chắc phải thuốc độc chứ chẳng không, chỉ khác một điều là không có vết thương viên đạn mà thôi.

Hạ-công nghe nói, càng tin là Dương công-tử cũng bị Chí-Thành mưu giết. Song Tú-Cao bỏ trốn, cũng là một sự đáng ngờ, ngay bây giờ chưa thể xét ra mối được. Liền đem nha-dịch và Chí-Thành, Trầm-thị về huyện, rồi đem việc đó nói chuyện với Tử-Sâm.

Tử-Sâm thưa rằng :

— Đồ vật trong nhà, mất đến quá nửa, thì thì biết Tú-Cao chỉ cốt sự lấy trộm mà thôi. Song vì sự lấy trộm mà giết chủ nhà, cứ lý ra thì giết Chí-Thành là phải, sao lại giết Mã-thị ? Vả lại Mã thị cùng Tú-Cao đã đồng-mưu hãm-hại Chí-Thành, có lẽ nào lại giết nhau ? Tôi ngờ rằng sự mưu-sát Mã-thị cùng sự Tú-Cao đi trốn, tất là hai việc : Nghĩa là Tú-Cao vì cái án trước, sợ phải vạ lây, cho nên lấy trộm đồ vật mà đi ; còn như việc Mã-thị chết, vị-tất y đã biết.

Hạ công nói :

— Ý tôi cũng thế, việc Mã-thị chết, tất Chí-Thành giết chứ không sai.

Tử-Sâm xua tay mà rằng :

— Không, không phải, nếu Chí-Thành giết vợ, tất giết ở chỗ khác, không khi nào giết ở nhà. Mà có giết ở nhà chăng nữa, tất cũng lấy thuật mà giết, để người ta không ngờ. Tức như Dương công-tử đã bị thuốc độc lại bị đạn thương vậy. Nay Chí-Thành cùng Mã-thị cùng ngủ một nhà, sớm dậy mà Mã-thị chết, cái tang-chứng hiển-nhiên như

thế, ai ai cũng hiểu, kẻ định giết vợ có thể bao giờ.

Hạ-công nói :

—Lời nói phải lắm, song thế nào cũng phải bắt Tú-Cao mới được. Liền sai gọi người bộ-dịch rất lão-luyện đến, nói họ tên và hình dáng Tú-Cao cho nghe, rồi sai đến nhà tìm bắt, nếu tìm bắt không thấy, sẽ mật-thám xem, thế nào cũng phải bắt được đích-thân Tú-Cao mới thôi. Người bộ-dịch vâng mệnh ra đi.

Hạ-công sai dẫn Trầm-thị đến, hỏi rằng :

— Trong khoảng mười ngày vừa rồi, con gái mụ có đến nhà mụ không?

— Bẩm không, đến hai tháng nay cũng không thấy đến.

— Lâu nay con dể mụ có đến nhà mụ không?

— Bẩm trong hai tháng nay mới đến một lần.

— Đến lúc nào?

— Bẩm mới đến sáng hôm con gái tôi chết.

— Lúc ngày thường, con gái mụ với con dể mụ có hòa-thuận với nhau không?

— Bẩm thỉnh thoảng có nói nhau xoàng mà thôi, không chửi nhau đánh nhau bao giờ.

— Vậy thì con gái mụ đãi con dể mụ thế nào?

— Tôi thấy con gái tôi nói với tôi rằng : « chồng y coi đồng tiền như tính mệnh, tục mà không nhã », chỉ một câu ấy mà thôi, còn không thấy nói chi cả.

Hạ-công lại sai dẫn Chí-Thành đến hỏi rằng :

— Vợ ngươi chết lúc nào, ngươi có biết không ?

— Bẩm không, lúc tôi gọi không thấy thưa, mới biết rằng chết.

— Đêm qua lúc đi ngủ, vào hồi mấy giờ ?

— Bẩm vào hồi mười giờ.

— Trước khi đi ngủ, có ăn thức gì không ?

— Bẩm không, chỉ có ăn cơm chiều thôi.

— Lúc ăn cơm chiều ấy, thấy vợ ngươi có điều gì khác không?

— Bẩm không, vẫn cười nói như thường.

— Vậy thì vợ ngươi có đi đâu không ?

Chí-Thành nghĩ ngợi hồi lâu, thưa rằng :

— Vợ tôi không đi đâu.

– Chính ngày hôm qua vợ ngươi có ở nhà không ?

— Bẩm có, buổi chiều hôm qua, vợ tôi còn ngủ ở trên giường, đến lúc gọi dậy ăn cơm, y mới giờ dậy.

— Thế có ai vào nhà ngươi không?

— Bẩm không, chỉ có một mình tên học-trò Lưu-tú-Cao thôi ạ.

Hạ-công ngẫm-nghĩ việc ấy, nếu không bắt được Lưu-tú-Cao đến, không thể nào tìm cho ra mối được. Liền sai giam Chí-thành để xét, và tư giấy đi các huyện chung quanh tróc-nã Tú-Cao, lại dặn người bộ-dịch phải hết lòng đi mật-thám.

Người bộ-dịch tên là Lý-cẩm-Vinh đã nhận cái trách-nhiệm đi thám bắt Tú-cao, liền ăn mặc giả làm người buôn bán, hỏi thăm biết nhà Tú-Cao ở trấn-Hoàng-Sơn ;

Chỗ trấn ấy cùng với chợ Tây đối ngạn sông, đứng trông thấy nhau,

cách xa huyện-thành ước hơn bốn mươi dặm. Cẩm-Vinh đem các đồ cần dùng đựng vào một cái túi da rồi xách đi.

Khi đã đến bờ sông, thuê thuyền sang ngang, rồi đi thẳng về hướng đông. Lúc đi được hơn mười dặm, thấy muôn núi chồng chất, có một con đường quanh quất tự trong núi chạy ra. Cẩm-Vinh theo đường ấy mà đi, khuất-khúc gập-ghềnh, đến hơn nửa giờ mới ra khỏi chân núi. Bấy giờ đã đến hơn bốn giờ chiều, bóng dương đã ngả về tây, gió chiều phe-phẩy, mà trấn Hoàng-sơn vẫn còn xa tít, còn cách đến hơn hai mươi dặm đường. Cẩm-Vinh chỉ sợ đi không kịp, giữa đường gặp kẻ bạo-khách nào chăng, lét mắt nhìn ra bốn bên, mong sao có một thôn-lạc gần quanh, ngủ nhờ một tối. Không ngờ bốn bên phẳng lặng, đều là nội cỏ hoang-lương, lòng vội bao nhiêu, đi lại càng chóng, đi được một chốc, bỗng đâu đụng phải một người. Người ấy bị đụng mạnh quá, ngã quay ra đó. Cẩm-Vinh thấy thế cả sợ, nhìn kỹ người ấy, té ra là một nhà sư, ước chừng ngoài ba mươi tuổi, trong tay đương cầm cái tràng-hạt. Cẩm-Vinh vội vàng nâng dậy, và xin lỗi với nhà sư rằng :

— Tôi quả vô tình, vì có việc cần đi vội, không kịp lưu-ý, cho nên mạo-phạm đến đức sư-tôn, xin người hỉ-xả cho.

Nhà-sư nhìn kỹ Cẩm-Vinh mà rằng :

— Không cần phải thế, có phải là cố-ý làm cho tôi ngã đâu, hà-tất phải xin lỗi. Song bây giờ trời đã sắp tối, ngài muốn đi đâu ?

— Bạch người, tôi sang trấn Hoàng-sơn.

— Trấn Hoàng-sơn còn cách xa lắm, có lẽ đêm khuya mới đi đến nơi, mà đến đấy thì khó chỗ trọ lắm.

Cẩm-Vinh nói :

— Song bây giờ giữa chỗ dọc đường, không nơi trú-ngụ thì biết tính sao ?

Nhà sư trỏ về hướng đông mà rằng :

— Cái chùa nhỏ ở chỗ kia, cách đây có mấy bước thôi, chùa dẫu hẹp hòi, có thể ngủ tạm được, nếu ngài không hiềm quê-kịch, xin khuất-giá tạm trú một đêm.

Cẩm-Vinh nghe nói cả mừng, hai lạy theo đi, một lát đã đến cửa chùa, trông thấy cây cối rậm-rạp, có biển đề ba chữ « chùa Tĩnh-Tu » vào mé trong cửa, thấy qui-mô dẫu nhỏ mọn hẹp hòi, song điện-vũ rất là sạch sẽ. Nhà sư đưa Cẩm-Vinh vào trong nhà khách, lấy tấm ván làm ghế, rải ổ rơm làm giường, đơn sơ chẳng có vật gì nữa. Cẩm-Vinh tự nghĩ rằng : chỗ này là chỗ hoang-lương, sự khổ-hạnh tất hơn chùa khác, song có chỗ ngủ tạm một tối, cũng còn hơn không.

Một chốc nhà sư đem chén nước chè mời uống. Cẩm-Vinh ròm khắp trong chùa, hình như không có sư tiểu nào nữa, trong lòng nghi-hoặc, vẫn phải đề-phòng. Đến tối nhà sư bưng cơm lên mời, Cẩm-Vinh sợ có ý khác, không ăn. Sư nói :

— Ngài ngờ tôi chăng ? Đã đi vắt vả cả ngày, chắc cũng đã đói, sao không ăn tạm một bữa. Tôi đây vốn lòng từ-thiện, có lẽ đành thuốc độc cho ngài hay sao ?

—Thưa không, lúc tôi đi dọc đường, đã ăn mấy chiếc bánh, bây giờ cũng vẫn còn no, xin người chớ ngại.

Nhà sư thấy Cẩm-Vinh từ chối, biết là không thể mời được, liền đem ra ăn. Ăn xong hỏi Cẩm-Vinh rằng :

— Ngài đến trấn Hoàng-Sơn có việc chi ?

— Tôi là người buôn vải, đến đó mua vải đấy thôi.

Nhà-sư tự-hồ không tin, song cũng giả cách hỏi rằng :

— Sao ngài đi muộn thế ?

— Vì tôi uống rượu ở nhà anh em bạn, cho nên mãi mới ra đi, không biết Pháp-danh của người là gì, cho tôi biết với ? Sư nói :

— Tôi tên là Thiết-thiền.

Cẩm-Vinh nói :

— Pháp phật lấy từ-bi làm gốc, chỉ nên mềm mỏng là hơn ; sắt vốn là vật cương-cường, sao người lại đặt tên ấy ?

— Không, nhất-thiết trong pháp phật, có pháp-diệt cương-nhu gì đâu, chẳng qua tôi muốn luột tôi cũng cứng như sắt, để giết hết những kẻ làm sự si-tình trong thiên-hạ, nên mới đặt tên ấy.

Sư nói nên câu ấy, có ý sợ lộ tung-tích, liền gia-tăng hỏi rằng :

— Câu chuyện tôi nói vui đó thôi, có lẽ ngài đã mỏi, thế mà tôi quên không lấy chăn nệm cho ngài nằm. Nói đoạn liền đi lấy cái chăn vải ra, để lên giường cho Cẩm-Vinh mà rằng:

— Chỗ chùa hoang-rậm không có chi, thế này cũng mạn với ngài lắm, mời ngài đi nghỉ, để sớm mai đi Hoàng-sơn.

Cẩm-vinh thưa vâng, rồi nhà-sư lui ra.

Cẩm-Vinh đóng cửa, đem đèn soi khắp trong nhà, chẳng thấy có vật chi cả, trong lòng sợ hãi, sợ nhà sư là người phản-ác chăng. Song lại nghĩ: trong cái túi da của mình, chẳng có của cải gì cho lắm, mà làm cho nhà sư phải động lòng tham. Chẳng qua chỉ có hơn chục bạc thôi. Không lẽ vì hơn chục bạc này mà hắn giết mình hay sao ». Nghĩ đến thế thì trong lòng yên ổn, ngủ được một giấc thực dài. Bỗng nghe xào-xạc tiếng chim, trời đã sáng rõ, Cẩm-Vinh giở dậy, tự nghĩ: từ đêm qua đến nay, không thấy động-tịnh chi cả, thế mà mình ngờ nhà sư phản-ác, thực cũng buồn cười, liền mặc áo đứng dậy, đi ra mở cửa. Không ngờ vận-động hết sức mà không sao mở được, cái cửa đó chẳng khác sắt đúc chút nào. Bấy giờ Cẩm-Vinh mới lấy làm nghi lắm.

CHƯƠNG THỨ TÁM

Cẩm-Vinh lúc ấy, thực là tiến-thoái lưỡng-nan. Muốn kêu to cầu cứu, lại sợ nhà sư giết lại; muốn để vậy cho nhà sư đến mở, thì quyết không khi nào dã lấp cửa mà còn mở cho mình. Tự nghĩ: những ván cửa thế kia, dầu bền chắc đến đâu, cũng có thể phá ra được. Liền lấy con dao nhỏ ở túi ra, khoét một lỗ về mé bên tả, khoét đã sâu đến hơn một tấc, mà vẫn chưa thấy ánh sáng mặt trời, trong lòng lại càng nghi-hoặc lắm. Lại lấy bao diêm đốt đèn đem soi, thấy bên ngoài ván cửa lại có một vật che kín nữa, chẳng khác một lần cửa nữa chút nào. Đến bấy giờ Cẩm-Vinh mới biết Thiết-Thiền không phải là người lương-thiện. Song các vật đem đi, hiện còn nguyên-vẹn, không biết hắn dụng mưu giết mình để làm gì, nghĩ ngợi loanh quanh, chẳng biết tại cớ sao

cả. Ngửa trông trên xà nhà, cúi nhìn dưới mặt đất, hết đứng lại đi, thúc-thủ không có kế gì ra thoát, cứ thế đến vài tiếng đồng-hồ. Cẩm-Vinh tự-phận không thể ra được, đành ngồi đợi chết mà thôi !

Bỗng nghe « kẹt » một tiếng, cửa đã mở toang, Cẩm-Vinh cả sợ, ngờ rằng Thiết-Thiền đến giết mình hẳn. Té ra một người sư già ở đâu đi đến, mới trông thấy Cẩm-Vinh, đã sợ hãi chạy hoài, vừa chạy vừa kêu rằng: « có quỉ, có quỉ ». Mọi người sư khác nghe tiếng, đều chạy lại xem, cũng kêu rằng: « có quỉ, có quỉ thực, mau mau đèn mà giết đi » Nói chưa dứt lời, thôi thì người cầm gậy, kẻ cầm côn, kéo đến đông cả, ai cũng trợn mắt nhìn Cẩm-Vinh.

Cẩm-Vinh trông trong bọn sư, không thấy có Thiết-Thiền, vội vàng xua tay mà rằng :

— Tôi không phải quỉ, tôi thực không phải quỉ đâu.

Mọi người sư không tin.

Cẩm-Vinh nói :

— Có lẽ đâu giữa ban ngày mà quỉ lại hiện ra, xin Hòa-thượng bớt giận, để tôi xin nói một lời.

Mọi người sư nghe nói, ai cũng nhìn vào người sư già xem bảo sao.

Người sư già nói rằng :

— Ta nghe nói : « quỉ không có chân ». Bây giờ thấy người kia có chân, chắc không phải quỉ. Song người kia có phát-thệ ở trước thần-tiền, chúng ta mới tin.

Cẩm-Vinh nói :

— Điều đó có khó gì, liền đến trước Phật-tiền thề một câu, và hỏi người sư già rằng :

— Tôi thực không biết các vị Hòa-thượng là người thế nào, trong lòng sợ hãi, đương sợ giết tôi, không ngờ tại sao mà các vị lại sợ tôi như vậy ?

Hòa-thượng nghe nói lấy làm lạ mà rằng :

— Chúng tôi là chủ-nhân chùa này, vẫn ở đây, ngài là người ở đâu mà lại vào cái nhà ghê gớm đáng sợ này ?

Cẩm-Vinh nói :

— Thế thì các vị có phải cùng bọn với nhà sư Thiết-Thiền không ?

Các sư nghe nói, không hiểu ra sao, lại nói :

— Chúng tôi không biết nhà sư Thiết-Thiền, vậy thì Thiết-Thiền là người thế nào ? xin ngài bảo cho.

Cẩm-Vinh liền đem việc gặp Thiết-Thiền hôm trước, đầu đuôi thế nào thuật lại một lượt.

Người sư-già nghe nói, liền hỏi :

— Ngài gặp người ấy ư ? người ấy hình-giáng thế nào ?

Cẩm-Vinh nói :

— Người ấy cao mà gầy, đen xấu mà có râu.

Người sư già không đợi nói hết, vừa cười vừa bảo Cẩm-Vinh rằng :

— Tôi cũng sợ thay cho ngài lắm, may mà ngài lại gặp chúng tôi. Người ấy tên là Khâu-nhất-Đạo, vốn là kẻ bạo-khách, nói dối là Thiết-thiền đó thôi. Còn như cái nhà này, trước kia vẫn có yêu-hồ, chúng tôi sợ hiện-hình tác-quái, nên đem tấm sắt lắp ngoài. Hôm qua chúng tôi tụng kinh ở trấn Hoàng-sơn, không ngờ y đến đây chiếm-cứ, để giam hãm ngài. Ngài không đến nỗi chết, thực là có trời giúp, song có lẽ hành-lý của ngài, hắn y cướp mất rồi !

(Còn nữa)

VĂN NỮ-GIỚI

Cải-chính mấy câu vô-nghĩa trong bài « khảo về tuồng hát An-nam » của một nhà nữ-bạn đăng vào báo Nam-phong số 76

Phàm luận sự, bất tất nói cho cao-kỳ, quí-hồ phải thời hợp lẽ ; làm văn, bất tất cầu cho hoa-mĩ, quí-hồ thông nghĩa trơn câu, cái lẽ ấy dù kẻ học-sĩ văn-nhân là chính tay luận sự nghề làm văn, còn phải biết mà xét lấy, huống chi bọn nữ-lưu ta ngày nay, mới học nói chuyện, mới học viết bài, thì lại càng cần phải biết một điều. Điều gì? Em có ý nói về thông nghĩa hay là nghĩa không thông.

Mới đây em đọc báo Nam-Phong số 76, có bài « khảo về tuồng hát An-nam, » bài ấy đoạn trước nói về cái nguyên-lưu tuồng hát, đoạn giữa nói về cách đặt tuồng, đoạn sau nói về văn-chương trong tuồng, xem cũng có công nghiên-cứu, song dẫn mấy câu « hát phú » « câu than » thì em xem chừng như nhầm chữ mà mất cả nghĩa.

Câu hát « phú » rằng : 兩道蛾眉宛碧春山橫遠黛一雙鳳簡渾如秋水漾金波 (lưỡng đạo nga mi, uyển nhược xuân sơn hoành viễn đại, nhất song phượng giản, hồn như thu thuỷ dạng kim ba) em không biết tuồng, không, biết câu ấy vào tuồng gì, song cứ theo văn-nghĩa, thì câu ấy là tả nhan-sắc một người gái đẹp, em hiểu như thế không biết có phải không? em xin chất-chính cùng độc-giả. Em xin hỏi, độc-giả 鳳簡 (phượng giản) là nghĩa gì? chắc độc-giả phải giả lời rằng : không từng thấy chữ ấy bao giờ. » Thế thì chữ ấy ở đâu mà viết ra đấy? em xin quyết rằng đó là chữ 鳳眼 (phượng nhãn), nghĩa là con mắt phượng, đối với câu kia 蛾眉 (nga mi) là mày ngài. Vì tiếng trong Huế đọc vần D và Gi cũng như Nh, dấu ngã cũng như dấu hỏi, 眼簡 (nhãn,giản) vần khác vần khác dấu, song tiếng Huế tụi đọc như nhau, cho nên mới nhầm chữ này ra chữ kia, chứ nhà in sắp chữ không thể đọc chữ nhãn ra chữ giản được. Trong chữ Hán, lúc nào người ta tả cái nhan sắc người mĩ-nhân, thì thường lấy chữ « xuân sơn » mà tỉ dụ rằng mày, nghĩa là mày xanh như nét núi mùa xuân ; lấy chữ « thu-thuỷ » mà tỉ con mắt, nghĩa là mắt sáng như nước mùa thu ; những chữ ấy nhà văn-nhân vẫn thường dùng, không phải chữ lạ lùng gì. Trong truyện Kiều có câu : « làn thu thủy, nét xuân-sơn » cũng là dùng nghĩa ấy.

Trong bài ấy lại dẫn một câu « thán » rằng : 一雙長戟大軍供 « nhất song trường kích lục quân cung » nếu cứ theo chữ mà cắt nghĩa, thì là một đôi dáo dài cả sáu quân cung cấp, em xin hỏi độc-giả như thế là nghĩa gì? chắc độc-giả phải trả lời rằng : « không có nghĩa ». Vậy em xin đoán chắc rằng hai chữ 軍供 (quân cung) ấy nguyên là hai chữ 鈞弓 (quân cung) này, 一雙長戟大鈞弓 nghĩa là một đôi dáo dài và một cái cung nặng sáu cân. Vì 軍供 với 鈞弓 vẫn là đồng-âm, cho nên mới nhầm như thế. Tuồng hát An-nam xưa nay ít có bản in, chỉ bản viết mà thôi, bản viết thì tam-sao thất-bản, chữ nhầm nhiều lắm. Phường há dạy nhau chỉ tập cho đúng dịp đúng tiếng, là được, bất-tất biết chữ biết nghĩa, còn như người đã biết, luận sự biết làm văn, mà không xét ra những chỗ ấy, thì ra cái học-vấn mình chỉ là 耳食 (nhĩ-thực) mà thôi có khác gì bạn hát chỉ biết đọc tiếng mà không biết nghĩa. Nhà làm luận ấy lại nói : câu hát nhiều câu hay, có tinh thì mới biết hay, như hai câu ấy đã vô-nghĩa, thì em không biết hay tại chỗ nào, mà bảo rằng hay thật?

Báo Nam-phong nghe nói vẫn nhiều tay giỏi chữ Hán, mà sao những chỗ này không xét đến? Hoặc là cũng bởi cái tâm-lý yêu chuộng văn-chương đàn bà là của hiếm, như lời em đã nói kỳ trước trong báo Hữu-Thanh số 4, cho nên bất-luận đúng chữ hay là nhầm, có nghĩa hay là không, cũng cứ đăng càn in càn cho những độc-giả đồng một cái tâm-lý ấy, cũng cứ ngâm cứ đọc cho có âm-điệu nhịp nhàng thế là hay chăng?

Từ xưa bạn quần-thoa nước Việt ta cũng có nhiều tay học giỏi chữ hay, song chẳng qua chỉ làm thơ từ ngâm vịnh, đem lòng thêu dệt gấm mà phẩm-bình phong-hoa tuyết-nguyệt, thư tả tình tình thế thôi, chứ không ai học làm văn luận sự. Đến thế-giới ngày nay, nữ-học mỗi ngày mỗi cao, nữ-quyền mỗi ngày một thịnh, mà nước Việt ta cũng có một đôi người nữ-lưu lấy quốc-ngữ làm văn làm luận, đem cống-hiến cho quốc-dân, cũng là sự mới mang hiếm có. Em chỉ mong mỗi ngày có thêm nhiều nữ-bạn có học-thức, biết ngôn luận, làm vẻ vang cho nước Việt ta.

Xin độc-giả biết cho rằng : em không phải có ý chê bai nhà nữ-sĩ, và chỉ-trích nhà báo đâu, vì học-vấn nhỏ cạn như em, đã dám chắc khỏi chỗ sai nhầm đâu? song nhà nữ-sĩ này vẫn một tay làm luận, thường thấy trong các tờ báo, mà báo Nam-Phong là một nhà báo có danh, tuy rằng chữ Hán ngày nay đã hết mùa, dù có sai nhầm cũng ít kẻ xét ra, song vẫn còn có kẻ biết, mong cho nhà làm văn và nhà làm báo sau này nên lưu-ý vậy.

CÚC-HƯƠNG

VĂN-THƠ

Tự thán

Một gánh công-danh chậm bước [đường,
Trông vời ngao ngán cuộc tang- [thương!
Được thua lẫn lữa nghề chơi thạo,
Vay giả ngày ngà món nợ vương.
Cười nói ngoài môi, duyên bạn-hữu.
Mơ màng trong giấc, cảnh gia-hương.
Bui nghiên có phải người son phấn,
Cũng giống như ai nỗi đoạn-trường!

Lội bị địa bàm

Cái gì bám chặt, ôi chao ôi!
Chẳng bám ai mà lại bám tôi.
Nước lội yêu chân nên chậm chạp,
Đỉa sù hút máu dã quen mùi.
Tiện điếm ta thử hơ bằng lửa,
Gần xóm ai đây đỡ ít vôi.
Có biết từ nay chừa tớ nhé?
Những loài ăn bẩn chớ lôi thôi,

Cử-nhân LÊ-VĂN-LUYỆN

Thăm cảnh đồng rừng cũ

Nhớ cảnh làm-toàn giạo bước chân,
Tới nơi đã thấy khác mười phần.
Núi non vắng vẻ người tân-dã,
Cầu quán lơ thơ khách cựu-lân.
Giăng gió chưa quên khi lãm-thắng,
Cỏ hoa còn nhớ lúc tầm-xuân.
Bươu nai nhộn nhịp chiều đưa đón,
Thấy thu càng thêm nhớ cô-nhân.

TỐNG-NGỌC-MAI

Giả điếc

Mẹo điếc như ai, cũng nực cười,
Điếc khôn, điếc khéo, điếc ăn người.
Việc làm, gào mãi không thò cổ,
Lợi đến, bàn ti ầm đã thính tai.
Hàng phố cháy nhà, trơ dít vại,
Chị em chết đuối, kệ thây ai!
Quen-mui giờ những tuồng « khôn- [lỏi »,
Nghễnh-ngãng mãn-thinh mặc [chuyện đời.

NGHIÊM-XUÂN-LÃM

Họa bài « mừng Hữu-Thanh lại xuất-thế »

Của ông Bùi-ngọc-Ninh đăng ở số 11

Lâu nay vắng tiếng những bồi-hồi.
Nào có ai ngờ sống lại đời!
Cùng bạn Trung Nam đà cách mặt,
Tiếng chuông hữu-ái bỗng lừng tai.
Kể chi chuyện cũ thêm buồn dạ,
Khéo nối duyên sau mới tỏ tài.
Chấn-chỉnh nay mừng tay lão-luyện,
Mong rằng xuất-bản sẽ bền hoài.

Khánh-Hòa VƯƠNG-GIA-BẬT

Lưu-giản bạn Cao-Bằng

Tình-nghĩa tri-giao đã bấy lâu,
Tấm lòng thồn thức lúc chia bào!
Thành Cao đoái cảnh mong tin nhạn,
Đạo Bảo trông vời nhẹ vó câu.
Mảnh đá non Sầm in nghĩa cũ,
Vừng trăng sông Hiến giãi niềm sâu.
Chen chân trót vướng vòng danh-lợi,
Chén rượu trùng-phùng sẽ có nhau.

GIẢN-KHANH

Hát nói

不如意事十常八九

Bất như ý sự thập thường bát cửu, (1)
Cuộc tiêu-sầu thì-tửu với ai đây?
Còn mộng mênh mây nước nước mây,
Khi nằm khểnh vắt tay càng ngẫm

家情恍廹愚才子 [nghĩ.

Gia tình mang bách ngu tài tử, (2)

世路奔馳之少年

Thế lộ bôn trì lão thiếu niên. (3)

(1) Việc mười phần không được như ý đến tám chín phần.

(2) Người tài-tử ngày vì nỗi gia-đình mang-bách.

(3) Khách thiếu-niên dạn mặt vì nỗi rong ruổi đường đời.

Kiếp phù-sinh là nợ hay duyên?
Thôi chay nhạt mùi thiền không chán ngậu. Người bốn bể với ai mà kết bạn, dăm ba câu chữ Hán chuyện trò xưa. Nước đời đã nảo nùng chưa?

Cử-nhân LÊ-VĂN-LUYỆN

Viếng bạn

Nội-bằng nhác mắt thử coi,
Kìa kìa năm đó những người đời xưa.
Bể giâu một cuộc trải qua,
Người đời bao tá? ai là bách-niên?
Nhớ từ thuở bạn quen khi trước,
Bé tí ti tôi bác cùng thân.
Non Hoành tuyết đứng dừng chân,
Bên sông Nhị-thủy hỏi lần đòi nơi.
Nghiệp khoa-cử mảng vui tuổi trẻ,
Gánh phong-trần nặng nhẹ biết bao!
Kể trong cựu-học cựu-giao,
Bác tôi, tôi bác, Quản, Bảo tương-tri.
Cùng nối gót rủ rỉ sau trước,
Lại một lòng bàn bạc hôm mai.
Khi khói thuốc, lúc chè mai,
Bên trong đình nọ, bên ngoài chùa kia.
Hoa rung ngọa đèn khuya vui thú,
Chén hàn-ôn chuyện cũ nói cười,
Thẻ-canh (1) bác tính cùng tôi,
Hơn hơn bảy tuổi, vơi vơi bảy tuần.
Mừng tóc bạc, nhưng chân còn khỏe,
Lại thêm xuân, cảnh mia ngọt lừ.
Lộc vua đã có con đưa,
Vui miền phong-thủy, lại ưa tính già.
Bóng giâu dẫu trông ra đã xế,
Vóc thông xem còn vẻ tinh-thần.
Trùng-dương bác mới dời chân,
Rằng: lên « An-Mỹ » qua lần « Mễ- [giang ».
Ngày thấm thoắt bước sang mười [tám,
Chợt nghe tin bác sớm xa chơi.
Mới trong mười mấy ngày giời,
Minh-dương phút đã chia đôi ngả rồi!
Lau vời trúc ngậm ngùi vườn cũ,
Này cảnh đây, nào chủ-nhân đâu?
Hợp-quần tiến-bộ bẹn nhau,
Cùng nhau hóa-bạc cho mau hồi-thuần.
Hay bác nghĩ: tỉ anh-hầu chẳng chán
Bỗng lần đi tìm bạn tiên đâu?
Non Ân xanh ngắt một mầu,
Hạc bay bổng tít trên đầu mây xanh.
Hay bác nghĩ: thế-tình giận giã,
Mải vui chơi, lâu chả tưởng về.
Nội Sài sơn-thủy sinh ghê,
Dễ thường bác có duyên gì đó chăng?
Than ôi! đâu cũng vòng đào-chú,
Kiếp phù-du nào có một ai?
Bác vui tìm thú ẩn dài,
Ông vô-danh, họ vô-hoài ngày xưa.
Giang-sơn nọ bây giờ dẫu vậy,
Gốc tử-phần đây đây khác nhau.
Biệt-ly tưởng đến mà đau,
Ở trong đăng sớt, lại sầu cay chua!
Tôi nhớ bác, bao giờ thấy bác?
Những liệu chừng mây nước [ngùi ngùi.
Bắc đi, ngất ngưởng còn tôi.
Mặt hoa khôn giữ sụt sùi giọt sương!

Của ông NGUYỄN-THIỆN-KIỀU
TÒNG-NGỌC-MAI sao-lục

(1) Cái canh-thiếp biên tuổi.

Văn tốt khóc tế bà (1)

Bà ơi bà!
Gió vàng hiu hắt,
Sương ngọc tuôn sa!
Càng trông thấy cảnh,
Càng nhớ đến bà!
Đã hay rằng: trăm năm trong cõi người ta:

(1) Bà cụ này vốn giòng giõi trâm-anh, đã cả thuần-sảo tài-hạnh, là kẻ-thất nhà phú-hào. Ông chồng vì lạc-quyên được thưởng « cửu phẩm nghĩa-hộ ». Năm bà 22 tuổi chồng mất, bà được 1 giai một gái và vợ trước được 1 giai, vợ lẽ được 1 giai, bà nuôi nấng gây dựng đều cả, mà nhất là bà lại chăm làm việc nghĩa: nào năm đói thì phát-chẩn, nào vỡ nước thì giúp của đắp đê, nên được ân tứ « Kim-tiền » đến năm bà 80 tuổi mới mất.

Như thoi đưa, như ngựa qua,
Như thỏ chạy, như ác tà.
Nào người năm bảy chục,
Nào kẻ một đôi ba.
Xưa nay ai không thác, mà bà thác có tiếng xa.
Con cháu ai không thương, mà cháu thương càng sót sa!
Vòng sinh-tử ai bầy như vậy,
Lòng cảm-thương bao đã nguôi [mà!

Nhớ bà xưa:
Tư giời thuần-hậu,
Nết đất thật-thà.
Nếp hành-vũ (1) vốn giòng thế-phiệt,
Gịp sắt-cầm nối tiếng hào-gia.
Ông sớm đã thác,
Bà trẻ chưa qua.
Nào cô, nào chú,
Nào bác, nào cha.
Mà con vịt,
Mà mẹ gà.
Mà công to việc lớn,
Mà sự cửa tinh nhà.
Chịu sào đứng mũi,
Phó mặc tay bà.
Nhà họ Kim (2) cứng cỏi một cây,
chịu lấy mình che mình chống;
Dòng sông Hát lênh đênh chiếc bách, mặc dầu ai lướt ai chài.
Giữ din cơ-nghiệp,
Gây dựng thất-gia.
Ngoài êm trong ấm,
Trên thuận dưới hòa.
Mấy độ tuyết sương, ngọc chuốt đã nên người tiết-nghĩa;
Một niềm son sắt, gương trong soi tỏ khách quần-thoa.
Một nền sây vững,
Muôn hóa suy ra,
Đã tinh lại nghĩa,
Yêu nước như nhà.
Hằng lúc xuất lương phát-chẩn,
Lại khi giúp của phòng-hà.
« Cửu-phẩm nghĩa-hộ » vinh-bao,
Duyên phối-thất trăm năm đã xứng;
« Nhất hạng kim-tiền » đặc-tứ,
Chữ ân-ban muôn thuở không nhòa.
Đức đã cao như núi Thái,
Phúc nên đầy tựa hà-sa.

Thế mà:
Cơ-cầu thay! con tạo,
Độc-địa nhỉ! giời già?
Nào cô nào bác,
Nào chú nào cha.
Trước sau đều thác,
Để lại một mình bà!
Đàn cháu nheo nhóc,
Bay chuyền bay la.
Cơm áo ấm no, bà thay công mẹ;
Sách đèn dạy dỗ, bà gánh việc cha.
Công bà khó nhọc,
Đức bà cao xa.
Bà sống trăm tuổi,
Cũng chưa là già.
Cớ sao mới chẵn bát-tuần, tuyết sương còn đượm;
Thoắt đã dương khí cửu-nguyệt, mưa nắng trái hòa!
Hay là ngán kiếp phù-sinh, bể trần-lụy không vui lòng Vương-mẫu;
Vậy muốn tìm nơi cực-lạc, cõi Tây-thiên quy với phật Gi-đà.

Hỡi thương ôi!
Giao-trì mây tỏa,
Bảo-vụ sao sa.
Nỉ non giọng dế,
Rầu rĩ canh gà!
Nhớ những lúc chia bùi sẻ ngọt,
Nào đã phu tấm bánh đồng quà.
Dẫu cho nghìn tứ muôn chung, chưa đền chút đỉnh;
Ngàn nhẽ trăm đường nghìn nỗi, khôn xiết kể ra.
Máy huyền-vi vận chuyển khôn lường, bỗng không vật đổi sao dời, hồn kim-cổ mỗi ngày mỗi vắng;
Kim hàn-thử thăng-trầm mấy độ, chốc đã hạ qua thu tới, bóng quang-âm một phút một qua.
Nghĩ gần nghĩ xa,
Lắm nỗi thiết-tha!
Hỡi cô hỡi bác?!
Hỡi mẹ hỡi cha?!
Hồn thiêng có biết,
Cùng đợi rước bà.
Ngậm ngùi trông cảnh tam-thu, dễ khêu lòng trúc (1);
Thấm-thoắt tới tuần bách-nhật, thay đọc thơ Nga (2).
Nào buổi thừa-hoan, tưởng nông-nỗi lại mạch sầu như gợi;
Gặp kỳ tốt-khốc, nghĩ nguồn-cơn mà giọt lệ càng sa!
Trăm năm xa cách từ đây, chút lễ bạc gọi theo thế-tục;
Chín suối tinh-linh có thấu, tấm lòng thành dám kể chay-ma.

Huyền-Mặc đạo-nhân

(1) Người đàn bà có đức-hạnh như ngọc hành ngọc vũ.
(2) Nhà ấy vốn họ Nguyễn-Kim.

(1) Cháu đứng trước sân, như hàng cây trúc.
(2) Thay cha mà đọc thơ Lục-nga, (thơ Lục-nga là tả lòng con nhớ công cha mẹ.)

Thơ cụ Nguyễn-công-Trứ

Ba vua, bảy chúa, sáu thằng con,
Răng chừa long lay, gội chửa mòn.
Nhân-vật đời giờ sinh cũng uổng,
Quan-tài sẵn đó chết thì chôn.
Lâu-đài thành-quách trời muôn dặm,
Bị-gậy can-đai đất một hòn.
Cũng muốn sống vài mươi tuổi nữa,
Sợ ông Bành-Tổ bắt đồng-môn.

THỜI-SỰ

VIỆC THẾ-GIỚI

Việc giao-thiệp nước Ý-đại-lợi với nước Hy-lạp. — Sau khi quân-đội nước Ý-đại-lợi chiếm đảo Kha-phủ, cục-thế châu Âu đổi ngay ra nghiêm-trọng khác thường. Trong hồi cuối tháng tám (Âm-lịch), ở đất Ba-nhĩ-Cán xuýt nữa có cái nguy-cơ phát sinh ra sự chiến loạn. Thế mà may sao mấy tháng gần đây, nước Hi-lạp bị cái chánh-sách cường-ngạnh của nước Ý-đại-lợi làm cho khuất-phục, hình thế đôi bên dần dần hòa-hoãn hơn xưa.

Ngày mồng sáu tháng chín, hội Quốc-tế-liên-minh khai hội, nghị định cái phương-pháp giải-quyết việc nước Hy nước Ý tranh nhau, rồi đưa đến các quan Đại-sứ nước Hiệp-ước ở thành Ba-lê hội-đồng nghị lại. Điều đó chẳng qua hội Quốc-tế-liên-minh theo ý nghĩ các quan Đại-sứ nước Hiệp-ước, để bảo-toàn cái nhan-diện hội Quốc-tế-liên-minh đó thôi, chứ thực thì cái quyền hành-chánh của hội Quốc-tế-liên-minh, vẫn phải khuất dưới quyền nước Ý áp-chế, quyết không có cái năng-lực theo được công-lý mà làm, cho nên thuận nước đẩy thuyền, theo ý-kiến các quan Đại-sứ mà làm cho xuôi việc. Nhưng chẳng qua chỉ thiệt hại riêng cho nước Hy-lạp mà thôi.

Sau khi các quan Đại-sứ nghị định, có đưa đến chính-phủ Hy-lạp một bản điệp-văn về cái phương-pháp điều-đình như sau này :

1. Tàu quân nước Ý và tàu quân nước Pháp, nước Anh đi theo tàu quân nước Ý lúc vào cửa bể Tất-lộ-Tư, thì tàu quân nước Hy-lạp phải bắn hai mươi phát súng đại-bác kính chào.

2. Chính-phủ Hy-lạp phải đến xin lỗi các quan Đại-sứ nước Anh nước Pháp nước Ý đóng ở Nhã-điển (kinh-đô Hy-lạp), và phải quan Nội-các dự lễ kỷ-niệm quan Tướng nước Ý bị hại.

3. Di-hài quan Tướng nước Ý bị hại, khi ở chỗ bị hại đem lên tàu, thì chánh-phủ Hy-lạp phải kính lễ theo phép nhà binh.

4. Chánh-phủ Hy-lạp phải trữ sẵn tiền nước Ý là 50 triệu ở nhà băng, để làm bảo-chứng việc bồi-khoản.

5. Tổ-chức hội quốc-tế-úy-viên, thì lấy người đại-biểu nước Nhật làm hội-trưởng, để giám-đốc chánh-phủ Hy-lạp về việc thẩm-tra cái án ám-sát quan Tướng nước Ý, mà cái hạn thẩm-tra ấy chỉ đến ngày 27 tháng chín là hết hạn.

Chánh-phủ Hy-lạp tiếp tờ điệp ấy, chỉ phải khuất-phục thôi, không có cách gì xử-trí nữa. Dẫu biết hẳn các quan Đại-sứ bênh vực nước Ý, nhưng hội quốc-tế-liên-minh đã không chủ-trương giúp cho, mà việc võ-bị nước Hy-lạp, thì lại không tài nào địch với nước Ý được. Thế cho nên hôm mồng chín tháng chín, chánh-phủ Hy-lạp phúc thư cho các quan Đại-sứ, xin thừa nhận các khoản đã điều-đình trên kia, còn thì chẳng qua chỉ yêu-cầu quân nước Ý kíp lui mà thôi.

Các quan Đại-sứ hội nghị, phái ngay một người quan hầu của Đại-sứ nước Nhật làm chủ-nhiệm giám-đốc việc tra xét án ấy ; và khiến quân nước Ý đến ngày 27 tháng chín phải lui ra ngoài đảo Kha-phủ.

Về sau người chủ-nhiệm giám-đốc báo cáo : chánh-phủ Hy-Lạp không chịu hết sức tra bắt kẻ hung-phạm, nên các quan Đại-sứ liền đem số tiền 50 triệu của nước Hy-Lạp, giao cho nước Ý làm khoản bồi-thường.

Hôm 18 tháng chín, chánh-phủ Hy-Lạp đến xin lỗi với các quan Đại-sứ nước Anh nước Pháp và nước Ý, hôm sau lại cử-hành mọi việc như điều thứ nhất thứ hai thứ ba đã nói trên kia. Bấy giờ chỉ đợi nước Hy-Lạp bắt được kẻ hung-phạm là xong, không còn phát-sinh ra việc gì khác nữa.

Cái sự-biến nước Ý-đại-Lợi và nước Hy-Lạp lần này, giải-quyết rất chóng, thực là một sự rất may trong cuộc Âu-châu hòa-bình. Nếu cái thái-độ Hy-Lạp cường-ngạnh một chút, thì khó khỏi sự chiến-tranh được, mà dễ thường lại khiến-động đến nước khác nữa. Nhưng mà thôi, chúng ta cũng không nên lấy làm vui, vì cái tình-hình sự giải-quyết, chẳng qua bởi nước Ý lấy võ-lực uy-hiếp đấy thôi, chứ không phải nghĩa chánh-đáng trong sự quốc-tế. Cái thế-lực lâu dài của hội Liên-minh không bằng cái thế-lực lâm-thời của hội-đồng đại-sứ, thế thì từ nay về sau, còn lấy gì làm bảo-chướng cái chủ-quyền cho những nước nhỏ nước yếu trên thế-giới nữa.

Điều-ước mới của nước Mỹ với nước Thổ. — Nước Mỹ đối với cuộc hội-nghị ở đất Lạc-tang, (Laussane) tuy có phái đại-biểu đến, song chỉ giữ cái địa-vị đứng ngoài nghe lỏng mà thôi, không kiến-nghị điều gì, cũng không ký-kết bản nào.

Tự hôm 25 tháng bảy (tức là sau khi cuộc Lạc-tang hội-nghị kết cục hai hôm) nhà ngoại-giao nước Mỹ và nước Thổ đình lập điều ước với nhau, trước hết là vấn-đề nhập-tịch, và vấn-đề nước Mỹ yêu-cầu nước Thổ về ngạch bồi-khoản trong lúc chiến-tranh, ý-kiến đôi bên, có điều tranh-chấp. Sau có người đại-biểu nước Thổ là Y-tư Mỹ (Ismet Pasha), cùng đại-biểu nước Mỹ là Cách-Lỗ (Grew), hết sức bàn định chấm-chước, đều mồng 6 tháng tám mới xong. Điều-ước ấy cứ quan Quốc-vụ-Khanh nước Mỹ là Hưa-sĩ đã tuyên-bố, đại-khái như sau này :

Điều thứ nhất. — Quan ngoại-giao hai nước đều được hưởng-thụ những điều ưu-đãi là người nước rất thân.

Điều thứ hai. — Các vấn-đề người ngoại-quốc vào ở trong nước Thổ và việc tài-sản, việc tư-pháp, nếu có điều nào không được công bằng, phải lập tức trừ bỏ.

Điều thứ ba. — 1. Phàm nhân-dân trong hai nước đã đình-ước, người nước nọ đến ở nước kia, thì phải chiếu theo luật phép nước sở-tại ấy, có quyền tự-do về việc lữ-hành và cư-trú, và chiếu theo quốc-tế công-pháp thì được hưởng-thụ quyền-lợi của mình.

2. Phàm nhân-dân trong hai nước đã đình-ước, người nước nọ đến ở nước kia, phải chiếu theo luật-phép chỗ địa-phương sở-tại ấy, bao nhiêu nghề nghiệp kinh-doanh, cũng phải theo như thể-lệ chỗ địa-phương ấy đãi người ngoại-quốc.

Điều thứ bốn và thứ năm thứ sáu chưa rõ.

Điều thứ bảy — Phàm việc trưng thu tô thuế, nhân-dân nước nọ có đến ở nước kia, cũng phải nhất-thể khán-đãi như người bản-quốc.

Điều thứ tám. — Phàm quan-hệ đến phận cá-nhân đối với tôn-tộc (như việc hôn-nhân và ly-hôn), cùng là phép thừa-kế động-sản, người nước Mỹ ở trong nước Thổ, chỉ phải theo phép luật nước mình quản-hạt mà thôi.

Điều thứ chín. — Nhân-dân trong hai nước, về quyền-lợi sự buôn bán và sự vượt bể, phải theo cách vệ sinh, cảnh-sát và quan-thuế đã đành, còn đều được hậu-đãi là người nước rất thân.

Điều thứ mười — Bao nhiêu tầu buôn tầu chiến máy bay nước Mĩ ở eo bể Đại-ni-Lý, bể Mã-nhi-mã-Lạp, và eo bể Phá-tư-phổ-lỗ-Tư, về địa-phận nước Thổ, đều được tự-do đi lại, như các nước rất thân với nước Thổ, chiếu theo lời hòa-ước ở eo bể Lạc-Tang tại ngày 24 tháng 7 năm 1923.

Điều thứ mười một. — Thuộc về các hạng thuế nhập-cảng, phàm hóa-vật của nhân-dân trong hai nước đã đính ước với nhau, tiêu phải nhất-luận khán-đãi là người nước rất thân, không được thu thuế nặng quá.

Tự khi điều-ước này tuyên-bố ra, dư-luận trong nước Mỹ, chưa lấy làm vừa ý, ai cũng nói rằng: những vấn-đề khó khăn ở xứ cận-đông trong vài trăm năm nay, tuyệt không nói gì trong điều-ước này cả; lại như cái địa-vị số ít dân-tộc ở trong cõi nước Thổ, cũng không cấp sự bảo-hộ cho người ta. Thế thì bản điều-ước này thực chưa được hoàn-bị. Mà không những điều-ước nước Mỹ-Thổ như thế, cả đến điều-ước Lạc-Tang của đồng-minh, cũng chưa có cái năng-lực giải-quyết các vấn đề cận-đông được.

Sự cách-mệnh ở nước Tây-ban-Nha

Chánh-cục trong nước Tây-ban-Nha vẫn không được yên-ổn, song sự cách-mệnh phát ra rất kịch-liệt mà lại bình-tĩnh như không, nhanh chóng lạ thường, chưa ai đã liệu-tưởng được thế.

Sự cách-mệnh lần này, nên gọi là « quân nhân cách mệnh », vì cái tính-chất đảng cách-mệnh này, cũng giống như đảng Mộ-sa-lý-ni nước Ý-đại-Lợi, thế cho nên người ta gọi là « đảng bồng-hát cách-mệnh ».

Các động-cơ gián-tiếp đảng cách-mệnh này, là do tự đảng cộng-sản trong nước Tây-ban-Nha cùng với đảng Gia-tháp-lạc-Ni hoành-hành. Vì mấy tháng trước, quân đội nước Tây-ban-Nha ở nước Ma-lạc-kha mấy trận đánh bất-lợi, việc kinh-tế sinh-hoạt của quốc-dân khốn khó lạ thường, mà thế-lực chánh-phủ thì lại bạc-nhược lắm, bởi thế người đảng độc-lập Gia-tháp-lạc-Ni, nhân cơ-hội ấy, mới sinh náo-động, Đảng Gia-tháp-lạc-Ni xưa nay vẫn có quan-hệ mật-thiết với đảng cộng-sản, mà lại được chánh-phủ lao-nông (nước Nga) giúp đỡ ngầm nữa.

Kể đảng ấy gây ra phản-loạn đã lâu, yêu-cầu cùng với Tây-ban-Nha phân-liệt, gần đây đảng ấy đi đến đâu cũng làm những việc ra oai dọa nạt, tình thế rất nguy. Đảng quốc-nhân nước Tây-ban-Nha thấy chánh-phủ không sao chấn-áp được, mà việc trị-an trong nước bối rối không

yên, bèn quyết-kế dùng thủ-đoạn phi-thường, can-thiệp vào việc chính-trị.

Ngày 14 tháng chín, quan Tổng-đốc ở đất Ba-sắc-lạc-Na là Lý-giuy-Lạp. Tướng-quân (Général Prims de Rivera) phát tờ bá-cáo, xin đại-biểu đảng quân-nhân trong hạt Ba-sắc-lạc-Na; yêu-cầu quan Thủ-tướng và quan Ngoại-giao đại-thần phải lập-tức từ chức, để tổ-chức một chánh-phủ khác cho có thế-lực; vì chánh-phủ hiện-tại nhu-nhược quá lắm; đối với việc chiến-tranh ở nước Ma-lạc-Kha, thì thất-bại thế ấy, đối với việc trị-an trong nước, thì đảng độc lập và đảng cộng-sản rối loạn thế kia, mà không sao chế-trị cho yên. Thế cho nên muốn bảo-toàn cuộc trị an trong Tây-ban-Nha, bất đắc dĩ mới phải làm sự trực tiếp hành-động ấy.

Trong tờ tuyên-cáo lại có nói rằng: « lần này cách mệnh, cốt là phản đối chánh-phủ đó thôi, chứ đối với quốc-vương thì vẫn hết lòng ủng-hộ ». Ấy cái thái-độ đảng cách-mệnh đại khái như thế.

Từ khi phát sự biến loạn ở Ba-sắc-lạc-Na về sau, quân đội các nơi, cũng đồng thời phụ họa. Lúc ban đầu tòa Nội-các còn muốn dùng cái phương-pháp chống cự.

Bấy giờ vua nước Tây-ban-Nha ở ngoài du-lịch, nghe tin biến-loạn, vội vàng giở về kinh-thành; quan Thủ-tướng là Á nhĩ hà Tuy-Mã (Marqués de Alhucemas) xin với vua lập tức bãi chức các tướng làm loạn, và nhất-diện xin đòi nhóm quốc-hội, giải-quyết thời-cục cho yên. Vua Tây-ban-Nha nghe song có nói để xét lại đã, rồi sẽ quyết-định. Bởi thế quan Thủ-tướng và toàn-thể tòa nội-các đều xin từ chức ngay hôm 14 tháng chín. Thế là kinh-thành Mã-đức Lý (Madrid) đã hãm vào cái trạng-thái không có chánh-phủ rồi.

Vua Tây-ban-Nha biết cái cục-thế đảng cách-mệnh không sao vãn hồi được, nên ngay hôm ấy (14 tháng chín) gửi điện-tín cho Lý giuy Lạp Tướng quân, mời vào kinh-thành tổ-chức tòa nội-các mới.

Lý-giuy-Lạp Tướng-quân vâng mệnh vào kinh, ngày 16 nhận chức Thủ tướng, thay mặt tám quan Tướng quân các quân-đoàn, và quan Hải-quân Thiếu tướng, tổ chức thành toà quân-nhân nội các lâm thời, để chuyên quyết mọi việc. Cái tính chất nội các ấy cùng với toà nội các nước Pháp về thời đại cách mệnh trước cũng giống nhau. Còn một phương diện thì giải tán quốc hội, và tuyên bố nghiêm lịnh phòng bị trong toàn-quốc, phàm có ai mưu sự phản-đối với chánh-phủ mới, hay là phương hại đến phúc lợi của nhà nước, thì đều lấy quân pháp xử-trị. Ấy thế là một sự chánh-biến rất lớn rất oanh-liệt trong nước Tây-ban-Nha, chỉ trong có hai ba hôm mà bình-yên phẳng lặng vậy.

Cái chánh-sách nội-trị ngoại-giao của chánh-phủ mới, cứ quan Lý-giuy-Lạp Tướng quân thuật chuyện với một nhà tân văn thì đại khái thế này:

« Chánh phủ mới nghiêm cấm đảng cách mệnh, đảng cộng-sản và đảng độc-lập không được mưu phản; chánh-phủ lại đem toàn lực để bình-định việc loạn ở Ma lạc kha. Rồi sau sẽ giảm bớt việc quân bị, để nhẹ bớt sự gánh vác cho quốc dân.

« Hiện nay là lúc tạm thời, mọi việc do tòa Nội các quyết định, đợi khi nào công việc yên ổn, nhân-dân lại được tự-do tuyển lập quốc hội. Còn những điều quan-hệ chánh-phủ mới đối với ngoại-quốc, thì chỉ dùng cái chánh sách bình hòa ».

Cứ như tin tức gần đây, thì vua Tây-ban-Nha đã tục phát mệnh lịnh, nghiêm cấm những người bàn sự độc-lập. Nhân-dân trong nước, chỉ được treo cờ bản-quốc mà thôi, không được treo cờ nào khác nữa. Đảng bảo thủ và đảng tự-do, dầu không bằng-lòng với chánh-phủ-mới, song cũng không dám phản-đối. Đến như đảng xã-hội và đảng cộng-sản, cái sức hoạt-động tự-nhiên cũng giảm bớt mất nhiều.

Từ sau khi cách-mệnh, chánh-cục coi ra yên ổn vững vàng. Song chánh phủ mới có cái thế-lực khống chế cả nước hay không, điều đó chưa rõ; còn như tình hình việc quân ở Ma-lạc kha, chánh-phủ mới có tuyên-ngôn rằng: trong một tuần lễ sẽ phái 15 vạn quân sang Ma lạc kha, chiếm cái thế công rất lớn. Nhưng việc ấy có thành công hay không, còn là một sự mập mờ lắm.

Sự cách-mệnh ở nước Tây-ban Nha lần này, thực bắt chước như nước Ý-đại-Lợi khi trước. Ông Lý-giuy-Lạp là một tay lãnh-tụ trong đám quân nhân, đánh đổ đảng bảo thủ, thi hành chánh trị độc đoán, cai trị độc-đoán ấy thực là giống như đảng Mộ sa-lý Ni nước Ý. Và lại cái mục đích đảng quân nhân nước Tây-ban-Nha, chỉ cốt đánh đổ đảng cộng sản đi, để duy-trì lấy cuộc quốc gia thống nhất, không khác đảng bồng hát nước Ý-đại-Lợi chút nào. Lại cứ lời ông Lý-giuy-Lạp tuyên-ngôn rằng: « chánh-phủ mới sẽ mộ quốc-dân 20 vạn, tổ chức một đội quốc phòng, đặt tên là Sa mạch đan (Sanaten) thì đủ biết những sự sếp đặt của chánh-phủ mới, thảy đều bắt chước như lối văn chương cũ của đảng áo đen vậy.

Xét cái kết-quả sự chánh biến nước Tây ban Nha và nước Ý đại Lợi mà xem, đủ biết chánh-trị giới trong cõi Âu-lục, cơ hồ không đâu là không có cái thế lực phản động vậy

VIỆC TRONG NƯỚC

Hội đồng Chánh-phủ thường-trực

Hồi 9 giờ hôm 28 décembre 1923, hội-đồng chánh-phủ kỳ thường-trực đã họp tại phủ Toàn quyền, có quan phó Toàn-quyền Robin chủ-tọa. Các việc đã xét như sau này:

1· Trích lấy ở kho dự-bị Bắc-kỳ 15.000$00, để bồi-thường cho ông Roque là chủ tầu ở Haiphong.

2· Sửa lại tờ hợp-đồng ngày 26 Juillet về việc lãnh trung tải thư từ ở các đường thủy Bắc-kỳ.

3· Đặt thuế ngoại-phụ ở Nam-định.

4· Việc lãnh trưng 100.000 phiến sắt, để đặt đường xe lửa tự Tân-ấp đi Ngân-sơn.

5· Định giá rượu ti bán cho các chủ lãnh trưng.

6· Mở hai nhà khách sạn tại Na-don và tại Chợ-điền vân vân.

Tuyển học trò vào trường Canh-nông ở Tuyên-quang. — Đến hồi 8 giờ sáng hôm 16 Février 1924, có một kỳ thi tại trường Cao-đẳng Nông-lâm ở trên trại hàng-hoa Hanoi, để tuyển học trò vào trường Canh-nông ở Tuyên-quang. Kỳ hạn học là hai năm. Ai thi mà điểm-số trung-bình được 12 điểm giở lên, thì sẽ được cấp một cái bằng nông-học sơ-đẳng.

Ai muốn thi phải làm đơn gửi ngay lên quan Công-sứ tỉnh mình, ở Hanoi Haiphong thì gửi đến quan Đốc-lý, và phải đính theo các giấy sau nay:

1· Giấy nhận thực là con người xứ thuộc-địa hay là xứ bảo-hộ Pháp, hoặc là con nuôi những người dân Pháp.

2· Giấy khai-sinh.

3· Giấy thầy-thuốc nhận thực có đủ sức làm nghề đồng-áng, và phải giản ảnh của người thi.

4· Giấy người cha hoặc người đỡ đầu cho phép đi thi.

5· Giấy nhận thực rằng: người cha hoặc người đỡ đầu là người lương-thiện.

6· Bản sao cái văn-bằng sơ-học, hay là các giấy chứng chỉ của nhà trường.

Các giấy trên này sẽ do quan Công-sứ hoặc quan Đốc-lý chuyển đệ về quan chánh sở Nông-chính là chánh chủ-khảo kỳ thi tuyển học-sinh vào trường Canh-nông Tuyên-quang.

Lại còn một điều rằng: Năm nào trường này cũng tuyển học-sinh, mà tuổi tự 16 đến 23, quán ở Bắc-Kỳ và Trung-Kỳ, học-lực đã khá, có thể ngang sức với những người đỗ bằng sơ-học. Khi đã trúng tuyển, thì được học được ăn tại trường mà không mất tiền. Lại được lương tháng để mua quần áo sách vở, giấy bút năm thứ nhất 6 đồng, năm thứ hai 8 đồng.

Ở chỗ này nước lành lắm.

Giới-thiệu sách mới. — Quyển **« Nghĩa trọng tao-khang »** là một cuốn xã-hội tiểu-thuyết, của ông Hoàng-đình-Phụng mới soạn ra.

Ông Hoàng-đình-Phụng vốn là người trong hội Công-Thương đồng-nghiệp, xưa nay vẫn chú-ý về khoa học luân-lý lắm. Nay mới lựa chọn làm cuốn tiểu-thuyết này, tưởng cũng bổ-ích cho nền luân-lý lắm vậy. Bán tại Văn-hưng thư-quán, số 59 Hàng-Gai Hanoi. Giá 0$15.

Quyển **« Nữ-hải-tặc »** là chuyện trinh-thám của Nhật-Bản, ông Phạm-bùi-Cầm mới dịch-thuật ra, kết-cấu ly-kỳ, lời lẽ hoạt-bát, thực là một chuyện mới mẻ và vui thú lắm.

Bán tại các hàng sách Hanoi giá 0$30.

CẢI-CHÍNH

Quyển Tạp-Chí số 5, trang 240, cột thứ 2, ròng thứ 38, câu: « sinh ở thế-kỷ thứ hai mươi.... » sắp nhầm là: « thứ h mươi.... »

Trang 251, cột thứ 2, ròng thứ 20, câu: « thi hát thi đèn.... » sắp lầm là: « thi hát thi tài ».

Vậy xin cải-chính lại cho đúng.

CÔNG VIỆC HỘI

TRUNG BẮC NÔNG-CÔNG-THƯƠNG TƯƠNG-TẾ

Các tin trong hội

Mục này mở ra để đăng-tải các tin-tức linh-tinh trong toàn-thể hội, vậy xin các viên Thư-ký trong Tòa Trị-sự các chi-hội khi lại-cáo thì viết một mặt và gửi bằng phong-bì riêng cho viên Chánh Hội-trưởng để tiện việc soạn đăng.

Đất làm nhà Hội-quán

Ngày 9 Janvier 1924, quan Đốc-lý Hanoi đã viết thơ cho hội ta bằng lòng cho bản-hội thuê một khu đất công của thành-phố Hanoi một hạn dài năm để làm nhà Hội-quán.

Hiện nay Tòa Trị-sự đã cử một hội-đồng đi tìm khu đất nào tiện-lợi cho hội để hội xin thuê.

Đổi tên hội

Kể từ ngày 7 Janvier 1924, hội ta đã được phép quan Thống-sứ đổi tên ra *Trung-Bắc Nông-Công-Thương Tương-tế hội*, chữ Pháp là *Association Mutuelle des Emloyés de Commerce, d'Industrie et d'Agriculture de l'Annam-Tonkin*, chữ viết tắt là *A. M.E. C. I. A.*

Hoan-nghênh các ông Hội-viên mới

Nguyễn-Hoan Médecin indigène, rue de la Soie

Nguyễn-cảnh-Thạc Commerçant, rue des Médicaments

Trần-văn-Thìn chef de rue, rue des Pipes

Tạ-Tài Commerçant, rue du Charbon

Mạc-đình-Tư Directeur de l'imprimerie, rue du Coton

Tạ-công-Hoan Comptable au G.M.R.

Nguyễn-bá-Nguyên Entrepreneur, rue des pipes

Cao-văn-Hợp Instituteur de l'Ecole Ngọc-kiều, Sontay

Lê-huy-Vy Chef de quatier, rue de la Soie

Lê-đức-Pho Commerçant, rue de la Soie

Tin mừng.

Hội được tin M. Nguyễn-Tự, Tham-tá sở Công-chính ở Đồng-Hới, là lệnh-đệ ông Nguyễn-Thống Thư-ký Tòa Trị-sự của hội, ngày 2 Janvier 1924 vừa rồi làm lễ nghênh-hôn. Hội có lời mừng ông Nguyễn-Thống, lệnh-đệ và tân-giai-nhân.

Cùng ngày 2 Janvier 1924, ông Âu-tân-Vinh là hội-viên bản-hội làm lễ thành-hôn với cô Lê-tú-Liên là lệnh ái quan cố Án sát ở Thái hà ấp. Vậy bản hội có lời mừng ông và tân giai nhân.

Hội được tin Bà nội-tướng ông Nguyễn thế-Long Hội-trưởng Chi-Hội Viétri ngày 1er Janvier 1924 sinh con giai. Vậy Hội có nhời mừng ông Long và quí-quyến.

Đau ốm

Ông Phó Hội-trưởng Trần-đình-Quang hiện đương đau yếu, Các viên Văn-tân thường qua lại thăm nom. Hội xin có lời chúc ông chóng mạnh.

Ông Trần-đức-Mưu Chánh thư-ký chi-hội Viétri ngã gác, nay bệnh tình ông xem ra đã bớt nhiều.

Ông Nguyễn-Liên kiểm soát ủy-viên chi hội Viétri mệt tại tư-thất đã hơn một tháng nay. Ngày nào cũng có quan thầy thuốc tây đến xem — Bệnh tình ông xem ra hãi còn chầm chệ lắm.

Bản-hội được tin bà cụ nhạc ông Trương-đình-Thoại, viên tân ủy-viên chi hội Tourane tạ thế ngày 25 Décembre 1923. Vậy bản hội có lời kính viếng cụ và chia buồn cùng ông Thoại.

HỘI CHÁNH HANOI

Biên-bản kỳ hội-đồng Trị-sự ngày 11 Janvier 1924, họp tại nhà hội-quán số 59 Phố hàng Gai Hanoi. Hiện diện có những ông Nguyễn-huy-Hợi, Nguyễn-duy-Nho, Nguyễn-Thống, Bạch-thái-Sơ, Nguyễn-Tiến, Nguyễn-đình-Liên, Bùi-thiện-Nhân, Nguyễn-Hoan, Nguyễn-cảnh-Thạc, Lê-ngọc-Giản.

Ông Hội-trưởng Nguyễn-huy-Hợi làm chủ-tọa,

Đúng 8 giờ ông chủ-tọa khai hội đồng bàn các việc theo chương trình như sau này:

1· **Việc thư-ký.** — Ông hội trưởng và ông thư ký trình các bức thư-từ trong hội:

a) Giấy của quan Thống-sứ ngày 7 Janvier 1924 ký cho phép hội ta đổi tên ra « Trung-Bắc Nông-Công-Thương tương-tế hội » (Association Mutuelle des Employés de Commerce, d'Industrie et d'agriculture de l'Annam-Tonkin (A. M. E. C. I. A.). Hội-đồng đều lấy làm hoan-hỉ, vì mục-đích và chủ nghĩa của hội ta càng được rộng thêm, mà thanh thế hội càng có thể bành-trướng vô-cùng Hội-đồng định viết thư cho các chi-hội, và bá-cáo lên các báo-trương.

b) Thư của quan Đốc-lý trả lời cho hội ta thuê một khu đất trong một hạn 99 năm. Vậy hội ta phải tìm một khu đất nào hội ta muốn thuê của thành phố thì cho ngài biết, ngài sẽ ký giấy cho. Hội-đồng cử những ông Nguyễn-duy-Nho, Bạch-thái-Sơ, Nguyễn-Hoan, Nguyễn Tiến, Nguyễn cảnh Thạc ngày 12 Janvier 1924 ra tòa Đốc-lý xem đồ bản của thành phố Hanoi để tìm một khu đất công nào tiện cho hội ta thì hội ta sẽ xin quan Đốc-lý cho ta thuê.

c) Thơ của chi Hội Hà-Giang nói hiện nay có hơn ba mươi hội-viên ở tại tỉnh Hà Giang; còn các ủy viên của chi hội ở Bảo-Lạc Bắc-Quang Đồng-văn vân vân.... cũng gần được 50 hội viên. Đầu tháng này đã bầu tòa trị sự tạm thời để hành động các công việc Hội:

Ông Nguyễn văn Thụ, phán sự ở sở Binh-Lương, làm hội trưởng; ông Nguyễn đức Thuần khán hộ nhà thương bảo hộ, phó Hội trưởng; ông

Lê-văn-Lượng phán-sự sở Lục-Lộ, làm thủ-quỹ, ông Toán-văn-Cống là phán-sự đạo binh thứ ba và ông Hứa-văn-Mậu Giáo học trường Pháp-việt làm chánh phó thư-ký, ông Nguyễn-văn-Thu làm việc tại Hà-Giang đã hơn 15 năm, các anh em đều quý mến ông lắm, lại được ông Nguyễn-đức-Thuần, nguyên hội-viên chi hội Viétri, đổi lên đây đã hơn một năm; hai ông cốt nhiệt-thành về chủ nghĩa hữu-ái của Hội, nay đã ra nhận chức trách hành-động để lập một chi hội ở Hà-Giang, thì chắc không bao lâu sẽ làm lễ « đại-hội-đồng thành-lập ».

Hội-đồng đều lấy làm mừng, và cảm phục tấm lòng của hai ông, mới có hơn một tháng giời đã cổ-động hơn 30 ông hội-viên.

d) Hội-đồng định viết một bức thư recommandée nữa cho hội Ái-hữu của người Việt-nam tại Quảng-châu-loan để hỏi xem số tiền của hội ta định giúp hội Quảng-châu-loan thì gửi cách nào để hội đó nhận được, vì bức thư trước hội ta gửi tin ấy (1er Décembre 1921) cho hội ấy thì chưa thấy trả lời.

e) Hội-đồng định viết thơ cho ông Danh-dự Hội-trưởng của hội là M. Fontaine để xin yết-kiến ông và cám ơn ông hàng năm gửi tiền cho hội ta.

f) Hội-đồng giao giấy phép đổi tên hội (giấy quan Thống-sứ cho ngày 7 Janvier 1924) cho ông Thủ-quỹ Nguyễn-duy-Nho giữ.

2· Xin ra hội. — Viên Thư-ký trình đơn xin tạm ra hội của ông hội-viên Phạm-duy-Hanh, làm việc Khán-hộ ở sở binh gia (Langson) trong ít lâu, vì lẽ ở xa quá, sự giao-thiệp với Hội-chánh không tiện. Hội-đồng chuẩn-y.

3· Việc Văn-tấn. — Các viên Văn-tấn trình hội-đồng về sự hai ông Phó Hội-trưởng Trần-đình-Quang, Lê-ngọc-Giản, và ông Thư-ký Nguyễn-Thống trong tháng Décembre 1923 vì thời tiết thay đổi có yếu-mệt. Hiện nay ông Quang còn đang yếu, hội-đồng có lời vấn-an, ông Giản và ông Thống đã mạnh, hội-đồng đều mừng hai ông.

4· Việc thủ-quỹ. — Ông Nguyễn-duy-Nho trình sổ quĩ chi-thu về tháng Décembre 1923, hội-đồng chuẩn-y

Đúng 10 giờ rưỡi không còn việc gì bàn nữa, hội đồng giải-tán.

Làm tại Hanoi ngày 11 Janvier 1924.

Chủ-tọa hội-đồng

NGUYỄN-HUY-HỢI

Thư-ký hội-đồng

NGUYỄN-THỐNG

CHI-HỘI TOURANE

Biên-bản kỳ đại-hội-đồng ngày 23 Décembre 1923 chi hội Công-Thương Đồng-nghiệp ở Tourane *(Annam)*.

Ngày 23 Décembre 1923, hồi 3 giờ chiều Chi Hội Bắc-kỳ Công-Thương Đồng-Nghiệp ở Tourane họp Đại-hội-đồng tại nhà Hội-Quán.

Có mặt :

Ông Bích, Bồn, Cần, Chương, Đinh, Dị, Dần, Giư, Giả, Hạ, Hữu, Huy, Hải, Hàm, Nguyễn-hữu-Hòa, Kiện, Kính, Phong, Thú, Thành, Thoại, Tùng, Thiệp, Tủ, Thuận, Vinh, Vạn-Lợi dit Mán, Xuân.

Vắng mặt có giấy ủy-quyền : Ông Hỹ, Hồ-Phụng, Kim Ken, Phúc, Hữu (Giao quyền cho ông Bích).

Vắng mặt có giấy xin kiếu :

Ông Biêu, Cung, Chỉnh, Châu, Trần-ngọc-Chương, Đồng, Hương, Phạm-Hải, Mục, Lại, Phụng, Từ, Toản, Ngọc, Thanh, Vinh, Nguyễn hữu Vinh.

Đại-Hội-Đồng họp để bàn các việc sau đây :

Trước khi khai Hội-đồng, ông Ưng-Hạ, Chánh-chi Hội-Trưởng có đọc tờ trình, đại khái, trước ông cảm ơn tòa Trị-sự đã cùng ông hiệp lực đồng-tâm mà quản-trị, chủ-trương việc hội đã trọn một năm nay mà các việc điều được chu-đáo cả. Ông Hạ có lược kể qua hình-thể và các việc hành đóng của hội cùng các khoản chi thu. Sau hết ông chúc cho hội-viên cùng chư gia quyến điều được bình an, vân vân... Tiếp đến ông Đào-công-Kính, Kiểm-Soát ủy-viên thay ban Kiểm-Soát đọc một bài trình bầy các việc ban ấy đã làm điều được hoàn hảo cả, vân vân... Khi đọc xong, các hội-viên điều vỗ tay hồi lâu khen ngợi hai ông.

1· Xét sổ-sách. — Ông Ngô-qui-Dị, Tổng Thủ-Quĩ đem trình hội-đồng các sổ sách chép biên khoản lý-tài. hội-đồng xét các khoản chi thu rất kỹ càng thì biết được là quĩ hội đã trù các khoản chi tiêu rồi — đến ngày 23 Décembre 1923, còn lại được 715$39 và các đồ vật liệu mới mua giá là 130$00. Khi kiểm điểm quĩ rồi thì ông Dị, Tổng Thủ-quĩ có trình cùng hội-đồng cho ông xin từ chức Thủ-quĩ, là vì ông nay bị nhiều việc công-tư bó-buộc, ông tự nghĩ không thể giúp được việc Hội cho chu-đáo. Ông Dị đã xin từ chức 2,3 lần, nhưng Hội, vì mến-tin ông, cố ép ông hoài, nay thấy ông quả bận việc nhiều, nên Hội-đồng điều ưng-thuận để ông từ chức.

Ông Dị đã từ chức, mà hiện nay Hội cũng chưa tiện bầu ngay được viên Thủ-quĩ khác, nên chức Tổng Thủ-quĩ của Hội nay xin cậy ông Ưng-Hạ Chánh chi Hội-Trưởng tạm lãnh. Ông Hạ vui lòng tạm lãnh chức ấy và đã nhận 715$39 tiền quĩ Hội ông Dị giữ giao lại cho ông rồi.

2·. — Bàn gửi tiền quĩ Hội. — Tiền Hội mà gửi ở nhà Đông-pháp Ngân-hàng thì chỉ được lãi 2 phân một năm, vậy ông Chánh Chi-Hội-Trưởng và ông Ưng-Cần, Phó Hội-Trưởng có hỏi gửi tại hàng Fiard & Cie thì ông Chủ-Nhiệm hạng ấy có hứa cho lãi 6 phân một năm thì lúc nào muốn lấy cũng được, mà nếu Hội để trên một năm thì hàng ấy sẽ xét và trả cho 8 phân một năm. Hội-đồng điều ưng thuận gửi tiền quĩ ở hàng Fiard và đã cậy ông Hạ sẽ gửi cho ở hàng ấy 700$00.

3·. — Bàn làm và xin đất làm Hội-Quán. — Hội bàn định làm nhà Hội-quán để có nơi rộng-rãi, tiện-dụng cho hội đến nhóm-họp. Nhưng hiện nay tiền hội còn ít, lại còn phải chi tiêu nhiều việc khác, nên việc làm nhà Hội-Quán xin hoãn sự bàn; còn đơn xin đất của thị-sảnh bản tỉnh để làm hội-quán thì hội đã làm và cậy quan Darnis-Gravelle, Đồng-Lý nhà Đông-pháp Ngân-hàng ở bản tỉnh và là danh-dự Phó hội-Trưởng của bản hội, xin hội, thì đơn đã đến tòa Đốc-Lý rồi, nhưng còn phải đợi đến kỳ hội-đồng Thành-Phố sang

năm thì mới biết được hay là không.

4·. — **Bàn làm một tiệc hôm 3 Février 1924.** — Hội đồng bàn đến ngày 3 Février 1924 nhằm ngày 28 tháng chạp ta, hội sẽ đặt một tiệc. Tiệc này hội viên nào đến dự thì chịu tiền riêng, để chúc mừng lẫn nhau thay trong ba bữa tết.

5·. — **Bàn làm phiếu hội-viên.** — Ông Trần-như-Bích. Tổng thư ký có nói là thấy nhiều hội viên nhắc hỏi đến phiếu hội viên và xem ra ở ngoài Hội Chánh chưa làm, vậy ông Bích nói nếu ngoài hội Chánh bận việc chưa thể làm được thì viết thơ xin Hội Chánh gửi lại cho các chân dung các hội-viên để bàn hội cứ theo như kiểu đã in ở báo Hữu Thanh mà làm và ông Bích bàn xin thêm vào phiếu hội viên ấy ít chữ như vậy :

Vu pour légalisation de la signature de M. Ưng Hạ, Président de la section de l'Amécia Tourane, apposée ci-contre.

L'Administrateur Résident-Maire.

Khi làm xong, ông sẽ xin quan Đốc-Lý bản tỉnh ký nhận cho trọng sự-thể và thêm giá-trị cái phiếu hội viên lên.

6· — **Bàn làm bằng cấp.** — Ông Bích lại bàn xin Hội chế ra một thứ văn bằng để tặng các viên-chức trong toà Trị-Sự khi mãn lệ giúp việc Hội 2 năm. Các viên-chức trong toà Trị-Sự của bản Hội giúp việc Hội tưởng cũng khó-nhọc và bận bịu, vậy khi mãn lệ mà các việc đều được chu-tất cả, tưởng Hội cũng nên kính tặng ít chữ để mà cảm tạ lòng nhiệt thành cùng công lao-khổ của các viên ấy đã tỏ ra với Hội. Ông Bích sẽ đưa đệ trình Hội một bản dự thảo cái lòng văn bằng ấy, vừa bằng chữ Hán và chữ Pháp để Hội xét

Đại Hội-Đồng đều ưng thuận sáu điều bàn kể trên đây.

Nhời yêu-cầu

Bản Chi Hội rất vui lòng ưng thuận nhời bàn của ông Trần-đình-Quang, Phó Hội Trưởng Hội Chánh về việc phúng riêng tứ thân phụ mẫu cập song thân các viên chức trong toà Trị Sự của Hội Chánh và các chi Hội — Nhời bàn ấy in ở báo Hữu-Thanh N° 1 ngày 1er Novembre 1923, trang thứ 50 — Vậy xin ông Chánh Hội-Trưởng thông-tư việc ấy cho các Chi Hội biết và xin bắt đầu thi-hành từ 1er Janvier 1924.

Đúng 6 giờ chiều, không ai bàn gì nữa. Hội-đồng giải-tán.

Tourane, le 23 Décembre 1923

Chánh chi Hội-Trưởng

ƯNG HẠ

Tổng Thư-Ký

TRẦN NHƯ BÍCH

CHI HỘI THANH-HOA

Tờ biên bản kỳ tiểu hội đồng thường nguyệt hôm 1er Décembre 1923 họp tại nhà hội quán ở phố Hanoi số 6.

Hôm tiểu hội đồng bất thường 21 Novembre 1923 thì tòa Trị-sự đã chuẩn y nhất định rằng : từ khi có việc gì cần kíp mà ông hội-trưởng phải đạt giấy để lập tiểu hội đồng bất thường còn như kỳ tiểu hội đồng thường nguyệt thì tháng nào cũng cứ đúng bảy giờ tối ngày Mồng một thì các hội viên trong tòa Trị-sự đều tụ tại nhà hội quán để bàn công việc trong hội, và hội đồng đã ủy cho

viên thơ-ký theo ý kiến ấy làm giấy đạt cho tất cả các hội viên trong hội biết để nếu ông nào muốn yêu-cầu việc gì hoặc có ý kiến gì cao thượng thì xin cứ đến tối hôm ấy đến tại nhà hội quán hoặc không đến được thì cứ viết thơ lại để tòa Trị-sự xét.

Theo như lời nhất định ấy, thời hôm 1er Décembre có những ông này đến dự hội-đồng :

M.M. Trần-thiện Kè, Nguyễn xuân Mỹ, Đào-đình-Minh dit Vỹ, Phạm-ngọc-Thanh, Hoàng-hữu-Uy, Trần-xuân-Mai, Lê-đình-Tiến, Nguyễn-văn-Thăng, Trần-quang-Cơ, Nguyễn-ngọc Thạc Nguyễn-văn-Ngọt

Vắng mặt và có giấy kiếu là những ông này :

M.M. Nguyễn-văn-Vần, Vũ-đình-Lịch, Nguyễn-văn-Xuyến.

Đúng 8 giờ thì ông hội-trưởng Trần-thiện-Kè, khai hội đồng rồi tuyên đọc các bức thơ cho hội nghe.

Bức thơ của ông Nguyễn-văn-Vần trong thơ đại ý ông nói rằng vì ông có chút việc riêng không thể lại họp hội được, vậy ông có giao cho người nhà đem sổ chi thụ và giấy má lại để hội đồng xét, sau ông lại bàn rằng : hội ta nên tổ chức một cuộc hát để lấy tiền giúp dân bị lụt ở Bắc-kỳ và nên làm hội-quán, còn việc khánh thành chi hội ta thì nên hoãn lại.

Hội đồng bàn rằng : trong thơ ông Vần nói như thế thì không được hợp lệ. Xem như chi nào khi thành-lập cũng phải làm lễ khánh thành ngay để công bố mọi người đều biết, huống chi hội chúng ta thành lập đã ngót ba năm nay mà bây giờ lại nhân được dịp hay, nên làm lễ khánh-thành thì tiện cho chi hội ta lắm. Còn như ông Vần nói bận việc riêng mà giao cho người nhà đem sổ và giấy má lại cho hội đồng xét, nêu ông Vần làm như thế thì không đúng thể-lệ của hội, xin cứ giao cho người nhà ông đem về cho ông để kỳ nào ông có thì giờ lại họp hội được thì hội đồng sẽ xem xét cũng được.

Bức thơ của ông Lê-tiến-Nghiêm và ông Hoàng-hữu-Uy trình hội đồng về việc các ông đã vâng lịnh của hội ra dự lễ kỷ-niệm và cuộc hát làm phúc ở ngoài Hội-Chánh trong thơ các ông kể kỹ-lưỡng những công-cuộc của hội Chánh đã tổ-chức ra trong tối thứ bẩy và ngày chủ nhật hôm ấy cho hội đồng nghe.

Khi nghe song thơ của hai ông, thì hội-đồng lấy làm ngợi-khen và cảm phục ông Nguyễn-huy-Hợi và anh em ở ngoài Hội-Chánh đã tỏ hết lòng nhiệt-thành lo liệu cho hội để mọi việc đều được hoàn-toàn như thế.

Đoạn rồi hội-đồng lại bàn đến việc làm lễ khánh-thành chi-hội và việc hát lấy tiền giúp dân bị lụt ở ngoài Bắc. Việc này thì ông Lê-tiến-Nghiêm và ông Hoàng-hữu-Uy trình với hội đồng rằng : hai ông đã được xem tấn kịch ở ngoài hội Chánh diễn tại nhà hát tây, lấy làm lý thú và vui lắm cho nên các ông cũng chú ý ngồi nghiên cứu từ đầu đến cuối, mà đã nhớ hết được bộ-tịch và ý nghĩ trong tấn kịch ấy không sót chỗ nào ; và hai ông đoán rằng : có thể tập cho các hội viên để diễn tấn kịch ấy được.

Hội-đồng bàn rằng : nếu hai ông đã nhất định được như thế ; thì xin trọn những ông hội viên nào có thể

đảm đang được việc ấy giúp hội, thì xin họp sức lại với hai ông mà làm, và hội-đồng lại ủy cho viên thơ ký viết thơ ra ngoài hội Chánh để xin gửi vào cho một quyển vở tuồng ấy để cho các ông tiện việc luyện tập.

Ông hội trưởng lại bàn đến việc làm nhà hội quán cho chi hội, ông có bàn rằng: hội ta bây giờ nên trù số tiền làm nhà hội quán xem hết là bao nhiêu, rồi đạt giấy cho tất cả các hội viên đều biết xin quyên mỗi ông là bao nhiêu, cho đủ được số tiền ấy, nếu những ông nào lực bất cập thì xin cứ viết thơ về để Toà Trị-sự xét: rồi sau còn thiếu là bao nhiêu thì lại xin lập cái sổ quyên để quyên những ông vật lực trong hội cho đủ số tiền làm nhà hội quán.

Ông Nguyễn-Xuân-Mỹ có bàn rằng: nguyên chi hội ta số hội viên đang còn ít, cho nên bây giờ đang là lúc mời lấy người vào hội cho đông. Vậy tôi e rằng theo như ý kiến ông Hội-trưởng lập sổ quyên như thế thì có lẽ làm cho mọi người đều nản lòng ngã trí hết. Tôi thiết nghĩ một cách như thế này thì cũng có đều tiện-lợi cho chi-hội ta: bây giờ Toà Trị-sự nên chọn lấy năm sáu ông vật-lực ở trong hội để xin các ông bỏ tiền ra làm nhà hội-quán cho hội, rồi Toà Trị-sự phải làm giấy hợp-đồng với các ông ấy xin giả làm mấy năm mà mỗi tháng là bao nhiêu, hễ khi nào giả hết số tiền ấy thì nhà Hội-quán sẽ thuộc về của hội.

Ông Nguyễn-Ngọc-Thạc lại bàn rằng: tôi trộm nghĩ có một điều này rất là ích-lợi chung cho cả toàn-thể hội ta.

Nguyên bây giờ quan Toàn Quyền có lòng hạ cố đến hội ta, ta nên xin yết-kiến Ngài để thỉnh-cầu công việc trong hội. Vậy bây giờ chúng ta nên viết thơ ra trình ông hội trưởng ngoài Hội-chánh để xin ông thỉnh-cầu với quan Toàn-Quyền cho toàn-thể hội ta mỗi chi hội được phép mở một cuộc sổ số độ 4000$00 mà trong số tiền này thì được lợi một nửa để lấy tiền làm nhà hội-quán, còn giấy số thì chỉ xin bán cho toàn thể các hội-viên trong hội, vì là bây giờ toàn thể hội ta đã tới ngót 4000 người mà tất cả có 11 chi-hội đã thành-lập rồi, vậy thì trong 4000 giấy số ấy chỉ bán cho các hội-viên trong hội cũng có thể hết được.

Hội đồng đều lấy làm phải, và đã ủy cho viên thơ-ký viết thơ ra trình ý-kiến ấy với Hội-Chánh để xin nhờ ý-kiến cao-thượng của các quý-hữu ngoài ấy xét định cho.

Đến ban Vấn-Tấn có giấy trình với hội-đồng về việc đi thăm ông Nguyễn-sỹ-Quý mệt, các ông nói rằng: vì khí-tiết bất-hóa cho nên ông Quý bị cảm soàng mấy hôm, nay xem ra đã thuyên giảm nhiều rồi.

Rồi ông hội-trưởng lại đem trình hội-đồng bức thơ của ông Quý cảm ơn hội, trong thơ nói rằng: trong khi ông bị mệt nhọc mà hội có lòng quá thương đến thăm-nom tử-tế, thì ông lấy làm cảm phục cái thịnh-tình hữu-ái của hội vô-cùng; vậy nay ông đã được bình-phục như thường, xin có nhời trình để hội biết mà mừng cho.

Được nghe tin báo của ông Quý như thế, thì hội-đồng lấy làm vui-mừng vô-cùng.

Đúng 11 giờ thì hội đồng giải tán.

Biên bản này làm tại Thanh Hóa ngày 1er Décembre năm 1923.

Chủ-tọa
TRẦN THIỆN KẾ

Thư Ký
NGUYỄN NGỌC THẠC



NAM-THINH — TAILLEUR

SOIERIES

6, Rue des Cantonnais — Hanoi (Tonkin)

Bán buôn và bán lẻ, hàng tơ lụa Bắc-kỳ

Bản-hiệu chuyên nghề bán cắt các thứ tơ lụa Bắc-kỳ sau này:

Lĩnh bưởi trơn và hoa, lương trơn và hoa, băng thâm và các sắc, lụa cổ đỏ thâm và trắng, lụa quần anh thâm và các sắc, the la cả thâm và các sắc, sô hột thâm và các sắc sồi thâm thật tốt, vân thâm và các sắc, sa trơn và hoa, lượt khăn 12 và 14 vuông (còn nhiều thứ nữa không kể hết).

Các thứ hàng Tây may y phục Langsa: alpaga couleur, drap fantaisie, garbadine couleur, tissus imperméable, tussor de soie très blanc, drap satin noir tennis, flanelle blanche, etc.

Các hàng nào buôn nhiều về bán, hãi viết thư về thương nghị, sẽ được **trừ hoa hồng từ 3 đến 10 pour cent.** gửi đi Contre-remboursement.

NAM-THINH, Hanoi
Kính cáo

Compagnie de Commerce et de Navigation d'Extrême-Orient

ALLATINI & Cie

36, rue Harmand, HAIPHONG

1° Bán gia đóng giầy
của các nhà thuộc-gia đã có danh-tiếng bên nước Pháp tại tỉnh STRASBOURG

Gia boxcalf, gia chevreau, gia vachette vernie, gia dê, gia cổ giầy giầy mỏng đủ các hạng và các mùi).

Sắp sang gia dê cả cuộn, kiểu giầy, đinh đồng, và chỉ khâu giầy. Lại bán cả các thứ gia cần dùng, như gia làm cương ngựa làm đồ gỗ và các giầy chạy máy.

2° Bán dầu máy, hiệu NEXAS Oil ở CITY.

Thứ Summer Black : bán lẻ p. **0.30**, *bán cả thùng p.* **0.275** *một cân.*

3° Đồ dùng về ngày tết Annam

Rượu mùi, rượu mạnh và các thứ khác.
Kẹo và mật mới ở bên tây sang đủ các thứ.

AI CẦN DÙNG MUA XIN HỎI TẠI:

Haiphong: số nhà 36 phố Harmand, và Hanoi: số 33 phố Đồng-Khánh.

HƯƠNG-HẢI THƯ-ĐIỂM

Trước ở Phố Paul Doumer số nhà 1 Haiphong nay đổi sang Phố Bonnal số 88 Haiphong.

Bán đủ các thứ sách vở giấy bút và tạp-hóa, có nhận bán cả các thứ báo-văn tạp-chí. Có bán cả các sách của ông NGUYỄN-MẠNH-BỒNG hiệu Mân-châu soạn như :

Ngọn đèn-khuya,
Vì nghĩa quên tình,
Ngọc Trai nước giếng.

Có bán các thứ tiểu-thuyết cùng sách học ở các trường.

Có chữa thuốc lậu, giang-mai (tim-la) và làm được thuốc chữa thuốc phiện. Có xem số Tử-vi, xem biết được sự phú qui thọ yểu của người ta.

Ai có lòng chiếu-cố xin viết thư cho.

M. NGUYỄN-VĂN-BÁCH
Directeur de la Maison Hương-Hải thư-Điểm
88 Rue Bounal Haiphong

NGUYỄN-THÀNH-CỰ'

BIJOUTIER

MAISON HẰNG-PHONG — **CAOLANH**

Có bán đồ nữ-trang bằng vàng và bằng đồng, xứng đủ kiểu kim-thời, mà nhất là bông-tai bèo và bông mẫu-đơn trồng chưn nhận hột salon và saphir, ăn hạng nhất đấu-xảo chợ phiên tại Hanoi năm 1921.

Lại có bán hàng Bombay đủ các mầu và hàng tàu, hàng ta nhuộm đen thật tốt, chịu bán gửi theo cách lĩnh-hóa giao-ngân (Contre-remboursement)

Và đồ sắt đủ các thứ dũa và đồ khí-nghệ cho những người làm thợ bạc dùng.

Như vị nào muốn dùng món chi thời bản-hiệu sẽ hết lòng tử tế mà gửi đến.

Kính cáo
NGUYỄN-THANH-CỰ

CÁC SÁCH BÁN TẠI HIỆU

VĂN-HƯNG

59, Phố Hàng Gai, HANOI

Bắc-kỳ tân luật lược-khảo của ông tham Nguyễn-văn-Diên làm ra mà ông tú Nguyễn-Hữu-Tiên sửa lại. Vừa chữ nôm chữ Quốc-Ngữ, dầy 264 trang. giá bán..... 1$20

Hanoi chỉ-nam (Guide de Hanoi) — 0.70
Nỗi lòng ai tỏ ??? (Bi-kịch) — 0.40
Chén thuốc-độc (Hí-kịch) — 0.40
Nghĩa trọng tao khang — 0.15
Nữ quân tử diễn nghĩa (trọn bộ) — 0.90
Tái-sinh-duyên (tiền biên và hậu biên) mỗi quyển 0.90
Ngọc-trai nước giếng — 0.20

Còn nhiều các thứ sách truyện khác nữa. Những giá kê trên đây tiền cước tính ngoài.

GIÁ ĐĂNG CÁO BẠCH RAO HÀNG VÀO HỮU-THANH TẠP-CHÍ

Đăng cáo-bạch rao hàng vào HỮU-THANH TẠP-CHÍ thì cứ mỗi trang giấy chia làm sáu ô, nhỏ nhất là một phần sáu trang. Vậy ngài nào đăng một phần sáu cũng được, hay một phần tư, phần ba một nửa hay cả trang, bản chí sẽ xin tùy giá đăng cho vừa. Song bản-chí xin nói để các ngài có cửa hàng muốn rao báo việc gì được rõ ràng: Bản-chí là một cái **cơ-quan của Hội Nông-Công-Thương-Tương-Tế là hội to nhất Đông-Pháp này và bạn đọc Tạp-Chí rất nhiều.** Nếu đăng vào bản-chí thật là có ích-lợi cho việc cổ động và đường buôn bán của các ngài lắm.

Ngài nào muốn đăng cáo-bạch hay rao báo việc gì, xin mời các ngài đến chơi bản-chí hay là gửi thơ đến, bản-chí sẽ tính giá phải chăng.

Các hiệu bán lẻ Tạp-Chí Hữu-Thanh

NAM-ĐỊNH : Bán tại hiệu **Tân-Sơn thư-điếm** nhà số 97 phố hàng Thiếc.

VINH : Bán tại hiệu **Hợp-Thịnh** phố Vân-Miếu.

GIA-ĐỊNH : Bán tại hiệu **Toàn-Lợi**, chủ-nhân Nguyễn-văn-Quỳnh, vừa là hàng bán tơ lụa và tạp hóa ở Nam-Kỳ.

Ở các tỉnh ngài nào muốn nhận bán lẻ, xin cứ gửi thơ về bản chí thương lượng.

HỮU-THANH

文興書館

VĂN-HƯNG

TONKIN — 59, PHỐ HÀNG GÀI, 59 — HANOI

Kính trình các quý-khách biết:

Bản Thư-quán có bán đủ các thứ sách, vở, giấy, bút, mực Tây và Nam, các thứ truyện Quốc-ngữ, các đồ dùng trong thư-phòng và các học-đường vân vân.

Bán buôn bán lẻ giá tính phải chăng.

Xin các quý-khách xa gần đều chiếu cố cho, tôi lấy làm cảm tạ vô cùng

Thư-quán Chủ-nhân
NGUYỄN-DUY-NHO Kính-cáo.

真方印館

CHÂN-PHƯƠNG

ẤN-QUÁN

30, phố hàng Mành, 30 — HANOI

Bản Ấn-quán in đủ các thứ giấy má, sổ, sách đóng lại các sách vở, công việc làm cẩn-thận, giá tính phải chăng, xin các Ngài chiếu cố.

CHÂN-PHƯƠNG Ấn-Quán
NGUYỄN-KHẮC-HANH Kính-cáo

Imp. Chân-Phương. Administrateur-Gérant : NGUYỄN-DUY-NHO